

Số: 251 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 02/ tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 788/QĐ-BXD ngày 23/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận huyện Tĩnh Gia đạt tiêu chí đô thị loại IV; UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan và UBND huyện Tĩnh Gia xây dựng Đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn; tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua HĐND cấp xã, HĐND huyện và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định.

Để hoàn chỉnh hồ sơ, đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

Huyện Tĩnh Gia nằm ở cửa ngõ phía Nam, có vị trí địa kinh tế chiến lược, quan trọng của tỉnh, có hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, Cảng hàng không Thọ Xuân, cửa khẩu Quốc tế Na Mèo; đồng thời là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với các tỉnh, thành phố trong nước, các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua Cảng biển nước sâu Nghi Sơn; đặc biệt hơn với lợi thế Khu kinh tế Nghi Sơn, là một trong 8 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước được ưu tiên đầu tư, định hướng trở thành đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch; có vai trò động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Với tiềm năng, lợi thế nổi trội tầm quốc gia và khu vực của Khu kinh tế Nghi Sơn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh - Bắc

Nghệ đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025 và Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đã định hướng phát triển Nghi Sơn trở thành đô thị động lực trung tâm của vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và khu vực Bắc Miền Trung.

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tĩnh Gia, kinh tế - xã hội của huyện Tĩnh Gia đã đạt được những kết quả, thành tựu quan trọng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội được tăng cường; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Năm 2018, tốc độ tăng giá trị sản xuất của huyện Tĩnh Gia đạt 59,39%; tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng trong tổng giá trị sản xuất chiếm 88,64%; Khu kinh tế Nghi Sơn đã thu hút được 192 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 106.627 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư trên 12,86 tỷ USD; dịch vụ - thương mại phát triển nhanh, đã hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động nhiều siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống.... Du lịch phát triển theo hướng khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch, di tích, danh thắng độc đáo như bãi biển Hải Hòa, đảo Nghi Sơn, đảo Hòn Mê, đền thờ Đào Duy Từ, Quận Công Lê Đình Châu... đặc biệt, ngày 23/9/2019, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 788/QĐ-BXD, công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí Đô thị loại IV.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Tĩnh Gia đã tác động lớn đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, làm thay đổi cơ cấu lao động, quan hệ sản xuất, quan hệ giao dịch hành chính, hình thành văn hóa đô thị, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước trên các ngành, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường...; yêu cầu đặt ra cần phải có chính quyền đô thị, với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để giải quyết các vấn đề mới phát sinh mà chính quyền nông thôn hiện nay đang gặp phải. Do vậy, thành lập thị xã trên cơ sở nguyên trạng huyện Tĩnh Gia và thành lập các phường trên cơ sở các xã, thị trấn đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định là một tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế và phù hợp định hướng, chương trình phát triển đô thị của cả nước nói chung và của tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Từ những vấn đề nêu trên, việc thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn là thực sự cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế,

đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói chung và huyện Tĩnh Gia nói riêng.

II. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SON VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SON

1. Điều kiện thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

Thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn đã bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; cụ thể:

1.1. Phù hợp với Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012; Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014; Quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 07/8/2014; Chương trình phát triển đô thị huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 17/02/2017; phù hợp với phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35% theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh. Theo đó, đô thị Tĩnh Gia được xác định là trung tâm phát triển có vai trò động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng đô thị trung tâm được xác định là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Tĩnh Gia; đồng thời, phù hợp với mục tiêu phát triển đô thị để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, gắn với phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn.

1.2. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khu vực động lực nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hóa nói chung, huyện Tĩnh Gia nói riêng và lợi ích chung của Quốc gia; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các cấp chính quyền tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn không làm mất đi vị trí chiến lược của khu vực, mà còn tạo điều kiện tốt hơn trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

1.4. Quá trình xây dựng đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn đã nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân; đồng thời, đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương.

2. Tiêu chuẩn thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Tiêu chuẩn thành lập thị xã Nghi Sơn:

Thị xã Nghi Sơn sau khi được thành lập bảo đảm đạt đủ 05/05 tiêu chuẩn thành lập thị xã theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (*Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo*).

2.2. Tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn:

Các xã: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Hải Thượng, Hải Ninh, Nguyên Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Hải Hòa đạt đủ 04/04 tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (*Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo*).

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

1. Thành lập thị xã Nghi Sơn

Thành lập thị xã Nghi Sơn trên cơ sở toàn bộ 455,61 km² (45.561,40 ha) diện tích tự nhiên và dân số 307.304 người của huyện Tĩnh Gia.

Địa giới hành chính thị xã Nghi Sơn: Đông giáp biển Đông; Tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh; Nam giáp thị xã Hoàng Mai và huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Quảng Xương.

2. Thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Thành lập phường Hải Châu:

Thành lập phường Hải Châu trên cơ sở toàn bộ 9,08 km² (908,76 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.195 người của xã Hải Châu.

Địa giới hành chính phường Hải Châu: Đông giáp xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Thanh Thủy; Nam giáp phường Hải Ninh; Bắc giáp xã Quảng Trung và Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

2.2. Thành lập phường Hải An:

Thành lập phường Hải An trên cơ sở toàn bộ 6,25 km² (625,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.528 người của xã Hải An.

Địa giới hành chính phường Hải An: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Tân Dân; Bắc giáp phường Hải Ninh.

2.3. Thành lập phường Tân Dân:

Thành lập phường Tân Dân trên cơ sở toàn bộ 9,63 km² (963,63 ha) diện tích tự nhiên và dân số 8.586 người của xã Tân Dân.

Địa giới hành chính phường Tân Dân: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải và xã Các Sơn; Nam giáp phường Hải Lĩnh; Bắc giáp phường Hải An.

2.4. Thành lập phường Hải Lĩnh:

Thành lập phường Hải Lĩnh trên cơ sở toàn bộ 8,42 km² (842,66 ha) diện tích tự nhiên và dân số 7.863 người của xã Hải Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Hải Lĩnh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải; Nam giáp phường Ninh Hải; Bắc giáp phường Tân Dân.

2.5. Thành lập phường Ninh Hải:

Thành lập phường Ninh Hải trên cơ sở toàn bộ 6,31 km² (631,64 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.321 người của xã Ninh Hải.

Địa giới hành chính phường Ninh Hải: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Hải Nhân; Nam giáp phường Hải Hòa; Bắc giáp phường Hải Lĩnh và xã Định Hải.

2.6. Thành lập phường Bình Minh:

Thành lập phường Bình Minh trên cơ sở toàn bộ 6,40 km² (640,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.471 người của xã Bình Minh.

Địa giới hành chính phường Bình Minh: Đông giáp Biển Đông và phường Hải Thanh; Tây giáp phường Nguyên Bình và phường Xuân Lâm; Nam giáp phường Hải Bình; Bắc giáp phường Hải Hòa.

2.7. Thành lập phường Hải Thanh:

Thành lập phường Hải Thanh trên cơ sở toàn bộ 2,76 km² (276,54 ha) diện tích tự nhiên và dân số 19.440 người của xã Hải Thanh.

Địa giới hành chính phường Hải Thanh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Bình Minh; Nam giáp phường Hải Bình và Biển Đông; Bắc giáp phường Bình Minh.

2.8. Thành lập phường Xuân Lâm:

Thành lập phường Xuân Lâm trên cơ sở toàn bộ 9,60 km² (960,15 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.799 người của xã Xuân Lâm.

Địa giới hành chính phường Xuân Lâm: Đông giáp phường Bình Minh và phường Hải Bình; Tây giáp phường Nguyên Bình; Nam giáp phường Trúc Lâm; Bắc giáp phường Nguyên Bình.

2.9. Thành lập phường Trúc Lâm:

Thành lập phường Trúc Lâm trên cơ sở toàn bộ 15,52 km² (1.552,17 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.125 người của xã Trúc Lâm.

Địa giới hành chính phường Trúc Lâm: Đông giáp phường Hải Bình và phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Phú Lâm và xã Tùng Lâm; Nam giáp phường Mai Lâm; Bắc giáp phường Xuân Lâm và phường Nguyên Bình.

2.10. Thành lập phường Hải Bình:

Thành lập phường Hải Bình trên cơ sở toàn bộ 9,54 km² (954,26 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.774 người của xã Hải Bình.

Địa giới hành chính phường Hải Bình: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Xuân Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp phường Tĩnh Hải; Bắc giáp phường Bình Minh và phường Hải Thanh.

2.11. Thành lập phường Hải Thượng:

Thành lập phường Hải Thượng trên cơ sở toàn bộ 24,21 km² (2.421,09 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.394 người của xã Hải Thượng.

Địa giới hành chính phường Hải Thượng: Đông giáp xã Nghi Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nam giáp xã Hải Hà; Bắc giáp xã Hải Yên và phường Tĩnh Hải.

2.12. Thành lập phường Hải Hòa:

Thành lập phường Hải Hòa trên cơ sở toàn bộ 7,62 km² (762,57 ha) diện tích tự nhiên và dân số 24.769 người của thị trấn Tĩnh Gia.

Địa giới hành chính phường Hải Hòa: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Nguyên Bình và xã Hải Nhân; Nam giáp các phường Nguyên Bình và Bình Minh; Bắc giáp phường Ninh Hải và xã Hải Nhân.

2.13. Thành lập phường Hải Ninh:

Thành lập phường Hải Ninh trên cơ sở toàn bộ 10,14 km² (1.014,05 ha) diện tích tự nhiên và dân số 15.817 của xã Hải Ninh.

Địa giới hành chính phường Hải Ninh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Thanh Sơn và xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Hải An; Bắc giáp phường Hải Châu và xã Thanh Thủy.

2.14. Thành lập phường Nguyên Bình:

Thành lập phường Nguyên Bình trên cơ sở toàn bộ 33,18 km² (3.318,89 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.070 người của xã Nguyên Bình.

Địa giới hành chính phường Nguyên Bình: Đông giáp phường Hải Hòa và phường Bình Minh; Tây giáp xã Phú Sơn; Nam giáp phường Xuân Lâm, phường Trúc Lâm và xã Phú Lâm; Bắc giáp xã Hải Nhân và xã Định Hải.

2.15. Thành lập phường Mai Lâm:

Thành lập phường Mai Lâm trên cơ sở toàn bộ 17,79 km² (1.779,67 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.985 người của xã Mai Lâm.

Địa giới hành chính phường Mai Lâm: Đông giáp phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Tùng Lâm, xã Tân Trường và xã Trường Lâm; Nam giáp phường Hải Thượng và xã Trường Lâm; Bắc giáp phường Trúc Lâm.

2.16. Thành lập phường Tĩnh Hải:

Thành lập phường Tĩnh Hải trên cơ sở toàn bộ 6,72 km² (672,59 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.915 người xã Tĩnh Hải.

Địa giới hành chính phường Tĩnh Hải: Đông giáp Biên Đông; Tây giáp phường Mai Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp xã Hải Yến và phường Hải Thượng; Bắc giáp phường Hải Bình.

3. Kết quả sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập phường thuộc thị xã Nghi Sơn

Thị xã Nghi Sơn có 455,61 km² (45.561,40 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 307.304 người, có 31 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 16 phường: Hải Châu, Hải Bình, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Thượng, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Hòa, Hải Ninh, Nguyên Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm và 15 xã: Các Sơn, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Anh Sơn, Ngọc Lĩnh, Định Hải, Phú Sơn, Phú Lâm, Tân Trường, Tùng Lâm, Hải Nhân, Nghi Sơn, Trường Lâm, Hải Hà, Hải Yến.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi HĐND tỉnh quyết nghị chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, UBND tỉnh sẽ hoàn chỉnh hồ sơ đề án, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

(có Dự thảo Nghị quyết, Đề án và Báo cáo kèm theo).

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

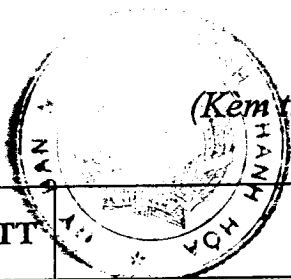
Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Xây dựng;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn



Phụ lục 01: Bảng đánh giá tiêu chuẩn thành lập thị xã Nghi Sơn

(Kèm theo Tờ trình số: 251 /TTr-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu	Các tiêu chuẩn thành lập thị xã theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13	Thực trạng huyện	Đánh giá
1	Quy mô dân số	≥ 100.000 người	307.304	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	≥ 200 km ²	455,61	Đạt
3	Đơn vị hành chính trực thuộc			
3.1	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	≥ 10 đơn vị hành chính cấp xã	31	Đạt
3.2	Tỷ lệ số phường/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	≥ 50%	16/31 (51,61%)	Đạt
4	Tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại IV	Đã được công nhận là đô thị loại III hoặc loại IV	Đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			
5.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư	Đạt
5.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	0,7	0,89	Đạt
5.3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của tỉnh (trung bình hàng năm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2018 là 9,05%/năm)	38,44	Đạt
5.4	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của tỉnh (trung bình của tỉnh 3 năm gần nhất 2016, 2017, 2018 là 10,9%/năm)	8,74	Đạt
5.5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	75%	96,53	Đạt
5.6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	75%	79,91	Đạt

Phụ lục số 02: Bảng đánh giá tiêu chuẩn thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Tờ trình số: 251 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Hải Châu	Hải Châu	Tân Dân	Hải Lĩnh	Ninh Hải	Bình Minh	Hải Thanh	Xuân Lâm	Trúc Lâm	Hải Bình	Hải Thượng	Hải Hòa	Hải Ninh	Nguyên Bình	Mai Lâm	Tĩnh Hải
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tiêu chuẩn về quy mô dân số	Người	5.000	10.195	6.528	8.586	7.863	6.231	11.471	19.440	10.799	11.125	14.774	14.394	24.769	15.817	10.070	10.985	11.915
2	Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên	Km ²	5,5	9,08	6,25	9,63	8,42	6,31	6,4	2,76	9,6	15,52	9,54	24,21	7,62	10,14	33,18	17,79	6,72
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội																		
3.1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Dư	Đủ	Dư	Dư	Đủ	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư	Dư
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo 03 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của huyện (8,74%)	7,75	8,59	8,65	8,49	8,66	8,52	7,82	7,59	8,56	5,02	7,68	6,57	8,48	8,56	8,59	8,56
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥ 70%	79,35	72,05	72,85	72,7	71,14	74,27	94,65	78,21	72,53	90,89	72,04	82,39	78,24	72,18	81,61	78,92
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị																		
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	2,87	2,91	2,93	2,81	2,89	2,73	2,71	2,76	2,73	2,72	2,72	2,76	3,15	2,71	2,89	3,21
4.2	Trạm y tế (≥ 500 m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	1	1	1
4.3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,65	0,55	0,54	0,62	0,81	0,57	0,52	0,64	0,64	0,59	0,51	0,97	0,54	0,63	0,6	0,61

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Hải Châu	Hải Châu	Tân Dân	Hải Lĩnh	Ninh Hải	Bình Minh	Hải Thanh	Xuân Lâm	Trúc Lâm	Hải Bình	Hải Thượng	Hải Hòa	Hải Ninh	Nguyên Bình	Mai Lâm	Tĩnh Hải
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4.4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	2	1	1	1
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	≥ 2	2,29	3,99	2,69	3,73	2,69	2,72	3,21	2,23	2,44	2,13	2,22	4,38	2,61	3,37	2,1	2,33
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	21,27	33,64	25,05	35,14	24,49	27,22	11,81	14,42	16,73	17,14	18,21	16,12	23,09	22,93	19,53	21,85
4.7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 350	712,1	614,1	438,5	563,5	625	440,7	640,7	513,6	503,3	782,5	531,8	615,3	618,7	617,4	545,9	467,4
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	95,1	93,8	96,1	93,3	97,4	100	93,8	100	92,5	100	94,9	100	91,1	93,8	95,2	100
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	96,8	93,4	94,2	94,5	98,8	98,5	92,5	97,1	96,5	94	93,8	98,2	95,1	95,3	98,5	96
4.10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3	3,27	4,04	3,5	3,85	3,52	5,07	5,06	3,87	3,78	3,18	3,22	13,53	3,76	3,73	3,31	3,19
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	19,43	21,2	20,25	19,9	22,88	22,13	19,94	23,32	21,08	22,2	21,19	23,43	18,82	20,46	21,49	19,54
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	86,06	80,42	85,28	81,83	90,04	91,16	87,07	87,44	85,3	87,69	81,11	90,97	80,28	86,23	84,45	85,55

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của UBND tỉnh về việc đề nghị thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

1. Thành lập thị xã Nghi Sơn

Thành lập thị xã Nghi Sơn trên cơ sở toàn bộ 455,61 km² (45.561,40 ha) diện tích tự nhiên và dân số 307.304 người của huyện Tĩnh Gia.

Địa giới hành chính thị xã Nghi Sơn: Đông giáp biển Đông; Tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh; Nam giáp thị xã Hoàng Mai và huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Quảng Xương.

2. Thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Thành lập phường Hải Châu:

Thành lập phường Hải Châu trên cơ sở toàn bộ 9,08 km² (908,76 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.195 người của xã Hải Châu.

Địa giới hành chính phường Hải Châu: Đông giáp xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Thanh Thủy; Nam giáp phường Hải Ninh; Bắc giáp xã Quảng Trung và Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

2.2. Thành lập phường Hải An:

Thành lập phường Hải An trên cơ sở toàn bộ 6,25 km² (625,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.528 người của xã Hải An.

Địa giới hành chính phường Hải An: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Tân Dân; Bắc giáp phường Hải Ninh.

2.3. Thành lập phường Tân Dân:

Thành lập phường Tân Dân trên cơ sở toàn bộ 9,63 km² (963,63 ha) diện tích tự nhiên và dân số 8.586 người của xã Tân Dân.

Địa giới hành chính phường Tân Dân: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải và xã Các Sơn; Nam giáp phường Hải Lĩnh; Bắc giáp phường Hải An.

2.4. Thành lập phường Hải Lĩnh:

Thành lập phường Hải Lĩnh trên cơ sở toàn bộ 8,42 km² (842,66 ha) diện tích tự nhiên và dân số 7.863 người của xã Hải Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Hải Lĩnh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải; Nam giáp phường Ninh Hải; Bắc giáp phường Tân Dân.

2.5. Thành lập phường Ninh Hải:

Thành lập phường Ninh Hải trên cơ sở toàn bộ 6,31 km² (631,64 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.321 người của xã Ninh Hải.

Địa giới hành chính phường Hải Lĩnh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Hải Nhân; Nam giáp phường Hải Hòa; Bắc giáp phường Hải Lĩnh và xã Định Hải.

2.6. Thành lập phường Bình Minh:

Thành lập phường Bình Minh trên cơ sở toàn bộ 6,40 km² (640,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.471 người của xã Bình Minh.

Địa giới hành chính phường Bình Minh: Đông giáp Biển Đông và phường Hải Thanh; Tây giáp phường Nguyên Bình và phường Xuân Lâm; Nam giáp phường Hải Bình; Bắc giáp phường Hải Hòa.

2.7. Thành lập phường Hải Thanh:

Thành lập phường Hải Thanh trên cơ sở toàn bộ 2,76 km² (276,54 ha) diện tích tự nhiên và dân số 19.440 người của xã Hải Thanh.

Địa giới hành chính phường Hải Thanh: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Bình Minh; Nam giáp phường Hải Bình và Biển Đông; Bắc giáp phường Bình Minh.

2.8. Thành lập phường Xuân Lâm:

Thành lập phường Xuân Lâm trên cơ sở toàn bộ 9,60 km² (960,15 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.799 người của xã Xuân Lâm.

Địa giới hành chính phường Xuân Lâm: Đông giáp phường Bình Minh và phường Hải Bình; Tây giáp phường Nguyên Bình; Nam giáp phường Trúc Lâm; Bắc giáp phường Nguyên Bình.

2.9. Thành lập phường Trúc Lâm:

Thành lập phường Trúc Lâm trên cơ sở toàn bộ 15,52 km² (1.552,17 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.125 người của xã Trúc Lâm.

Địa giới hành chính phường Trúc Lâm: Đông giáp phường Hải Bình và phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Phú Lâm và xã Tùng Lâm; Nam giáp phường Mai Lâm; Bắc giáp phường Xuân Lâm và phường Nguyên Bình.

2.10. Thành lập phường Hải Bình:

Thành lập phường Hải Bình trên cơ sở toàn bộ 9,54 km² (954,26 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.774 người của xã Hải Bình.

Địa giới hành chính phường Hải Bình: Đông giáp Biên Đông; Tây giáp phường Xuân Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp phường Tĩnh Hải; Bắc giáp phường Bình Minh và phường Hải Thanh.

2.11. Thành lập phường Hải Thượng:

Thành lập phường Hải Thượng trên cơ sở toàn bộ 24,21 km² (2.421,09 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.394 người của xã Hải Thượng.

Địa giới hành chính phường Hải Thượng: Đông giáp xã Nghi Sơn và Biên Đông; Tây giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nam giáp xã Hải Hà; Bắc giáp xã Hải Yến và phường Tĩnh Hải.

2.12. Thành lập phường Hải Hòa:

Thành lập phường Hải Hòa trên cơ sở toàn bộ 7,62 km² (762,57 ha) diện tích tự nhiên và dân số 24.769 người của thị trấn Tĩnh Gia.

Địa giới hành chính phường Hải Hòa: Đông giáp Biên Đông; Tây giáp phường Nguyên Bình và xã Hải Nhân; Nam giáp các phường Nguyên Bình và Bình Minh; Bắc giáp phường Ninh Hải và xã Hải Nhân.

2.13. Thành lập phường Hải Ninh:

Thành lập phường Hải Ninh trên cơ sở toàn bộ 10,14 km² (1.014,05 ha) diện tích tự nhiên và dân số 15.817 của xã Hải Ninh.

Địa giới hành chính phường Hải Ninh: Đông giáp Biên Đông; Tây giáp xã Thanh Sơn và xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Hải An; Bắc giáp phường Hải Châu và xã Thanh Thủy.

2.14. Thành lập phường Nguyên Bình:

Thành lập phường Nguyên Bình trên cơ sở toàn bộ 33,18 km² (3.318,89 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.070 người của xã Nguyên Bình.

Địa giới hành chính phường Nguyên Bình: Đông giáp phường Hải Hòa và phường Bình Minh; Tây giáp xã Phú Sơn; Nam giáp phường Xuân Lâm, phường Trúc Lâm và xã Phú Lâm; Bắc giáp xã Hải Nhân và xã Định Hải.

2.15. Thành lập phường Mai Lâm:

Thành lập phường Mai Lâm trên cơ sở toàn bộ 17,79 km² (1.779,67 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.985 người của xã Mai Lâm.

Địa giới hành chính phường Mai Lâm: Đông giáp phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Tùng Lâm, xã Tân Trường và xã Trường Lâm; Nam giáp phường Hải Thượng và xã Trường Lâm; Bắc giáp phường Trúc Lâm.

2.16. Thành lập phường Tĩnh Hải:

Thành lập phường Tĩnh Hải trên cơ sở toàn bộ 6,72 km² (672,59 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.915 người xã Tĩnh Hải.

Địa giới hành chính phường Tĩnh Hải: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Mai Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp xã Hải Yến và phường Hải Thượng; Bắc giáp phường Hải Bình.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, hoàn chỉnh hồ sơ đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021, thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày.... tháng.... năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- VPQH, VP Chủ tịch nước, VPCP (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 689 /BCTĐ-STP Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Nghị quyết về chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 7377/SXD-BQH ngày 27/11/2019 của Sở Xây dựng về việc đề nghị thẩm định dự thảo “*Nghị quyết về chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*”. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Tại Khoản 2, Điều 132, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “*Trên cơ sở ý kiến của cử tri địa phương, dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính do cơ quan chịu trách nhiệm gửi đến, Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh có liên quan thảo luận, biểu quyết về việc tán thành hoặc không tán thành chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính theo trình tự từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh*”. Theo đó, HĐND tỉnh ban hành “*Nghị quyết về chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*” là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về tên gọi của dự thảo văn bản:

Dự thảo có tên gọi là: “*Nghị quyết về chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*”. Đề nghị sửa lại thành: “*Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*” cho phù hợp với quy định về thẩm quyền.

3. Về nội dung dự thảo văn bản:

Tại Khoản 3, Điều 1 đề nghị sửa lại như sau:

3. Quy mô, dân số của tỉnh Thanh Hóa sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn.

Sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa không thay đổi về diện tích tự nhiên, dân số và đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc.

Về đơn vị hành chính cấp xã có tổng số 559 đơn vị bao gồm: 481 xã, 50 phường và 28 thị trấn (giảm 15 xã, 01 thị trấn và tăng 16 phường).

4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:


Dự thảo Nghị quyết bảo đảm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định pháp luật.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Xây dựng hoàn thiện lại dự thảo theo các ý kiến nêu trên trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ phục trách;
- Lưu VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

Số: 788/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận huyện Tĩnh Gia,
tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 13/6/2019 về việc đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV; Văn bản số 9903/UBND-CN ngày 01/8/2019 về việc bổ sung, cập nhật số liệu đề án đề nghị công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV (khu vực nội thị dự kiến gồm thị trấn Tĩnh Gia và 21 xã: Hải Châu, Hải Ninh, Triệu Dương, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Nhân, Hải Hòa, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Nghi Sơn, Nguyễn Bình, Hải Yên, Hải Thượng và Trường Lâm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia - tỉnh Thanh Hóa, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính; Quốc phòng; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa - Thể thao & Du lịch;
- Các Sở: Xây dựng; Nội vụ tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VP, Cục PTĐT (3).

BỘ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hà

Số: 199 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các đơn vị hành chính có liên quan đến thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các đơn vị hành chính có liên quan đến thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

1. Kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn có liên quan

1.1. Về thành lập thị xã Nghi Sơn:

a) Thành lập thị xã trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Tĩnh Gia (*Chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo*).

b) Tên thị xã khi thành lập là thị xã Nghi Sơn (*Chi tiết có Phụ lục số 02 kèm theo*).

1.2. Về thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn:

a) Thành lập phường trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Hải Thượng, Mai Lâm (*Chi tiết có Phụ lục số 03, 04 kèm theo*).

b) Thành lập phường trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Hải Ninh¹ (*Chi tiết có Phụ lục số 05, 06 kèm theo*).

¹ Xã Triệu Dương nhập vào xã Hải Ninh theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Thành lập phường trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Tĩnh Gia² (Chi tiết có Phụ lục số 07, 08 kèm theo).

2. Kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân huyện Tĩnh Gia (Chi tiết có Phụ lục số 09 kèm theo).

Trên đây là tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các đơn vị hành chính có liên quan đến thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đề b/c);
- HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Xây dựng;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tĩnh Gia;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

² Xã Hải Hòa nhập vào thị trấn Tĩnh Gia theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

BÁO CÁO

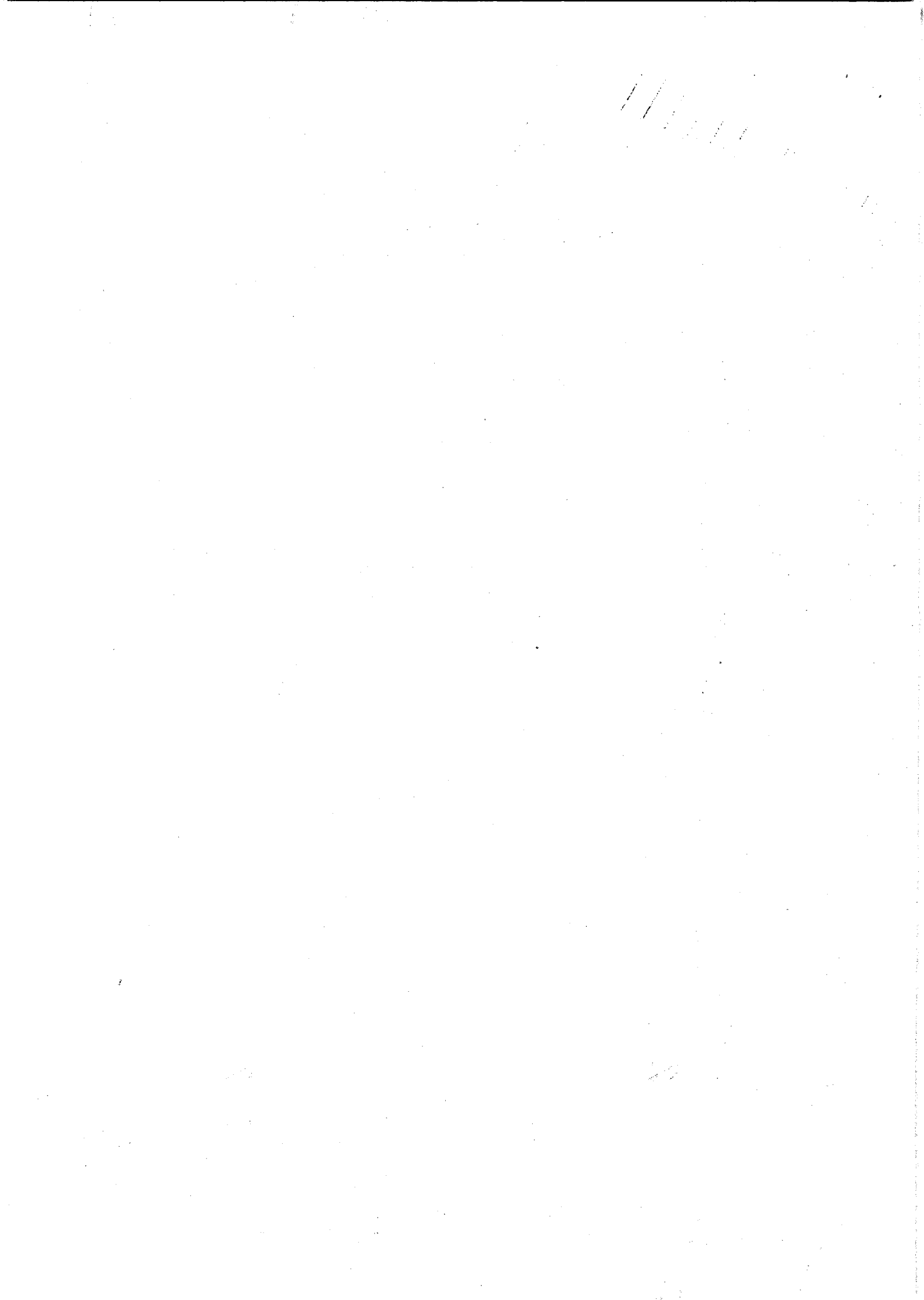
Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn
về nội dung thành lập thị xã trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Tĩnh Gia
(Kèm theo Báo cáo số : 199 /BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri							Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn							Ghi chú
		Số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết				
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Xã Hải Châu	6.311	6.035	95,63	5.876	93,11	150	2,38	26	26	100,00	26	100,00	0	0	
2	Xã Hải Ninh	8.568	8.481	98,98	8.481	98,98	0	0,00	26	26	100,00	26	100,00	0	0	
3	Xã Hải An	3.939	3.603	91,47	3.568	90,58	35	0,89	24	24	100,00	24	100,00	0	0	
4	Xã Thanh Sơn	5.512	5.431	98,53	5.347	97,01	84	1,52	24	24	100,00	24	100,00	0	0	
5	Xã Thanh Thủy	4.541	4.515	99,43	4.495	98,99	46	1,01	25	23	92,00	23	92,00	0	0	
6	Xã Ngọc Lĩnh	4.768	4.603	96,54	4.554	95,51	49	1,03	23	20	86,96	20	86,96	0	0	
7	Xã Triệu Dương	2.454	2.429	98,98	2.429	98,98	2	0,08	21	21	100,00	21	100,00	0	0	
8	Xã Anh Sơn	3.970	3.940	99,24	3.920	98,74	20	0,50	24	24	100,00	24	100,00	0	0	
9	Xã Các Sơn	6.024	5.993	99,49	5.966	99,04	27	0,45	25	22	88,00	22	88,00	0	0	
10	Xã Hùng Sơn	3.435	3.010	87,63	3.006	87,51	4	0,12	23	22	95,65	22	95,65	0	0	
11	Xã Tân Dân	4.620	4.410	95,45	4.401	95,26	9	0,19	23	21	91,30	21	91,30	0	0	
12	Xã Hải Lĩnh	4.644	4.346	93,58	4.320	93,02	20	0,43	21	19	90,48	19	90,48	0	0	
13	Xã Ninh Hải	4.264	4.215	98,85	4.141	97,12	74	1,74	25	25	100,00	25	100,00	0	0	
14	Xã Định Hải	2.520	2.393	94,96	2.373	94,17	20	0,79	21	20	95,24	20	95,24	0	0	
15	Xã Hải Nhân	6.745	6.626	98,24	6.515	96,59	111	1,65	27	27	100,00	27	100,00	0	0	
16	Thị trấn Tĩnh Gia	3.499	3.431	98,06	3.423	97,83	8	0,23	25	23	92,00	23	92,00	0	0	
17	Xã Hải Hòa	5.323	5.239	98,42	5.212	97,91	27	0,51	26	26	100,00	26	100,00	0	0	
18	Xã Bình Minh	5.384	5.326	98,92	5.326	98,92	0	0,00	25	25	100,00	25	100,00	0	0	

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn
về nội dung tên thị xã sau khi thành lập là thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Báo cáo số 199 /BC-UBND ngày 02 tháng 2 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri							Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn								Ghi chú
		Số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết					
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Xã Hải Châu	6.311	6.035	95,63	5.876	93,11	150	2,38	26	26	100,00	26	100,00	0	0		
2	Xã Hải Ninh	8.568	8.481	98,98	8.475	98,91	6	0,07	26	26	100,00	26	100,00	0	0		
3	Xã Hải An	3.939	3.603	91,47	3.566	90,53	37	0,94	24	24	100,00	24	100,00	0	0		
4	Xã Thanh Sơn	5.512	5.431	98,53	5.332	96,73	99	1,80	24	24	100,00	24	100,00	0	0		
5	Xã Thanh Thủy	4.541	4.515	99,43	4.495	98,99	46	1,01	25	23	92,00	23	92,00	0	0		
6	Xã Ngọc Lĩnh	4.768	4.603	96,54	4.554	95,51	49	1,03	23	20	86,96	20	86,96	0	0		
7	Xã Triệu Dương	2.454	2.429	98,98	2.429	98,98	2	0,08	21	21	100,00	21	100,00	0	0		
8	Xã Anh Sơn	3.970	3.940	99,24	3.920	98,74	20	0,50	24	24	100,00	24	100,00	0	0		
9	Xã Các Sơn	6.024	5.993	99,49	5.966	99,04	27	0,45	25	22	88,00	22	88,00	0	0		
10	Xã Hùng Sơn	3.435	3.010	87,63	3.006	87,51	4	0,12	23	22	95,65	22	95,65	0	0		
11	Xã Tân Dân	4.620	4.410	95,45	4.401	95,26	9	0,19	23	21	91,30	21	91,30	0	0		
12	Xã Hải Lĩnh	4.644	4.346	93,58	4.315	92,92	20	0,43	21	19	90,48	19	90,48	0	0		
13	Xã Ninh Hải	4.264	4.215	98,85	4.141	97,12	74	1,74	25	25	100,00	25	100,00	0	0		
14	Xã Định Hải	2.520	2.393	94,96	2.323	92,18	70	2,78	21	20	95,24	20	95,24	0	0		
15	Xã Hải Nhân	6.745	6.626	98,24	6.472	95,95	154	2,28	27	27	100,00	27	100,00	0	0		
16	Thị trấn Tĩnh Gia	3.499	3.431	98,06	3.423	97,83	8	0,23	25	23	92,00	23	92,00	0	0		
17	Xã Hải Hòa	5.323	5.239	98,42	5.018	94,27	221	4,15	26	26	100,00	26	100,00	0	0		
18	Xã Bình Minh	5.384	5.326	98,92	5.326	98,92	0	0,00	25	25	100,00	25	100,00	0	0		
19	Xã Hải Thanh	11.560	10.179	88,05	9.981	86,34	198	1,71	31	27	87,10	27	87,10	0	0		
20	Xã Nguyên Bình	7.677	6.653	86,66	6.646	86,57	5	0,07	23	20	86,96	20	86,96	0	0		



BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri và kết quả biểu quyết của HĐND các xã về nội dung tên phường sau khi thành lập là tên của xã (không đổi tên, giữ nguyên tên của xã) tại các xã: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Hải Thượng, Mai Lâm
(Kèm theo Báo cáo số: 199 /BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị hành chính	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri							Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND các xã, thị trấn								Ghi chú
		Số cử tri	Cử tri tham gia bỏ phiếu		Cử tri đồng ý		Cử tri không đồng ý		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết					
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
1	Xã Hải Châu	6.311	6.035	95,63	5.876	93,11	150	2,38	26	26	100,00	26	100,00	0	0		
2	Xã Hải An	3.939	3.603	91,47	3.572	90,68	31	0,79	24	24	100,00	24	100,00	0	0		
3	Xã Tân Dân	4.620	4.410	95,45	4.401	95,26	9	0,19	23	21	91,30	21	91,30	0	0		
4	Xã Hải Lĩnh	4.644	4.346	93,58	4.320	93,02	20	0,43	21	19	90,48	19	90,48	0	0		
5	Xã Ninh Hải	4.264	4.215	98,85	4.144	97,19	71	1,67	25	25	100,00	25	100,00	0	0		
6	Xã Bình Minh	5.384	5.326	98,92	5.326	98,92	0	0,00	25	25	100,00	25	100,00	0	0		
7	Xã Hải Thanh	11.560	10.179	88,05	10.010	86,59	169	1,46	31	27	87,10	27	87,10	0	0		
8	Xã Nguyên Bình	7.677	6.653	86,66	6.634	86,41	12	0,16	23	20	86,96	20	86,96	0	0		
9	Xã Xuân Lâm	5.456	5.118	93,80	5.009	91,81	62	1,14	24	23	95,83	23	95,83	0	0		
10	Xã Trúc Lâm	4.412	4.359	98,80	4.345	98,48	14	0,32	24	22	91,67	22	91,67	0	0		
11	Xã Hải Bình	9.434	7.786	82,53	7.294	77,32	492	5,22	31	26	83,87	26	83,87	0	0		
12	Xã Tĩnh Hải	4.542	4.493	98,92	4.410	97,09	83	1,83	21	18	85,71	18	85,71	0	0		
13	Xã Hải Thượng	6.316	6.201	98,18	6.201	98,18	0	0,00	26	24	92,31	24	92,31	0	0		
14	Xã Mai Lâm	5.177	4.998	96,54	4.981	96,21	17	0,33	24	24	100,00	24	100,00	0	0		
Tổng cộng		83.736	77.722	92,82	76.523	91,39	1.130	1,35									

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND huyện
về nội dung thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Báo cáo số : 199 /BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị	Tổng hợp kết quả biểu quyết của HĐND huyện Tỉnh Gia							Ghi chú
		Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết				
		Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu tham dự kỳ họp	Tỷ lệ đại biểu tham dự kỳ họp	Số đại biểu đồng ý	Tỷ lệ	Số đại biểu không đồng ý	Tỷ lệ	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1	Hội đồng nhân dân huyện Tĩnh Gia	39	38	97,44	38	97,44	0	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 2 tháng 12 năm 2019

ĐỀ ÁN

**Thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường
thuộc thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Tờ trình số 251 /TTr-UBND ngày 2 tháng 12 năm 2019
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Quyết định số 872/TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 788/QĐ-BXD ngày 23/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá đạt tiêu chí đô thị loại IV;

Công văn số 262/UBTVQH14-PL ngày 17/4/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;

Công văn số 1738/BNV-CQĐP ngày 23/4/2018 của Bộ Nội vụ về việc thành lập, giải thể, nhập, chia điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND tỉnh về phê duyệt triển khai chương trình nâng cấp đô thị Thanh Hóa đến năm 2020;

Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tĩnh Gia;

Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020 và giai đoạn 2021 - 2030;

Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN

Huyện Tĩnh Gia nằm ở cửa ngõ phía Nam, có vị trí địa kinh tế chiến lược, quan trọng của tỉnh, có hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, Cảng hàng không Thọ Xuân, cửa khẩu Quốc tế Na Mèo; đồng thời là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với các tỉnh, thành phố trong nước, các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua Cảng biển nước sâu Nghi Sơn; đặc biệt hơn với lợi thế Khu kinh tế Nghi Sơn, là một trong 8 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước được ưu tiên đầu tư, định hướng trở thành đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch; có vai trò động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Với tiềm năng, lợi thế nổi trội tầm quốc gia và khu vực của Khu kinh tế Nghi Sơn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025 và Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đã định hướng phát triển Nghi Sơn trở thành đô thị động lực trung tâm của vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và khu vực Bắc Miền Trung.

Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tĩnh Gia, kinh tế - xã hội của huyện Tĩnh Gia đã đạt được những kết quả, thành tựu quan trọng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội được tăng cường; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Năm 2018, tốc độ tăng giá trị sản xuất của huyện Tĩnh Gia đạt 59,39%; tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng trong tổng giá trị sản xuất chiếm 88,64%; Khu kinh tế Nghi Sơn đã thu hút được 192 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 106.627 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư trên 12,86 tỷ USD; dịch vụ - thương mại phát triển nhanh, đã hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động nhiều siêu thị, trung tâm thương mại, chợ truyền thống... Du lịch phát triển theo hướng khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch, di tích, danh thắng độc đáo như bãi biển Hải Hòa, đảo Nghi Sơn, đảo Hòn Mê, đền thờ Đào Duy Từ, Quận Công Lê Đình Châu... đặc biệt, ngày 23/9/2019, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 788/QĐ-BXD, công nhận huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí Đô thị loại IV.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Tĩnh Gia đã tác động lớn đến đời sống, sinh hoạt của

nhân dân, làm thay đổi cơ cấu lao động, quan hệ sản xuất, quan hệ giao dịch hành chính, hình thành văn hóa đô thị, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý nhà nước trên các ngành, lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường...; yêu cầu đặt ra cần phải có chính quyền đô thị, với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để giải quyết các vấn đề mới phát sinh mà chính quyền nông thôn hiện nay đang gặp phải. Do vậy, thành lập thị xã trên cơ sở nguyên trạng huyện Tĩnh Gia và thành lập các phường trên cơ sở các xã, thị trấn đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định là một tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế và phù hợp định hướng, chương trình phát triển đô thị của cả nước nói chung và của tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

Thành lập thị xã với tên gọi là Nghi Sơn là thể hiện tiềm năng, lợi thế, động lực phát triển của huyện gắn với sự phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn; trở thành một đô thị động lực, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, khai thác cảng biển, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại; hướng tới đô thị thông minh - xanh - bền vững; đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế.

III. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

Thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn theo Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tĩnh Gia theo Quyết định số 4320/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của UBND tỉnh; Quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh; trong những năm qua, kinh tế - xã hội của các xã¹ có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; tốc độ phát triển kinh tế các xã đều đạt khá; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; xoá đói giảm nghèo được quan tâm chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo của các xã ngày một giảm; giáo dục, y tế phát triển, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, tỉnh Thanh Hóa cũng đã tập trung huy động, kêu gọi thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, từng bước hình thành hạ tầng và không gian đô thị trên địa bàn các xã; hệ thống công trình đô thị đã và đang được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ; hệ thống giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; các

¹Hải Châu, Hải Ninh, Triệu Dương, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Hoà, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Nguyễn Bình, Hải Thượng và thị trấn Tĩnh Gia

tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch; phần lớn rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Trên địa bàn các xã đã và đang tiếp nhận các nguồn lực đầu tư và quá trình tập trung dân cư, từng bước hình thành lối sống đô thị tại khu vực này. Ngoài ra, do là nơi tập trung hàng ngàn cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, dự án du lịch như: Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Xi măng Nghi Sơn, Điện Nghi Sơn, Khu đô thị Xuân Lâm - Nguyên Bình... nên đã làm tăng nhanh dân số cơ học do dân cư ở địa phương khác trong tỉnh về các xã để lao động, học tập, sinh sống; dẫn đến quy mô dân số, mật độ dân số tại các xã ngày càng tăng; dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hoá đã và đang đặt ra cho các xã Hải Châu, Hải Ninh, Triệu Dương, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Hoà, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Nguyên Bình, Hải Thượng và thị trấn Tĩnh Gia nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư theo mô hình đô thị; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường.

Từ những vấn đề này có thể thấy mô hình quản lý chính quyền nông thôn như hiện nay không còn phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế và tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý. Thành lập các phường Hải Châu, Hải Ninh (trên cơ sở nhập xã Triệu Dương và Hải Ninh), Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Hoà (trên cơ sở nhập xã Hải Hòa và thị trấn Tĩnh Gia), Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Nguyên Bình, Hải Thượng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn theo hướng tập trung, thống nhất, nâng cao hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn; góp phần nâng cao tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh Thanh Hóa đạt mục tiêu 35% vào năm 2020; đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương.

Từ những vấn đề nêu trên, việc thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn là thực sự cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói chung và huyện Tĩnh Gia nói riêng.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN TỈNH GIA

1. Lịch sử hình thành

Theo sử sách ghi chép, vào thời Hùng Vương (2879 trước Công nguyên) Tỉnh Gia ngày nay thuộc vào bộ Cửu Chân. Đến thời Tùy - Đường, Ngô, Đinh, Tiền Lê, Tỉnh Gia là phần đất của huyện An Thuận thuộc quận Ái Châu.

Thời Nhà Lý (1010 - 2025), Tỉnh Gia lúc này thuộc phủ Cửu Chân, lộ Thanh Hóa. Năm Thiên Ứng Chánh Bình thứ 11, đời vua Trần Thái Tông (1242), huyện Tỉnh Gia thuộc Thanh Hóa (phủ, lộ).

Năm Quang Thái thứ 10 (1397), Tỉnh Gia có tên gọi là huyện Cổ Chiến thuộc châu Cửu Chân. Đến năm 1403 đời nhà Hồ, Tỉnh Gia vẫn giữ tên gọi là Cổ Chiến thuộc vào châu Cửu Chân.

Thời thuộc Minh, huyện Tỉnh Gia ngày nay tương đương với huyện Cổ Bình thuộc châu Cửu Chân, phủ Thanh Hóa. Đến năm thứ 8 thời thuộc Minh, lúc này Tỉnh Gia là một phần đất thuộc Bản Châu.

Thời Lê, huyện Tỉnh Gia thuộc Tây Đạo. Năm Thiệu Bình thứ 2 (1435), thuộc phủ Tỉnh Gia. Năm 1466 (năm Quang Thuận thứ 7), Tỉnh Gia thuộc về phủ Tỉnh Gia, huyện Ngọc Sơn.

Thời Nhà Nguyễn (1802 - 1858), Tỉnh Gia ngày nay tương đương huyện Ngọc Sơn, phủ Tỉnh Gia, trấn Thanh Hóa. Năm 1831 - 1832, Tỉnh Gia thuộc phủ Tỉnh Gia bao gồm 03 huyện Ngọc Sơn, Nông Cống, Quảng Xương, phần lớn diện tích huyện Tỉnh Gia ngày nay là thuộc địa phận huyện Ngọc Sơn. Năm Thành Thái thứ 13, 02 tổng Văn Trinh và Ngọc Đới vào huyện Quảng Xương; huyện Ngọc Sơn (Tỉnh Gia) gồm 05 tổng, 183 xã, thôn.

Thời Pháp thuộc (1858 - 1945), Tỉnh Gia thuộc phủ Tỉnh Gia, xứ Trung Kỳ. Năm 1936, phủ Tỉnh Gia địa bàn rộng lớn bao gồm 05 tổng, 206 làng, thôn.

Sau Cách mạng tháng Tám, phủ Tỉnh Gia đổi thành huyện Tỉnh Gia. Tháng 12/1964, nhập 07 xã Trường Minh, Trường Trung, Trường Giang, Trường Sơn, Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Tượng Sơn thuộc huyện Tỉnh Gia vào huyện Nông Cống. Tháng 3/1965, thành lập một xã mới Tân Trường. Tháng 3/1973, thành lập xã Phú Lâm. Tháng 8/1980, nhập xã Phú Sơn thuộc huyện Như Xuân (cũ) vào huyện Tỉnh Gia. Tháng 02/1984, chia xã Hải Thượng thành 03 xã Nghi Sơn, Hải Hà và Hải Thượng; điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã Hải Nhân, Bình Minh, Hải Hòa để thành lập thị trấn huyện lỵ của Tỉnh Gia. Tháng 10/2019, nhập xã Hải Hòa vào thị trấn Tỉnh Gia, xã Hùng Sơn vào xã Các Sơn, xã Triều Dương vào

xã Hải Ninh; huyện Tĩnh Gia còn 31 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 30 xã và 01 thị trấn.

2. Đặc điểm tự nhiên - xã hội

2.1. Địa giới hành chính:

Huyện Tĩnh Gia ở phía Đông Nam của tỉnh Thanh Hóa. Địa giới hành chính của huyện như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh; Nam giáp huyện Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Quảng Xương.

2.2. Điều kiện tự nhiên:

2.2.1. Địa hình:

Tĩnh Gia là một huyện miền biển của tỉnh Thanh Hóa, có địa hình khá phức tạp và chia cắt nhiều, Tây Nam có địa thế cao và xu hướng thấp dần về Đông Bắc. Từ Tây sang Đông có các dải địa hình núi và trung du, đồng bằng và vùng ven biển. Trong tổng diện tích 455,61 km², địa hình núi và trung du, đồng bằng chiếm 38,2%, đồng bằng 17,69%, vùng ven biển 44,11%.

Địa hình núi, trung du và bán sơn địa gắn liền với hệ thống núi cao. Các đỉnh núi có độ cao 100 - 250 m được cấu tạo bằng nhiều loại đá khác nhau nằm xen kẽ từ trầm tích (đá phiến, đá vôi...) đến các đá phun trào, đá xâm nhập...

Đồng bằng hình thành, phát triển do sự bồi tụ phù sa chủ yếu các hệ thống sông chạy qua, có địa hình khá bằng phẳng, độ cao từ +1,85 m đến +12,5 m.

Dạng địa hình ven biển phân bố chủ yếu Hải Châu, Hải Ninh, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Hòa, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Bình, Tĩnh Hải, Hải Yến, Hải Thượng, Hải Hà, Nghi Sơn. Trong đó, có một số xã có lạch suối chạy qua, tạo một kiểu dáng khác hẳn so với 02 vùng địa hình đồng bằng và bán sơn địa. Địa hình thấp và có hướng nghiêng ra biển. Dọc biển, địa hình có dạng lượn sóng bao gồm những dải cồn cát cao và những dải đất trũng có dạng hình lòng máng dốc dần theo hướng Bắc - Nam xen kẽ nhau. Phía trong là dải đồng bằng hẹp chạy dọc theo biển và dọc theo các con sông có độ cao từ +2,1 m đến +5,9 m tương đối bằng phẳng. Tĩnh Gia còn có hòn đảo Mê cách bờ biển 12 km là một trong hai quần đảo lớn nhất của tỉnh Thanh Hóa.

Địa hình phong phú, đa dạng đã tạo điều kiện để Tĩnh Gia phát triển một nền kinh tế có cơ cấu ngành đa dạng và nhiều cảnh quan đẹp kết hợp giữa rừng - biển - đồng bằng là điều kiện, tiềm năng để phát triển ngành du lịch, dịch vụ.

2.2.2. Khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên:

Cùng với với 185 điểm quặng gồm 42 loại thuộc các loại khoáng sản kim loại, phi kim, nhiên liệu và nguyên liệu của tỉnh Thanh Hóa. Tĩnh Gia có mỏ kim loại như thiếc với quy mô nhỏ; đất sét làm gạch ngói, trữ lượng trên

20 triệu m³; cát thủy tinh có trữ lượng 547.000 tấn, chất lượng tốt và phân bố nhiều. Nguồn tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế là cơ sở quan trọng để Tỉnh Gia phát triển một số ngành sản xuất vật liệu xây dựng, khai khoáng trên địa bàn.

Tài nguyên thiên nhiên của vùng huyện Tĩnh Gia phong phú, có chất lượng cao. Phía Tây Bắc huyện có hệ thống núi non khá phong phú như: núi Bọm(xã Tân Dân, An Hải) có đá chịu lửa trữ lượng khá lớn, núi Các, núi Am (xã Các Sơn), núi chùa Hang (xã Hải Lĩnh), núi Khoa Trường (xã Trường Lâm) có khe nước lạnh;... Phía Đông của huyện là bờ biển dài 42 km tạo nên những

bãi tắm đẹp. Phía Đông Nam của huyện có Non Tiên thuộc xã Hải Thanh trông ra cửa Bạng, có hòn Cầu Chử, trên núi có chùa Đốt Tiên; hòn Biểu thuộc xã

Hải Thanh. Nối với hòn Mê còn có một số hòn đảo nhỏ kéo dài một vệt trên biển về phía Nam là hòn Bung, hòn Sổ, hòn Sập, hòn Sảnh, hòn Lưỡi Hái. Dãy bờ biển dài, nông chạy dọc theo sườn phía Đông của huyện, tạo ra những tài nguyên hải sản phong phú tập trung nhiều ở khu vực cửa Bạng. Tài nguyên thiên nhiên khu vực là cơ hội rất lớn cho Tỉnh Gia thực hiện những khâu đột phá trong quy hoạch phát triển du lịch, dịch vụ, nâng cao tỷ trọng và vị trí của ngành này trong cơ cấu ngành kinh tế.

2.2.3. Khí hậu:

Tĩnh Gia nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. Khí hậu hai mùa rõ rệt, mùa nóng trùng với mùa mưa, còn mùa lạnh trùng với mùa khô. Đặc biệt, trong mùa nóng có sự xuất hiện của gió Tây khô nóng. Vào mùa mưa, lượng mưa ở Tĩnh Gia thường lớn hơn các địa phương khác của tỉnh. Nhiệt độ trung bình hàng năm vào khoảng 23 - 24°C ở vùng đồng bằng, giảm dần 18 - 20°C khi lên vùng miền núi. Hàng năm, có bốn tháng nhiệt độ trung bình giảm xuống 20°C, kéo dài từ tháng 12 đến tháng

	3.	Tháng	có
nhiệt cao điểm nhất 31°C - 41°C từ tháng 5 đến tháng 8. Lượng mưa trung bình năm từ 1.600 - 1.800 mm, có năm lên tới 2.800 mm với số ngày mưa từ 130 - 150 ngày/năm. Mùa mưa thường kéo dài bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10. Lượng mưa tập trung nhiều vào các tháng 8, 9, 10, tổng lượng mưa lên đến 60 - 80% của cả năm nên dễ gây ra lũ lụt ở vùng ven biển.			

2.2.4. Thủy văn:

Trên địa bàn có sông Bạng bắt nguồn từ Như Thanh chảy qua huyện Tĩnh Gia và đổ ra biển ở cửa Lạch Bạng. Sông Bạng có chiều dài là 34,5 km (trong đó 18 km miền núi), tổng diện tích lưu vực 236 km² trong đó đoạn chảy qua Tĩnh Gia với chiều dài khoảng 23 km, chiếm khoảng 55,08% tổng diện tích lưu vực sông. Sông Yên nằm ở phía cực Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn là ranh giới huyện Tĩnh Gia với huyện Quảng Xương, sông Yên đổ ra biển ở cửa Ghép, chiều dài sông trong địa bàn huyện Tĩnh Gia khoảng 14 km, diện tích lưu vực khoảng 145 km². Sông Thị Long bắt nguồn từ Nghệ An chảy qua

các huyện Tĩnh Gia, chảy qua địa bàn huyện Tĩnh Gia có chiều dài khoảng 26 km chiếm 48,14% tổng diện tích lưu vực sông. Sông Yên Hoà gồm hai nhánh chính. Nhánh phía Tây Bắc là kênh Xước, bắt nguồn từ xã Mai Lâm, đổ xuống hồ Đồng Chùa nhập vào sông chính. Nhánh thứ hai chảy từ phía Tây Nam, chạy giữa dãy núi Xước và núi Bằng Me, theo hướng Đông Bắc nhập vào sông chính, sau đó sông Yên Hoà chảy qua địa bàn xã Hải Hà đổ ra cửa Nghi Sơn. Sông Kênh Than là hệ thống sông nhà Lê thời xưa, có chiều dài khoảng 23 km, sông Kênh Than nối từ sông Ghép đến sông Lạch Bạng. Ngoài hệ thống sông ngòi, trên địa bàn huyện còn có kênh Xước từ núi Xước ở xã Mai Lâm, chảy đổ vào cửa Bạng, có 46 đập hồ lớn nhỏ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt cho Khu kinh tế Nghi Sơn. Tĩnh Gia cũng có nguồn nước mặt được khai thác từ các sông, ngòi, ao, hồ có trên địa bàn, đặc biệt là hệ thống thủy nông hồ Yên Mỹ, nguồn nước sông Yên,... Mạng lưới ao, hồ, nhỏ khá dày đặc đây là nguồn cung cấp, dự trữ nước khi mực nước các sông chính xuống thấp, nhất là vào mùa khô. Lượng nước mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp, bổ sung nước ngọt quan trọng cho sản xuất và cho sinh hoạt của nhân dân. Nguồn nước ngầm, trữ lượng nước ngầm trong vùng nhìn chung ít, chất lượng không cao, tập trung ở Tân Trường, Trường Lâm. Khu vực phía Tây, nước ngầm chủ yếu là nhóm nước khe nứt, chiều dày tầng chứa nước (chiều dày đới nứt nẻ và karst hoá) từ 30 - 100 m. Chất lượng nước tốt, tổng độ khoáng hoá 0,1 - 0,5 g/l với thành phần đồng nhất là bicarbonat canxi.

3. Vai trò, chức năng của huyện

Tĩnh Gia là một huyện ven biển, nằm ở cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thanh Hóa, có vị trí cách Hà Nội 200 km, có nhiều trục giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam chạy qua, cảng biển nước sâu Nghi Sơn - Hòn Mê,... cùng hệ thống đường tỉnh lộ nối liền các huyện, các tỉnh với nhau. Với tiềm năng và lợi thế về vị trí địa lý, thuận lợi kết nối và giao lưu trong nước và quốc tế, là điều kiện thuận lợi để tạo nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cùng với đó, trên địa bàn huyện có Khu kinh tế Nghi Sơn là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu, trao đổi hàng hóa kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải Quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn; cũng là một trong tám khu kinh tế trọng điểm của cả nước được Chính phủ lựa chọn tập trung đầu tư. Đồng thời, Tĩnh Gia còn là vùng đất có lịch sử văn hóa lâu đời và vị trí chiến lược quan trọng trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược với các di tích lịch sử văn hóa được cấp bằng công nhận Quốc gia và cấp tỉnh. Ngoài ra, huyện còn có nhiều tiềm năng và lợi thế đặc biệt, lực lượng lao động dồi dào; nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú với những mỏ đá vôi có trữ lượng lớn nhất trong cả nước; bờ biển dài hơn 30km, quần đảo Mê với 18 đảo lớn nhỏ là khu vực quan trọng trong hệ thống phòng thủ biển đảo quốc gia, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế địa phương...

Tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, xác định tính chất, vai trò đô thị Tĩnh Gia: là đô thị động lực gắn với sự phát triển của Khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn; vận hành theo cơ chế ưu đãi đặc biệt; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc miền Trung. Cũng là đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại hướng tới xây dựng trở thành thành phố theo mô hình đô thị Thông minh - Xanh - Bền vững. Còn là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn. Đồng thời, có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng.

Các lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, văn hóa truyền thống cùng với sự phát triển về cơ sở hạ tầng trong thời gian qua, huyện Tĩnh Gia được xác định là một trong những trung tâm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ và quốc phòng, an ninh của tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, Tĩnh Gia giữ vị trí, vai trò chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh khu vực phía Bắc vùng Bắc Trung Bộ, đầu mối giao thông quan trọng kết nối các tỉnh trong khu vực miền Trung.

4. Diện tích tự nhiên, dân số, đơn vị hành chính

4.1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Huyện Tĩnh Gia có 455,61 km² (45.561,40 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 31.072,66 ha, chiếm tỷ lệ 68,20%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 13.406,23 ha, chiếm tỷ lệ 29,42%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 1.082,51 ha, chiếm tỷ lệ 2,38%.

4.2. Đơn vị hành chính trực thuộc, dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

4.2.1. Đơn vị hành chính trực thuộc:

Huyện Tĩnh Gia có 31 đơn vị hành chính, gồm: thị trấn Tĩnh Gia và 30 xã: Hải Châu, Hải Ninh, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Nguyên Bình, Hải Nhân, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Trường Lâm, Hải Yến, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Anh Sơn, Ngọc Lĩnh, Các Sơn, Định Hải, Phú Sơn, Phú Lâm, Tân Trường, Tùng Lâm, Hải Thượng, Nghi Sơn, Hải Hà (giảm 03 đơn vị do nhập xã Hải Hòa vào thị trấn Tĩnh Gia, xã Hùng Sơn vào xã Các Sơn, xã Triều Dương vào xã Hải Ninh).

4.2.2. Dân số và lao động:

Huyện Tĩnh Gia có 307.304 người (đã bao gồm dân số quy đổi).

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế: 118.602 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 26.003 người, chiếm 21,92%;
- Lao động phi nông nghiệp: 92.599 người, chiếm 78,08%.

5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Trong những năm qua, huyện Tĩnh Gia có tốc độ phát triển kinh tế luôn vượt mục tiêu kế hoạch và duy trì ở mức cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện năm 2018 đạt 59,39%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, thủy sản. Tổng giá trị sản xuất năm 2018 đạt 77.273 tỷ đồng, trong đó:

- Ngành công nghiệp - xây dựng: 68.495 tỷ đồng, chiếm 88,64%, tăng 70,13% so với năm 2017;
- Ngành dịch vụ - thương mại: 6.093 tỷ đồng, chiếm 7,89%, tăng 23,47% so với năm 2017;
- Ngành nông - lâm - ngư nghiệp: 2.685 tỷ đồng, chiếm 3,47%, giảm 0,37% so với năm 2017.

Với lợi thế Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện đã đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ các hộ sản xuất kinh doanh chuyển đổi mô hình doanh nghiệp theo hướng phát triển các doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp vệ tinh cung ứng các dịch vụ cho khu kinh tế. Theo số liệu thống kê, toàn huyện có 980 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 201 doanh nghiệp so với cùng kỳ. Các doanh nghiệp địa phương ổn định sản xuất và sản phẩm bán ra luôn giữ được thị trường tiêu thụ các doanh nghiệp tập trung sản xuất một số sản phẩm chủ đạo như: giày da, xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến hải sản, chế biến dăm gỗ. Cùng với đó, Khu kinh tế Nghi Sơn sau 12 năm thành lập đã thu hút được 192 dự án đầu tư trong nước với tổng đăng ký kinh doanh hơn 106.627 tỷ đồng và 19 dự án FDI với tổng vốn đầu tư hơn 12,862 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 48.637 tỷ đồng và hơn 9,442 tỷ USD. Hiện đã có 82 dự án đi vào hoạt động toàn bộ hoặc một phần, trong đó gồm nhiều dự án trọng điểm như: Dự án Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn với tổng kinh phí 9,2 tỷ USD, quy mô 670 ha trên bờ, 590 ha mặt nước. Đầu tháng 5/2018, nhà máy lọc dầu đã cho ra đời dòng xăng dầu thương mại đầu tiên, sản phẩm của nhà máy đã đáp ứng 40% nhu cầu xăng dầu trong nước. Hiện nay, dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2 cơ bản hoàn thành các bước và chuẩn bị triển khai xây dựng; hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn đã hoàn thành; dự án mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 1A nối cảng Nghi Sơn đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư và triển khai thi công... Cảng Nghi Sơn đang đưa vào khai thác các bến chuyên dụng của nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn I, nhà máy xi măng Nghi Sơn và 8 bến tổng hợp. Ngoài ra, hàng chục bến cảng tổng hợp, bến chuyên dụng, bến container cùng khu tổng hợp hậu cần cảng đang được

các nhà đầu tư triển khai xây dựng và sẽ sớm hoàn thành mục tiêu trở thành một trong những cảng biển lớn nhất cả nước với khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 100.000 DWT, năng lực xếp dỡ 100 triệu tấn/năm. Bên cạnh phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, huyện Tĩnh Gia còn lưu giữ và phát triển các làng nghề truyền thống lâu đời điển hình, tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân tại địa phương, như: Làng nghề nước mắm: ở các làng Do Xuyên, làng Ba Làng (xã Hải Thanh), tại xã Hải Bình, Hải Châu như nước mắm Thanh Hương, nước mắm Hải Châu. Làng nghề sản xuất muối: các làng muối ở xã Hải Châu đang duy trì và phát triển. Làng nghề sản xuất đá (đá xây dựng, đá Sáp xuất khẩu): phát triển ở các xã Hải An, Ngọc Lĩnh và Tân Dân, đá làm vật liệu xây dựng thông thường phát triển mạnh ở các xã Trường Lâm và Tân Trường.

Hoạt động thương mại - dịch vụ luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, hàng hóa đa dạng, phong phú. Công tác quản lý thị trường luôn được thực hiện hiệu quả. Tính đến cuối năm 2018, trên địa bàn toàn huyện có hơn 5.780 cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ; 02 trung tâm thương mại tổng hợp với diện tích 0,4ha và 1,2 ha; 04 siêu thị cấp III; 01 chợ cấp I, cấp 2 thuộc tỉnh quản lý; 19 chợ cấp III thuộc xã, huyện quản lý và nhiều khách sạn quy mô lớn tập trung chủ yếu ở Khu du lịch nghỉ dưỡng biển Hải Hòa và Khu kinh tế Nghi Sơn. Hiện nay, trên địa bàn hệ thống chợ truyền thống được chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác, các mặt hàng hóa phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Cùng với đó, huyện đã đẩy mạnh kế hoạch, chính sách thu hút đầu tư các khu du lịch, các bãi tắm và các lễ hội trên địa bàn. Phát huy những tiềm năng và lợi thế sẵn có, năm 2018 tổng lượng du khách đến nghỉ dưỡng và du lịch tại huyện Tĩnh Gia đạt hơn 540.000 lượt tăng 145.000 lượt khách đến nghỉ dưỡng, tham quan; số khách lưu trú 1.340.000 ngày, tăng 52.000 ngày so với cùng kỳ năm 2017.

Sản xuất nông nghiệp của huyện trong những năm qua giảm mạnh, do người dân chuyển đổi công việc. Năm 2018, tổng diện tích gieo trồng đạt 19.599 ha, diện tích sản xuất rau an toàn đạt 18 ha. Chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung với tổng 66.164 con gia súc, 520.680 con gia cầm. Hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng và các công tác chăm sóc và phòng - chữa cháy rừng, tổng diện tích trồng mới 475,5 ha, diện tích rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh là 3.253,39 ha, diện tích rừng được bảo vệ là 15.171,96 ha. Tổng sản lượng, khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 32.527 tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2017.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn huyện đạt 1.513,58 tỷ đồng; chi ngân sách toàn huyện là 1.450,88 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 40,30 triệu đồng/người/năm.

5.2. Phát triển văn hóa - xã hội:

5.2.1. Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, luôn được quan tâm. Công tác tuyên truyền các sự kiện và ngày lễ lớn trong năm, xây dựng các cụm tin, khẩu hiệu tại trung tâm huyện và các khu đông dân cư thường xuyên đầy mạnh. Bên cạnh đó, các địa phương trong huyện đã thành lập nhiều câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, xây dựng nhiều chương trình văn nghệ đặc sắc phục vụ các nhiệm vụ chính trị hàng năm. Hoạt động thư viện luôn được duy trì thường xuyên, liên tục. Công tác tổ chức lễ hội đầu xuân tại các xã, thị trấn luôn được đảm bảo góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng, văn hóa - tâm linh của người người dân. Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" đã và đang thu hút nhiều lứa tuổi tham gia, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần đoàn kết trong nhân dân. Công tác xã hội hóa thể dục thể thao trên địa bàn từng bước có sự chuyển biến, góp phần mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình hoạt động thể dục thể thao, huy động được một số nguồn tài chính để đầu tư và phát triển thể dục thể thao.

Đài truyền thanh - truyền hình huyện có trên 239 giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương phục vụ việc chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương, kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong năm đã nâng cấp, đầu tư lắp mới đồng bộ hệ thống Đài truyền thanh, loa phát thanh trên nhiều địa bàn các xã, thị trấn.

5.2.2. Về giáo dục - đào tạo

Trên địa bàn huyện hiện có 34 trường mầm non với 4/34 trường đạt chuẩn quốc gia; 37 trường tiểu học với 26/37 trường đạt chuẩn quốc gia; 34 trường trung học cơ sở với 14/34 trường đạt chuẩn quốc gia và 05 trường trung học phổ thông với 2/5 trường đạt chuẩn Quốc gia. Chất lượng giáo dục đào tạo tăng lên rõ rệt, tỷ lệ tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 98,6%. Chỉ đạo tốt kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2018 - 2019 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đạt 97%. Điểm thi đầu vào các trường đại học cao, nhiều học sinh đạt 27 điểm trở lên. Thực hiện phương án nhập học sinh trường Trung học phổ thông Tĩnh Gia 5 với các trường Trung học phổ thông trên địa bàn, đồng thời tập trung chỉ đạo xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo kế hoạch năm 2018.

5.2.3. Về lĩnh vực y tế:

Mạng lưới y tế của huyện Tĩnh Gia bao gồm: 01 bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia (với quy mô giường bệnh đến năm 2020 là 360 giường), 01 Trung tâm Y tế huyện (Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện đã nhập vào Trung tâm Y tế huyện) và 34 trạm y tế xã. Ngoài ra, huyện còn có 01 bệnh viện ngoài công lập trên địa bàn đó là Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hợp Lực với quy mô hiện nay là 250 giường bệnh. Tuy nhiên, căn cứ theo Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thanh Hóa về chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa, sau khi thực hiện sắp xếp huyện Tĩnh Gia còn 31 trạm y tế xã.

Trong những năm qua, y tế trên địa bàn huyện từng bước được nâng cao chất lượng. Bệnh viện và các trung tâm y tế không ngừng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại, đồng thời liên tục cử cán bộ đi đào tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh do đó nhiều kỹ thuật vượt tuyến đã được thực hiện thành công trên địa bàn. Công tác y tế dự phòng luôn được đảm bảo, xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch theo mùa như: sởi, dịch tả, tay - chân - miệng, sốt xuất huyết, zika... để không xảy ra dịch bệnh. Thường xuyên tổ chức công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không có những sai phạm xảy ra. Năm 2018 đã thực hiện được 357.256 lượt khám chữa bệnh; 28 lớp tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho 1.816 lượt người; tổ chức 04 đợt kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm. Đồng thời, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt "Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã", hoàn thành công nhận thêm 04 xã, vượt 66,7% kế hoạch, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 22 xã, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

6.1. Về nhà ở:

Tổng số nhà trên địa bàn năm 2018 là 63.216 nhà, tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố đạt 84,93%; diện tích sàn nhà ở bình quân của toàn huyện là 27,32 m² sàn/người; tập trung đông tại thị trấn và các khu vực xã ven biển.

Trong những năm gần đây, việc phát triển nhà ở xã hội đang được quan tâm huy động nguồn lực cho việc triển khai thực hiện. Trên địa bàn đã cung cấp dịch vụ nhà ở cho 300 chuyên gia làm việc và khu nhà ở, dịch vụ với quy mô 25 ha, bao gồm 24 biệt thự, 10 tòa nhà cao 7 tầng, tương ứng 630 căn hộ chung cư, đáp ứng nhà ở cho hơn 1.000 người; tổ hợp nhà ở mới bao gồm 400 căn hộ, 10 căn biệt thự, 1 siêu thị nhà hàng, 1 nhà thể thao và các công trình phụ trợ phục vụ khu kinh tế Nghi Sơn. Ngoài ra, 9 dự án nhà ở tái định cư cũng được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; điển hình như dự án khu tái định cư Xuân Lâm - Nguyên Bình (72 ha), Hải Bình (25,5 ha), Trúc Lâm (8,4 ha), Mai Lâm (5 ha)....

6.2. Công trình văn hóa - thể thao:

Hệ thống công trình văn hóa- thể thao được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng. Đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, các công trình văn hóa, thể dục thể thao quy mô cấp đô thị đã được đầu tư xây dựng. Trong đó có 03 công trình văn hóa cấp đô thị như trung tâm văn hóa thông tin - thể dục thể thao huyện, thư viện huyện Tĩnh Gia, hiệu sách nhân dân huyện; 05 công trình thể dục thể thao cấp đô thị bao gồm sân vận động, nhà thi đấu, sân hỗn hợp. Tại các khu dân cư công trình văn hóa, thể thao cấp khu ở là các nhà văn hóa xã, thôn kèm các sân thể thao

đa năng quy mô nhỏ, được xây dựng kiên cố, khang trang; đáp ứng được phần lớn nhu cầu rèn luyện thể dục thể thao của người dân.

Huyện Tĩnh Gia có truyền thống lịch sử lâu đời với các giá trị nhân văn được bảo tồn và lưu giữ phát huy: có đến 22 lễ hội truyền thống như lễ hội Quang Trung xã Hải Thanh, lễ hội Cầu ngư xã Hải Thanh, Hải Bình, lễ hội Khao tào xã Hải Thanh,... Là địa phương có rất nhiều các công trình di tích tôn giáo nổi trội qua nhiều thời đại, với 35 di tích được xếp hạng, trong đó có 7 di tích cấp Quốc gia, 28 di tích cấp tỉnh, tiêu biểu như: đền thờ Đào Duy Từ, Cụm di tích thắng cảnh Quang Trung Lạch Bạng (xã Hải Thanh), chùa Thiên Vương - đền Khánh Trạch (xã Bình Minh), Cụm di tích lịch sử - di tích thắng cảnh núi Am Các và chùa Am Các (xã Định Hải), Quần thể danh thắng động Trường Lâm (xã Trường Lâm), Cụm di tích thắng cảnh Nghi Sơn - xã Nghi Sơn,... Công tác tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp di tích được quan tâm thường xuyên. Ngoài chương trình mục tiêu Quốc gia về bảo tồn di tích, hàng năm địa phương đã huy động được hàng tỷ đồng do nhân dân và các tổ chức xã hội đóng góp để tu bổ, tôn tạo di tích. Nhờ vậy, đã có nhiều di tích có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hoá ở Thanh Hóa được tu bổ, tôn tạo; từng bước đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về văn hóa địa phương của khách tham quan, nhân dân địa phương đồng thời phát huy giá trị di tích.

6.3. Về giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn được đầu tư mở rộng và nâng cấp và xây dựng hoàn chỉnh. Nhiều tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III, cấp IV với tốc độ thiết kế 80 km/h. Tuyến đường nội thị và đường giao thông nông thôn được cứng hóa với tỷ lệ cao. Hệ thống giao thông trên địa bàn như sau:

6.3.1. Đường bộ:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A chiều rộng nền đường 22,5 m, lòng đường 9,0mx2, phân cách 1,5 m, các đoạn đi qua đô thị hè rộng 5,0mx2. Tổng chiều dài qua huyện Tĩnh Gia khoảng 34,2 km.

-Tuyến đường Tỉnh lộ 512 tổng chiều dài qua huyện Tĩnh Gia khoảng 15 km, nền rộng 10 m, mặt đường láng nhựa.

-Tuyến đường Tỉnh lộ 525 tổng chiều dài qua huyện Tĩnh Gia khoảng 7 km, nền rộng 7,5 m, mặt đường láng nhựa.

-Đường Nghi Sơn - Bãi Trành dài 23 km.

-Đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn qua địa bàn huyện Tĩnh Gia có chiều dài 15 km.

-Đường bộ ven biển đoạn qua Khu kinh tế Nghi Sơn: tuyến nối tiếp với Tỉnh lộ 513 (xã Hải Hà) đi sang Nghệ An, nền đường rộng 12 m.

b) Hệ thống giao thông đối nội:

-Trên địa bàn có khoảng 318 km đường nội đô nối liền các tuyến trục chính đô thị, ngõ thôn và các tuyến đường trong khu đô thị mới, khu kinh tế.

Hệ thống đường trục chính đô thị và đường trong các khu đô thị mới, khu kinh tế có dạng ô cờ với khoảng cách 150 - 200 m, được bê tông nhựa.

- Mạng lưới đường giao thông nông thôn có tổng chiều dài khoảng 129,2 km. Hệ thống đường giao thông nông thôn được phát triển mạnh trong những năm gần đây. Khác với đường giao thông đô thị với kết cấu là bê tông nhựa, thì đường giao thông nông thôn sử dụng kết cấu bê tông xi măng là chủ yếu.

c) Hệ thống đường sắt, nhà ga, bến bãi

- Đường sắt: Tuyến đường sắt thống nhất quốc gia chạy qua địa phận các xã Các Sơn, Định Hải, Hải Nhân, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Tùng Lâm, Tân Trường, Trường Lâm với tổng chiều dài khoảng 30,15 km.

- Hệ thống nhà ga gồm: Ga Văn Trai - Km 218+900 (xã Hải Nhân), ga Khoa Trường - Km 228+950 (xã Tùng Lâm); ga Trường Lâm - Km 237+790 (xã Trường Lâm).

- Bến bãi đường bộ gồm: Bến xe khách huyện tại thị trấn Tĩnh Gia có diện tích 15.000 m²; khu dừng nghỉ xe tại xã Tùng Lâm, diện tích khoảng 7,0 ha đang san lấp bằng đầu tư xây dựng; điểm dừng đỗ xe tại xã Trúc Lâm, diện tích khoảng 2,6 ha.

6.3.2. Đường thủy:

Đã đầu tư hoàn thành đê chắn sóng cảng Nghi Sơn; các bến cảng số 1; số 2; số 3; số 4; số 5. Xây dựng cảng cá, âu tránh trú bão Lạch Bạng; xây dựng khu cảng của nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn và nạo vét luồng cho tàu 30.000 DWT ra vào cảng Nghi Sơn. Hiện nay, đang tiếp tục đầu tư các bến cảng của nhà máy thép Nghi Sơn; bến cảng chuyên dụng Công Thanh; xây dựng đê chắn sóng; các bến cảng chuyên dụng và nạo vét luồng cho tàu ra vào khu cảng dự án Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn...

Theo điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hệ thống cảng biển Nghi Sơn được quy hoạch tổng cộng 62 bến (12 bến container, 20 bến tổng hợp, còn lại là các bến và khu bến chuyên dùng). Hiện nay, cảng biển Nghi Sơn đã có 19 bến đi vào hoạt động; bao gồm: 2 cầu cảng tổng hợp và khu hậu cần cảng của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa, có khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, 3 cầu cảng tổng hợp của Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương có khả năng tiếp nhận tàu chở hàng tổng hợp có trọng tải đến 60.000 DWT, 4 cầu cảng tổng hợp quốc tế của Công ty Cổ phần Gang thép Nghi Sơn có thể tiếp nhận và cung cấp dịch vụ cho các tàu container có sức chở đến 3.500 TEU (tương đương trọng tải 30.000 - 40.000 DWT).

6.4. Cấp điện:

6.4.1. Hệ thống điện của Tĩnh Gia tương đối tốt, nguồn cung cấp điện cho huyện là nguồn điện lưới quốc gia bao gồm đường dây 500KV Bắc - Nam, đường dây 220KV Thanh Hoá - Nghệ An. Trên địa bàn có trạm biến áp

220/110/22 KV - 250 MVA và đang tiếp tục đầu tư tăng phụ tải và hệ thống lưới điện, đáp ứng đủ nguồn điện cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất; cụ thể có nhà máy nhiệt điện và các trạm biến áp sau:

- Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn I, công suất $P = 2 \times 300$ MW;
 - Trạm 220kV Nghi Sơn, công suất $S = (250+125)$ MVA – 220/110kV;
 - Trạm 110kV Tĩnh Gia, công suất $S = (40+63)$ MVA – 110/35/22kV;
 - Trạm 110kV XM Công Thanh, công suất $S = 2 \times 40$ MVA – 110/6kV;
 - Trạm 110kV XM Nghi Sơn, công suất $S = (40+35)$ MVA – 110/22/6kV;
 - Trạm 110kV Fecrom, công suất $S = (10+16)$ MVA – 110/10/6kV;
 - Trạm trung gian Triều Dương, công suất $S = 2 \times 4$ MVA – 35/10kV;
 - Trạm trung gian Xuân Lâm, công suất $S = 2 \times 6,3$ MVA – 35/10kV;
- Tổng công suất các nhà máy điện hiện có và các dự án nhà máy điện đang được triển khai là: 2.568 MW.

Tổng công suất các trạm 220kV: 375 MVA.

Tổng công suất các trạm 110kV: 284 MVA.

6.4.2. Hệ thống truyền tải:

a) Lưới điện 220kV:

- Từ trạm 220kV Thanh Hóa đấu nối trạm 220kV Nghi Sơn sử dụng đường dây mạch kép AC2x400 dài 65 km, đang mang tải lớn nhất khoảng 60%;

- Từ trạm 220kV Thanh Hóa đấu nối trạm 220kV Hưng Đông (Nghệ An) sử dụng đường dây mạch kép dài 90,2 km, đang mang tải lớn nhất khoảng 63%;

- Từ trạm 220kV Nghi Sơn đấu nối nhiệt điện Nghi Sơn sử dụng đường dây ACSR500 mạch kép dài 9,7 km, đang mang tải lớn nhất khoảng 73%.

b) Lưới điện 110kV:

- Từ trạm 220kV Nghi Sơn cấp điện cho trạm 110kV Tĩnh Gia sử dụng dây AC-185 dài 8 km, đang mang tải lớn nhất khoảng 56%.

- Từ trạm 220kV Thanh Hóa đấu nối 220kV Nghi Sơn sử dụng đường dây mạch kép AC185 dài 45,5 km, đang mang tải lớn nhất khoảng 121%.

Huyện Tĩnh Gia được Chính phủ quy hoạch phát triển thành một trung tâm nhiệt điện lớn với tổng công suất 2.100 MW. Trong đó, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn I đã đi vào hoạt động cuối tháng 5/2016 với sản lượng điện đạt 3,6 tỷ kWh/năm. Việc chính thức hòa lưới điện quốc gia của nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 có ý nghĩa quan trọng góp phần đảm bảo cung ứng đủ điện, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội của Khu kinh tế Nghi Sơn, vùng Bắc Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Hiện nay, tập đoàn điện lực Việt Nam đã khởi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn II, công suất 1.200 MW được đầu tư theo hình thức BOT (đấu thầu quốc tế);

đang triển khai các thủ tục đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Công Thanh, công suất 600 MW và dự án nhà máy nhiệt điện mặt trời Thanh Hóa tại xã Phú Lâm công suất 168 MW.

6.5. Cấp nước - thoát nước, xử lý nước thải:

6.5.1. Cấp nước:

Huyện Tĩnh Gia hiện có 31 xã, thị trấn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 88,30%. Hệ thống cấp nước sạch cho khu vực bao gồm:

- Nhà máy nước Bình Minh tại hồ Đồng Chùa: công suất đạt 30.000 m³/ng.đ - 60.000 m³/ng.đ.

- Nhà máy nước Anh Phát tại hồ Quế Sơn công suất hiện nay đạt 40.000 m³/ng.đ - 60.000 m³/ng.đ.

- Nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch Long Hải tại hồ Hao Hao công suất đạt khoảng 3.500 m³/ng.đ.

- Nhà máy nước Nguyên Bình tại xã Nguyên Bình công suất 5.000 m³/ng.đ.

- Còn một số xã đang dùng nước ngầm mạch nông từ các giếng đào, giếng khoan Unicef nhỏ bơm tay hoặc bơm máy có độ sâu từ 3 - 25 m để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất.

Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng nhà máy nước Tân Dân, chủ đầu tư là Công ty cổ phần xây lắp Hồng Hà có công suất thiết kế 10.500 m³/ng.đ.

6.5.2. Thoát nước, xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt:

Trên địa bàn huyện Tĩnh Gia, hệ thống thoát nước thải và nước mưa đang đi chung. Một số tuyến cống, mương xây nắp đan được đầu tư xây dựng dọc theo các tuyến đường và tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm hành chính của đô thị. Nước thải sinh hoạt dân cư đô thị, cơ quan và công trình công cộng mới được xử lý qua bể tự hoại rồi chảy ra hệ thống thoát nước mưa, chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải chưa được thu gom xử lý xả trực tiếp.

Các khu tái định cư (tái định cư Hải Yến, tái định cư Hải Bình, Mai Lâm, Xuân Lâm - Nguyên Bình) đã được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải từ các hộ dân (mương xây gạch B30, B40 hoặc cống tròn BTCT D400, D600 -D1200). Tuy nhiên, vẫn chưa có nhà máy xử lý nước thải nên toàn bộ lượng nước thải từ các hộ dân, các đơn vị doanh nghiệp... sau khi thu gom lại nhập chung vào hệ thống thoát nước mưa và xả vào sông Bạng, kênh Than.

b) Nước thải bệnh viện:

Tại bệnh viện và các phòng khám đa khoa của các huyện đều chưa có hệ thống thu gom và xử lý riêng nước thải trước khi đổ vào hệ thống thoát

nước chung, đồng ruộng. Do chưa được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn nên các hợp chất hữu cơ, hoá chất của các dược phẩm, kim loại nặng, vi khuẩn gây bệnh..., đã gây ô nhiễm đến môi trường nước tại các khu vực xung quanh bệnh viện.

c) Nước thải công nghiệp:

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển các cơ sở sản xuất lớn nhỏ khác nhau, hầu hết nhà máy phải tự xây dựng hệ thống xử lý chất thải, một số cơ sở sản xuất kinh doanh mới chỉ đầu tư đẩy mạnh sản xuất và chế biến nhưng chưa chú ý đến việc xử lý chất thải. Vì vậy, các loại hình công nghiệp này đang tạo nên các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

6.6. Hệ thống viễn thông:

Hiện tại hệ thống thông tin liên lạc đã được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch của ngành bưu chính viễn thông, cơ sở hạ tầng như trung tâm bưu điện huyện, các trạm thu phát sóng điện thoại, internet đã được đầu tư và khai thác có hiệu quả. Toàn huyện Tĩnh Gia các xã, phường đều có trạm bưu điện. Trong đó Bưu cục cấp II tại trung tâm trị trấn huyện; 03 điểm bưu cục cấp III là: chợ Kho (Hải Ninh), Mai Lâm, Hải Thượng. Toàn xã 160 trạm BTS, trong đó có 02 trạm xây dựng trên nóc công trình. Mạng truyền dẫn cáp quang quốc gia đi ngầm dọc tuyến Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam.

Số thuê bao internet băng thông rộng lên đến 53.927 thuê bao, mạng điện thoại di động, mạng điện thoại cố định, truyền hình số, mật độ thuê bao internet đạt 22,95 thuê bao/100 dân, tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%. Mạng bưu chính viễn thông trên địa bàn các huyện chủ yếu do bưu điện tỉnh xây dựng, chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân.

6.7. Vệ sinh môi trường:

Trong những năm gần đây, công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường luôn nhận được sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt của chính quyền và các đoàn thể trên địa bàn huyện. Thường xuyên tổ chức những đợt ra quân như: dòng sông, kênh mương không rác thải; bãi biển không rác thải; chung tay bảo vệ môi trường... nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân nhất là các em học sinh và đoàn viên thanh niên các xã, thị trấn về ý nghĩa, tác dụng của việc đảm bảo vệ sinh môi trường đối với sức khỏe của con người và sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, góp phần bảo vệ nguồn nước và xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Đồng thời, các xã, thị trấn trên địa bàn bố trí đủ các điểm tập kết thu gom rác thải và hợp đồng với các đơn vị thu gom vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải Trường Lâm để xử lý. Năm 2018, khối lượng chất thải rắn trong khu vực khoảng 43.614,52 tấn, trong đó khối lượng được thu gom là 30.942,2 tấn. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý hợp vệ sinh đạt 85,81%.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

7.1. Quốc phòng:

Xây dựng lực lượng vững mạnh, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn. Tổ chức lực lượng thường trực 24/24, thường xuyên luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu, kịp thời xử lý các tình huống, không để xảy ra bị động, bất ngờ. Tổ chức giao nhận quân đủ 205 chỉ tiêu năm 2018. Trên tuyến biển, đảo, bộ đội biên phòng đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát, nắm bắt tình hình, đảm bảo an ninh chính trị. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2018; hội nghị sơ kết 10 năm thực hiện “Ngày biên phòng toàn dân” giai đoạn năm 2009 - 2019. Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển quân năm 2019.

7.2. An ninh:

Phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Chủ động, quyết liệt, tích cực triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn trong đó tập trung đảm bảo an ninh trật tự tại các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đảm bảo tốt an ninh, an toàn cho doanh nghiệp và lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng ngừa xã hội được thực hiện tốt; các tệ nạn xã hội được kiềm chế, phạm pháp hình sự bình quân hàng năm giảm đáng kể, không để hình thành tội phạm có tổ chức; địa bàn trọng điểm về tội phạm, trọng điểm ma túy được giải quyết cơ bản. Hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự được nâng lên; trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng có chuyển biến rõ rệt, tai nạn giao thông hàng năm giảm cả về số vụ, số người chết và số người bị thương.

8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

8.1. Huyện ủy huyện:

Thường trực Huyện ủy gồm 03 người.

Các cơ quan thuộc Huyện ủy gồm: Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Văn phòng Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

Các Đoàn thể gồm: Mặt trận Tổ Quốc, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Liên đoàn lao động huyện (Không tính trong biên chế của huyện).

Tổng số cán bộ, công chức thuộc Huyện ủy Tĩnh Gia được giao: 66 người. Số hiện có 63 người, tính cả 04 biên chế của liên đoàn lao động huyện và 04 biên chế Cựu chiến binh huyện.

Trình độ đào tạo chuyên môn: Thạc sỹ: 10 người, Đại học: 49 người, Trung cấp: 04 người.

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 28 người, Trung cấp: 31 người.

8.2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân:

8.2.1. Hội đồng nhân dân huyện Tĩnh Gia nhiệm kỳ 2016 - 2021 hiện có 39 đại biểu, với trình độ như sau:

- Trình độ đào tạo: Thạc sỹ: 10 đại biểu, Đại học 27 đại biểu, Cao đẳng, Trung cấp: 2 đại biểu.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 21 đại biểu, Trung cấp: 17 đại biểu, Sơ cấp: 01 đại biểu.

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân huyện Tĩnh Gia:

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có: 05 người, gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (hoạt động chuyên trách), 01 Trưởng Ban pháp chế, 01 Trưởng Ban Kinh tế - xã hội.

Ban Hội đồng nhân dân gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội, trong đó 02 Trưởng ban là kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách.

8.2.2. Ủy ban nhân dân huyện có 18 thành viên, gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và 12 ủy viên là Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện, Trưởng Công an huyện.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

- Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia có 15 cơ quan chuyên môn trực thuộc gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Y tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Giải phòng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư, Ban Quản lý dự án, Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng.

Tổng số cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia là 108 người.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 34 người, Đại học: 74 người.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 30 người, Trung cấp: 48 người.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN CÓ LIÊN QUAN

1. Xã Hải Châu

1.1. Lịch sử hình thành:

Hải Châu trước đây là một vùng đất rộng lớn, bao gồm cả các xã Hải An và Hải Ninh. Thời Lê Hoàn, vùng đất Hải Châu là một phần đất của huyện Thường Lạc. Thời Lý, Trần, Hồ là một phần đất của huyện Kết Duyệt. Thời Lê và Nguyễn thuộc huyện Ngọc Sơn phủ Tĩnh Minh (phủ Tĩnh Gia sau này). Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, bỏ cấp phủ vùng đất Hải Châu thuộc huyện Tĩnh Gia. Năm 1954, huyện Tĩnh Gia tổ chức lại đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình mới, theo đó xã Hải Châu được thành lập và được giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

1.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Châu là một xã cực Bắc huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Tây giáp xã

Thanh Thủy; Nam giáp xã Hải Ninh; Bắc giáp xã Quảng Trung và Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

1.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Châu có 9,08 km² (908,76 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 371,94 ha, chiếm tỷ lệ 40,93%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 507,32 ha, chiếm tỷ lệ 55,83%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 29,50 ha, chiếm tỷ lệ 3,24%.

1.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 10.195 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 10 thôn với các tên gọi như sau: Yên Châu, Bắc Châu, Nam Châu, Hòa Bình, Thanh Trung, Thanh Bình, Thăng Lợi, Liên Hải, Liên Thành và Thanh Đông.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 4.600 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 950 người, chiếm 20,65%;
- Lao động phi nông nghiệp: 3.650 người, chiếm 79,35%.

1.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

1.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Nền kinh tế tiếp tục ổn định và phát triển, các chỉ tiêu chính cơ bản hoàn thành góp phần làm cho đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 15%. Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 534,9 tỷ đồng, tăng 14,5% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 306,60 tỷ đồng, chiếm 57,32%;
- Dịch vụ, thương mại: 141,60 tỷ đồng, chiếm 26,47%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 86,70 tỷ đồng, chiếm 16,21%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 306,60 tỷ đồng. Được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn đã mở rộng sản xuất, cải tiến mẫu mã, tăng sản lượng kèm theo chất lượng, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm mang tính bền vững như chế biến thủy hải sản, chế biến gỗ, cơ khí... Cùng với đó, các làng nghề muối ở xã vẫn được duy trì và phát triển. Ngoài ra, các ngư dân trên địa bàn tích cực đầu tư đóng mới phương tiện, nâng cao sản xuất tàu thuyền, trang bị thêm các thiết bị hiện đại, khai thác các loại hải sản có giá trị kinh tế cao.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 141,60 tỷ đồng. Những năm qua, dịch vụ và thương mại trên địa bàn phát triển mạnh, hàng hóa đa dạng và phong phú, hình thức kinh doanh linh hoạt, cơ chế buôn bán thuận lợi với gần 550 hộ làm dịch vụ các loại như buôn bán tạp hóa, tổng hợp, thủy hải sản... đã thu hút một lượng lớn lao động của địa phương.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 86,70 tỷ đồng. Giá cả sản phẩm chăn nuôi năm 2018 tương đối ổn định, nhiều hộ đầu tư đem lại lợi nhuận cao. Bên cạnh đó, việc nuôi trồng hải sản ngày càng phát triển, các chỉ tiêu hầu hết đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra với tổng giá trị đạt 33 tỷ đồng, đạt 132% kế hoạch đề ra.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 11,61 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã 8,03 tỷ đồng.

1.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Công tác văn hóa - xã hội thường xuyên được chú trọng, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và những sự kiện quan trọng của địa phương. Nhân dịp các ngày Lễ, Tết các thôn thường xuyên tổ chức các giải đấu giao lưu nhằm nâng cao đời sống tinh thần và phong trào vui chơi giải trí sau mỗi ngày lao động. Đồng thời, công tác xây dựng đơn vị, gia đình kiểu mẫu được chú trọng, ý thức văn hóa của nhân dân được nâng lên. Phong trào xây dựng cơ quan đơn vị, gia đình kiểu mẫu tuy mới phát động nhưng đã thu được kết quả khả quan đã có 1.890 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình kiểu mẫu, đạt 73,57% tổng số hộ trong xã.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn xã có 03 trường: trường Mầm non Hải Châu, trường Tiểu học Hải Châu và trường Trung học cơ sở Hải Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Công tác giáo dục trên địa bàn xã được chăm lo, chất lượng giáo dục được giữ vững và nâng cao, hoàn thành nhiệm vụ năm học 2017 - 2018. Ngành giáo dục của địa phương phát triển mạnh, đã có 2/3 trường trên địa bàn đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục và trường còn lại đã hoàn thành 80% các tiêu chí đạt chuẩn Quốc gia. Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 97,1%.

c) Về lĩnh vực y tế:

Xã có 01 trạm y tế đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế, với tổng diện tích là 1.500 m². Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được duy trì tốt, làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh đặc biệt dịch sốt xuất huyết và các bệnh lây nhiễm tại địa phương được quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ. Năm 2018 khám và điều trị ban đầu cho 5.500 lượt bệnh nhân, 100% trẻ em được tiêm phòng và uống vitamin. Ngoài ra, xã cũng thường xuyên kiểm tra về công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn.

1.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

1.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn nhất là ở các thôn được quan tâm đầu tư xây dựng, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%. Đặc biệt trên địa bàn xã có tuyến đường Quốc lộ 1A chạy qua đã

được đầu tư nâng cấp sẽ phục vụ tích cực đời sống nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế.

1.6.2. Về điện:

Hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, khắc phục khó khăn, đầu tư xây dựng các trạm biến áp, thay thế đường dây, đảm bảo việc cấp điện phục vụ nhu cầu sản xuất, phát triển kinh doanh, chiếu sáng và đời sống của người dân, cũng như giảm tỷ lệ thất thoát điện. Số hộ dân sử dụng điện và dùng điện kế chính đạt 100%; sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2018 là 7.260.082 Kwh. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95,15%.

1.6.3. Về cấp thoát nước:

Trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96,84%. Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng nhà máy nước Tân Dân có công suất thiết kế 10.500 m³/ng.đ, cấp nước cho 07 xã phía Bắc huyện Tĩnh Gia trong đó có xã Hải Châu. Bên cạnh đó, các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn và xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

1.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 06 vị trí xây dựng trạm BTS với 14 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone, Gtel và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

1.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Các phong trào, đợt ra quân như: dòng sông, kênh mương không rác thải, bãi biển không rác thải, chung tay bảo vệ môi trường, ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia, nhất là đoàn viên thanh niên và các em học sinh. Cùng với đó, xã thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, khai thác nước và xả thải đối với các doanh nghiệp, cơ sở chế biến thủy hải sản, chăn nuôi; chỉ đạo công ty môi trường thu gom rác thải trong khu dân cư. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom trên địa bàn xã đạt 86,06%.

1.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

1.7.1. Quốc phòng:

Tình hình quốc phòng trên địa bàn xã được giữ vững và duy trì. Xây dựng kế hoạch quân sự, quốc phòng, kế hoạch huấn luyện dân quân, kiện toàn Ban chỉ huy quân sự xã. Tổ chức huấn luyện dân quân cơ động và lực lượng tại chỗ, huấn luyện quân sự đạt 100% kết quả kiểm tra; hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2018. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

1.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn được giữ vững. Tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã xây dựng các kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức lực lượng thường trực 24/24 chủ động xử lý kịp thời các tình huống nảy sinh, đặc biệt vào các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của địa phương. Làm tốt công tác tạm trú, tạm vắng, quản lý tốt đối tượng người nước ngoài làm ăn buôn bán tại địa phương; kiểm tra chặt chẽ việc công dân đi xuất khẩu lao động tại các nước.

1.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

1.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Châu

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Châu là 26 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

1.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 24 người.

Về trình độ: Chuyên môn: đại học: 21 người, trung cấp: 03 người; lý luận chính trị: Cao cấp: 01 người, trung cấp: 15 người, sơ cấp: 01 người.

2. Xã Hải An

2.1. Lịch sử hình thành:

Hải An trước đây là một vùng đất rộng lớn cùng với các xã Hải Châu và Hải Ninh. Thời Lê Hoàn là một phần đất của huyện Thường Lạc. Thời Lý, Trần, Hồ là một phần đất của huyện Kết Duyệt. Thời Lê và Nguyễn thuộc huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Minh (phủ Tĩnh Gia sau này). Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, bỏ cấp phủ vùng đất này thuộc huyện Tĩnh Gia. Năm 1954, huyện Tĩnh Gia tổ chức lại đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình mới, theo đó xã Hải An được thành lập và được giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

2.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải An là một xã ven biển, cách trung tâm thị trấn Tĩnh Gia 12 km về phía Bắc. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp xã Tân Dân; Bắc giáp xã Hải Ninh.

2.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải An có 6,25 km² (625,82 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp 419,03 ha, chiếm tỷ lệ 66,96%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 204 ha, chiếm tỷ lệ 32,60%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 2,79 ha, chiếm tỷ lệ 0,44%.

2.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 6.528 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 05 thôn với các tên gọi như sau: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 2.737 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 765 người, chiếm 27,95%;
- Lao động phi nông nghiệp: 1.972 người, chiếm 72,05%.

2.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

2.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 135,66 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 14 tỷ đồng, chiếm 10,32%;
- Dịch vụ, thương mại: 86 tỷ đồng, chiếm 63,39%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 35,66 tỷ đồng, chiếm 26,29%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 14 tỷ đồng. Ngoài các nghề truyền thống như làng chài, đục đá núi... trên địa bàn xã có nhiều doanh nghiệp đang hình thành và phát triển, điển hình các doanh nghiệp chuyên khai thác kinh doanh xuất khẩu đá cát xây dựng, cùng các cơ sở lớn nhỏ chuyên chế biến thủy hải sản.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 86 tỷ đồng. Tình hình hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã trong năm 2018 phát triển cơ bản ổn định và có chiều hướng tích cực, đã tạo việc làm cho hàng trăm lao động. Ngoài ra, hiện khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Hải An với 02 dự án đang triển khai, góp phần mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập người dân địa phương.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 35,66 tỷ đồng. Tổng diện tích gieo trồng đạt 694,3 ha, tăng 12,8 ha so với cùng kỳ. Công tác phòng, chống dịch thường xuyên được quan tâm nên trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra. Cùng với đó, công tác bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện thường xuyên.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 7,68 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 6,02 tỷ đồng.

2.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền được chú trọng nâng cao chất lượng. Thường xuyên tổ chức các hoạt động với các giải bóng đá, giao lưu văn nghệ giữa các thôn đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao mừng Đảng, mừng Xuân,... Bên cạnh đó, Đài truyền thanh xã đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, kịp thời đưa tin phản ánh tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thường xuyên nâng cấp toàn bộ hệ thống

đài truyền thanh xã cơ bản phủ sóng truyền thanh đến các khu dân cư, đảm bảo các thông tin tuyên truyền của địa phương.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Xã có 04 trường: trường Mầm non Hải An, trường Tiểu học Hải An và trường Trung học cơ sở Hải An, trường Trung học phổ thông Tỉnh Gia 4; trong đó trường Tiểu học Hải An đạt chuẩn Quốc gia. Các nhà trường có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy và học; học sinh đổ vào các trường Trung học phổ thông đạt tỷ lệ cao; thực hiện đúng quy định nguồn kinh phí xã hội hóa giáo dục. Cơ sở vật chất của ba cấp trường được đầu tư, củng cố, cơ bản đảm bảo cho việc dạy và học.

c) Về lĩnh vực y tế:

Xã có 1 trạm y tế với diện tích 1.400 m², trạm đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế. Trong năm, trạm đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, cửa hàng thực phẩm và các nhà hàng đóng trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, lồng ghép chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em trong các buổi giao lưu sinh hoạt tại các thôn.

2.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

2.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Trên địa bàn xã có 02 tuyến đường giao thông quan trọng là Quốc lộ 1A và đường Tỉnh lộ 512 tạo điều kiện giao lưu phát triển. Thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn nhất là ở các thôn được quan tâm đầu tư xây dựng, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%, phục vụ tích cực đời sống nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế.

2.6.2. Về điện:

Hệ thống điện chiếu sáng của xã như sau: hệ thống lưới điện trung thế 5,99 km, 07 trạm biến áp. Số hộ dân sử dụng điện và dùng điện kế chính đạt 100%; sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2018 là 4.009.039 Kwh. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 93,8%.

2.6.3. Về cấp thoát nước:

Trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 93,38%, nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt là nguồn mạch nông từ các giếng đào, giếng khoan Unicef nhỏ bơm tay hoặc bơm máy có độ sâu từ 3 - 25 m. Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng nhà máy nước Tân Dân và sẽ cấp nước cho 07 xã phía Bắc huyện Tỉnh Gia trong đó có xã Hải An. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi địa bàn xã đạt 100% tiêu chuẩn hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ dân có đủ 3 công trình (bể nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) đạt tỷ lệ cao.

2.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 06 vị trí xây dựng trạm BTS với 15 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

2.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên được đẩy mạnh. Xã đã tổ chức nhiều phong trào và được đông đảo tầng lớp nhân dân, nhất là đoàn viên thanh niên và các em học sinh nhiệt tình hưởng ứng và tham gia. Đồng thời vận động, tuyên truyền các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất và chế biến, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Hiện trên địa bàn đã được bố trí điểm tập kết thu gom rác thải và hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải Trường Lâm xử lý. Thu gom rác thải trên địa bàn xã đạt 80,42%.

2.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

2.7.1. Quốc phòng:

Công tác quốc phòng trên địa bàn xã được đảm bảo. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; Ban Chỉ huy quân sự xã đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng hệ thống kế hoạch quân sự quốc phòng, xây dựng lực lượng dân quân đúng luật. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2018 đạt 100% kế hoạch. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định số 49/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2.7.2. An ninh:

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định, không có điểm nóng, trọng điểm xảy ra. Xây dựng kế hoạch bảo vệ các hoạt động liên quan đến sự kiện trọng đại của đất nước và của địa phương. Tổ chức tổng kết 10 năm Đề án 375 và Chỉ thị số 10 của Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa về xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.

2.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

2.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải An

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải An là 24 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

2.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 24 người.

Về trình độ: Chuyên môn: đại học: 18 người, cao đẳng: 03 người, trung cấp: 02 người; lý luận chính trị: trung cấp: 11 người, sơ cấp: 12 người.

3. Xã Tân Dân

3.1. Lịch sử hình thành:

Xã Tân Dân có lịch sử truyền thống lâu đời, từ thế kỷ XV có 02 làng Thọ Cửu và Dũ Huyền. Đến thế kỷ XIX đã phát triển thành 05 làng: Thọ Cửu, Dũ Huyền, Hồ Trung, Hồ Thịnh, Hồ Thượng và Sở lý phủ Tĩnh Gia được chuyển về thôn Liên Xá, làng Hồ Thượng. Năm 1947, đáp ứng yêu cầu kháng chiến kiến quốc, huyện Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa nhập các xã nhỏ thành xã lớn. Xã Tân Dân cùng một số xã nhập thành xã Triệu Dương. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ngày 21/8/1954 xã Triệu Dương lại chia tách thành 03 xã Tân Dân, Ngọc Lĩnh và Triệu Dương. Tân Dân được tái lập và được giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

3.2. Địa giới hành chính:

Xã Tân Dân là một xã ven biển, cách trung tâm thị trấn huyện Tĩnh Gia khoảng 10 km về phía Bắc. Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Các Sơn và xã Định Hải; Nam giáp xã Hải Lĩnh; Bắc giáp xã Hải An.

3.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Tân Dân có 9,63 km² (963,63 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 721,68 ha, chiếm tỷ lệ 74,89%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 222,67 ha, chiếm tỷ lệ 23,11%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 19,28 ha, chiếm tỷ lệ 2%.

3.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 8.586 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 06 thôn với các tên gọi như sau: Minh Sơn, Tiền Phong, Hồ Thịnh, Hồ Trung, Hồ Thượng, Thanh Minh.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 2.818 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 765 người, chiếm 27,15%;
- Lao động phi nông nghiệp: 2.053 người, chiếm 72,85%.

3.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

3.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 199,9 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 117,2 tỷ đồng, chiếm 58,03%;
- Dịch vụ, thương mại: 44 tỷ đồng, chiếm 22,01%;
- Nông, lâm, ngư nghiệp: 38,7 tỷ đồng, chiếm 19,36%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 117,2 tỷ đồng. Trên địa bàn hiện có 04 công ty và 133 hộ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp góp phần giải quyết được lượng lao động dư thừa và tạo thu nhập ổn định cho người dân. Bên cạnh đó, nhiều dự án đang được triển khai như dự án Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng của Công ty Cổ

phần Thương mại Phú Thịnh Phát, dự án Khu đô thị du lịch sinh thái của Tập đoàn T&T,... sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 44 tỷ đồng. Kinh doanh dịch vụ và thương mại tiếp tục phát triển. Trên địa bàn có chợ và các quầy kiot cho thuê kinh doanh và 140 hộ dịch vụ buôn bán nhỏ đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa sinh hoạt và thu nhập ổn định cũng như phát triển kinh tế. Hiện nay Khu du lịch sinh thái biển Tân Dân đang triển khai, góp phần mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập người dân địa phương.

Nông nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 38,7 tỷ đồng. Năm 2018, thực hiện dự án chăn nuôi bằng thức ăn kết hợp chế phẩm sinh học và phòng chống dịch luôn được chú trọng nên trong năm không có dịch bệnh xảy ra, đem lại nhiều kết quả tốt. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 1.110 tấn, tổng số đàn gia cầm, thủy cầm đạt 40.000 con.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 21,45 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 21,45 tỷ đồng.

3.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh, đặc biệt là môn bóng chuyền hơi được phát triển rộng khắp và thu hút được nhiều thành phần tham gia hoạt động thường xuyên. Cùng với đó, xã tiếp tục phát động các thôn củng cố, xây dựng thiết chế văn hóa, làm hồ sơ đề nghị công nhận làng văn hóa giai đoạn 2016 - 2018 cho 06 thôn; Ban Chỉ đạo huyện đã xét và đạt 5/6 thôn. Ngoài ra, xã đã đảm bảo thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày Lễ, Tết, đặc biệt là tuyên truyền nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trong những năm qua các trường đã không ngừng nâng cao, đổi mới việc dạy và học, cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng kiên cố với đầy đủ trang thiết bị, chất lượng dạy và học được nâng lên. Đội ngũ giáo viên của các trường đạt chuẩn 100%, chất lượng giáo dục chuyển biến rõ rệt. Trên địa bàn xã có 2/3 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia. Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100%.

c) Về lĩnh vực y tế:

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được duy trì tốt, không để dịch bệnh xảy ra. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; tổ chức tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở bán hàng, dịch vụ. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi quy định được uống vắc-xin và tiêm phòng đầy đủ đạt 100%. Công tác y tế cơ sở và dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm hơn. Trong năm trạm đã giữ vững chuẩn Quốc gia về y tế giai đoạn 2016 - 2020.

3.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

3.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Trên địa bàn có tuyến đường Quốc lộ 1A chạy qua xã thuận lợi cho việc giao lưu phát triển với nhiều nơi trong cả nước. Cùng với đó, các tuyến đường liên xã, liên thôn đã được bê tông hóa, nhựa hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

3.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 07 trạm biến áp đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100%; số hộ dùng điện kế chính đạt 100%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 96,1%, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2018 đạt 3.764.954 kwh.

3.6.3. Về cấp thoát nước:

Tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 94,24%. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi trên địa bàn xã đạt 100% tiêu chuẩn hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ dân có đủ 03 công trình (bể nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) đạt tỷ lệ cao.

3.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 04 vị trí xây dựng trạm BTS với 09 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Gtel; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

3.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã luôn được chú trọng. Thường xuyên tuyên truyền các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất và chế biến, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Xây dựng quy chế thu gom rác thải, mở rộng phạm vi, đối tượng để phát huy hết công năng của lò xử lý rác mới. Duy trì tổ thu gom rác thải khu vực chợ Cung và hai bên Quốc lộ 1A, mô hình lò đốt rác thủ công được thực hiện hiệu quả. Hiện công tác thu gom rác thải trên địa bàn xã đạt 85,28%.

3.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

3.7.1. Quốc phòng:

Công tác quân sự- quốc phòng thường xuyên được củng cố, kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ, hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện hoàn thành chỉ tiêu giao. Duy trì nghiêm chỉ thị, lệnh sẵn sàng chiến đấu của Ban Chỉ huy quân sự huyện, tổ chức lực lượng chiến đấu, trực Tết, bảo vệ các lễ hội địa phương đảm bảo an ninh chính trị trong địa bàn. Năm 2018, địa phương đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển quân và lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức diễn tập phòng thủ xã năm 2018 đạt kết quả tốt.

3.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định và được giữ vững. Thường xuyên ra quân giải tỏa hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 1A và đường liên thôn đảm bảo đường thông hè thoáng. Chủ động xử lý các tình huống, giải quyết kịp thời và dứt điểm trong phạm vi thẩm quyền, đúng pháp luật các vụ việc, nhất là trong các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm, do đó không có các vụ trọng án xảy ra.

3.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

3.8.1. Hội đồng nhân dân xã Tân Dân

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Tân Dân là 25 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

3.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 24 người.

Về trình độ: Chuyên môn: đại học: 16 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 07 người; lý luận chính trị: trung cấp: 19 người, sơ cấp: 05 người.

4. Xã Hải Lĩnh

4.1. Lịch sử hình thành:

Xã Hải Lĩnh trước đây là một vùng đất rộng, thuộc tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia. Khi ấy xã có bốn làng với các tên gọi: làng Hồ Phú, làng Thượng Chiểu, làng Hiều Môn và làng Hiều Môn Đông. Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, bốn làng của xã được lập thành 03 khu vực hành chính: làng Hồ Phú là xã Phú Thịnh; làng Thượng Chiểu là xã Tri Tân; làng Hiều Môn và Hiều Môn Đông là xã Đồng Hóa. Sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội khóa I nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, các xã Phú Thịnh, Tri Tân và Đồng Hóa hợp nhất thành xã Hải Lĩnh. Tháng 6/1947, xã Định Hải, Hải Lĩnh, 2/3 xã Ninh Hải được sáp nhập lấy tên là xã Hải Lĩnh. Tháng 6/1954, xã Hải Lĩnh được chia tách trở lại thành 03 xã giữ nguyên tên gọi Định Hải, Ninh Hải, Hải Lĩnh cho tới ngày nay.

4.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Lĩnh nằm ở phía Bắc huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải; Nam giáp xã Ninh Hải; Bắc giáp xã Tân Dân.

4.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Lĩnh có 8,42 km² (842,66 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 562,01 ha, chiếm tỷ lệ 66,69%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 255,27 ha, chiếm tỷ lệ 30,29%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 25,38 ha, chiếm tỷ lệ 3,02%.

4.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 7.863 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 12 thôn với các tên gọi như sau: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6, Thôn 7, Thôn 8, Thôn 9, Thôn 10, Thôn 11, Thôn 12.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 3.124 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 853 người, chiếm 27,30%;
- Lao động phi nông nghiệp: 2.271 người, chiếm 72,70%.

4.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

4.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 138,5 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 72 tỷ đồng, chiếm 52%;
- Dịch vụ, thương mại: 39,9 tỷ đồng, chiếm 28,8%;
- Nông, lâm, ngư nghiệp: 26,6 tỷ đồng, chiếm 19,2%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 72 tỷ đồng, chiếm 52%. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được củng cố, đặc biệt là nghề gò hàn, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ. Việc khai thác hải sản được duy trì, công tác dịch vụ và chế biến hải sản được chú trọng. Tổng sản lượng khai thác, chế biến hải sản trong năm 2018 đạt 133% kế hoạch. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư xây dựng trên địa bàn luôn được quan tâm đúng mức, trong năm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hiệu quả hệ thống đường giao thông cùng nhiều hạ tầng cơ sở được nâng cấp và xây dựng. Ngoài ra, trên địa bàn hiện đang triển khai dự án Khu du lịch sinh thái Lĩnh Nam và Khu du lịch sinh thái Bốn Mùa sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 39,9 tỷ đồng, chiếm 28,8%. Ngành dịch vụ thương mại có bước chuyển biến tích cực. Các hộ kinh doanh cá thể phát triển ổn định cả về số lượng và loại hình kinh doanh, đến nay toàn xã đã có 253 hộ kinh doanh, tăng 47 hộ so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra, ngành du lịch biển bước đầu thu hút và khai thác tốt tiềm năng của địa phương.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 26,6 tỷ đồng, chiếm 19,2%. Kế hoạch sản xuất trồng trọt, chuyển giao kỹ thuật, chăm sóc bảo vệ cây trồng và cung ứng vật tư nông nghiệp được thực hiện tốt. Cùng với đó, công tác chăm sóc, bảo vệ rừng được quan tâm; công tác phối hợp, đấu nối với Chi cục Kiểm lâm huyện được chú trọng nên việc quản lý, bảo vệ, dậm tía các diện tích rừng đã khai thác được thực hiện tốt.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 10,42 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 10,20 tỷ đồng.

4.5.2. Tình hình phát triển văn hóa xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương và các ngày kỷ niệm của đất nước với các hình thức phong phú, đa dạng tạo không khí thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh. Tổ chức thành công giải bóng đá thanh niên mở rộng hè 2018, giải bóng chuyền hơi ngày đại đoàn kết, hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Quốc khánh đã thu hút sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn xã có 03 trường trong đó trường Trung học cơ sở và trường Tiểu học nhiều năm liền giữ vững trường chuẩn Quốc gia, trường Mầm non sẽ phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2020. Phong trào thi đua dạy tốt học tốt thường xuyên được đẩy mạnh, chất lượng giáo dục được nâng lên ở các trường. Cơ sở giáo dục được quan tâm đầu tư xây dựng đáp ứng tốt cho việc dạy và học ở 03 nhà trường. Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 97%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100%, học sinh thi đỗ vào các trường Đại học là 21 em.

c) Về lĩnh vực y tế:

Xã có 01 trạm y tế với diện tích 2.791,2 m²; trạm luôn giữ vững danh hiệu đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được nâng lên. Thường xuyên phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng huyện, tổ chức hội khám, tư vấn và chữa bệnh ban đầu cho người dân trên địa bàn xã. Các chương trình phòng chống dịch bệnh theo mùa thường xuyên được quan tâm, không có dịch bệnh xảy ra. Năm 2018 trạm đã tổ chức khám và điều trị cho 3.987 lượt người, trẻ dưới 5 tuổi được tiêm phòng và uống vitamin đạt 100%.

4.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

4.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Xã đã quy hoạch mở rộng, đầu nối các tuyến đường giao thông của xã với hệ thống trục đường Quốc gia - tuyến đường Quốc lộ 1A, đường chiến lược ven biển, đường liên xã. Cùng với đó xã đã đầu tư nâng cấp, mở rộng nhiều tuyến đường tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu của người dân.

4.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 07 trạm biến áp; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 93,3%; tổng sản lượng điện phục vụ sinh hoạt năm 2018 đạt 4.430.542 kwh. Công ty Điện lực thường xuyên kiểm tra, khắc phục khó khăn, thay thế đường dây, đảm bảo việc cấp điện, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh doanh, sản xuất, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

4.6.3. Về cấp thoát nước:

Trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 94,50%, nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt là nguồn mạch nông từ các giếng đào, giếng khoan Unicef nhỏ. Các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

4.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 04 vị trí xây dựng trạm BTS với 10 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

4.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Chương trình hành động đảm bảo vệ sinh môi trường thực hiện Nghị quyết 12-NQ/ĐU của Ban chấp hành Đảng ủy, tiếp tục được quan tâm thực hiện. Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các đoàn, hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các phong trào, đợt ra quân được đông đảo tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia. Thường xuyên kiểm tra việc bảo đảm môi trường các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất và chế biến, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; đồng thời xây dựng kế hoạch làm vệ sinh môi trường các tuyến đường tự quản, thực hiện việc trồng hoa thay cỏ dại ven đường đã tạo cảnh quan và môi trường sạch đẹp trong khu dân cư. Hiện nay, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom trên địa bàn đạt 81,83%.

4.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

4.7.1. Quốc phòng:

Tình hình quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững; lực lượng dân quân, thôn đội trưởng được kiện toàn bổ sung và tổ chức huấn luyện theo chương trình quy định, chất lượng huấn luyện đạt khá. Lực lượng dự bị động viên được huy động tập trung huấn luyện đảm bảo số lượng và hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện công tác khám tuyển, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân trong các năm. Tỷ lệ nhập ngũ đạt 100%. Huy động lực lượng dân quân tham gia phòng, chống lụt bão, tham gia tích cực công tác diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2018.

4.7.2. An ninh:

Thường xuyên tăng cường bám sát cơ sở đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong những ngày cao điểm không để xảy ra vụ việc phức tạp, các vụ vi phạm pháp luật được quan tâm giải quyết, không để tồn đọng kéo dài. Đồng thời làm tốt công tác quản lý hộ tịch, tiếp dân và giải quyết đơn thư. Trong năm lực lượng Công an xã đã tăng cường tuần tra phát hiện và nhắc nhở nhiều trường hợp vi phạm an toàn giao thông trên địa bàn.

4.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

4.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Lĩnh

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Lĩnh là 21 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

4.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 24 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 16 người, trung cấp: 08 người; lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 18 người, sơ cấp: 05 người.

5. Xã Ninh Hải

5.1. Lịch sử hình thành:

Trước đây xã chỉ có hai thôn, đó là làng Mai và Văn Xá thuộc xã Hải Hòa. Tháng 6/1947, 2/3 xã Ninh Hải được sáp nhập với xã Định Hải, Hải Lĩnh đổi tên thành xã Hải Lĩnh. Năm 1954, làng Mai và Văn Xá sáp nhập với Hậu Thạch, Hậu Đại và Hào Môn Trung thuộc xã Hải Lĩnh thành xã Ninh Hải. Tháng 6 năm 1954, xã Ninh Hải được chia tách trở lại thành 03 xã giữ nguyên tên gọi Ninh Hải, Định Hải, Hải Lĩnh cho tới ngày nay.

5.2. Địa giới hành chính:

Xã Ninh Hải nằm ở phía Đông Bắc huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Hải Nhân; Nam giáp thị trấn Tĩnh Gia; Bắc giáp xã Hải Lĩnh và xã Định Hải.

5.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Ninh Hải có 6,31 km² (631,64 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 393,30 ha, chiếm tỷ lệ 62,27%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 215,51 ha, chiếm tỷ lệ 34,12%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 22,83 ha, chiếm tỷ lệ 3,61%.

5.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 6.321 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 06 thôn với các tên gọi như sau: Sơn Hải, Đại Tiến, Quang Trung, Thống Nhất, Đức Thành, Văn Sơn.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 2.616 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 755 người, chiếm 28,86%;
- Lao động phi nông nghiệp: 1.861 người, chiếm 71,14%.

5.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

5.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 112,88 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 58,03 tỷ đồng, chiếm 51,41%;

- Dịch vụ, thương mại: 37,83 tỷ đồng, chiếm 33,51%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 17,02 tỷ đồng, chiếm 15,08%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 58,03 tỷ đồng, chiếm 51,41%. Ngoài các làng chài truyền thống, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã phát triển đa dạng với các cơ sở sản xuất đá, gỗ, sửa chữa điện tử, ô tô, xe máy, gò hàn, nhôm kính, cửa nhựa đã giải quyết vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động trên địa bàn xã và tạo thu nhập ổn định cho người dân.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 37,83 tỷ đồng, chiếm 33,51%. Hoạt động dịch vụ phát triển hàng quán, hàng giải khát, đáp ứng nhu cầu cho người sản xuất và kinh doanh của người dân. Xã có 3 km bờ biển rất thuận lợi để phát triển kinh tế biển, nhất là phát triển du lịch, nghỉ dưỡng.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 17,02 tỷ đồng, chiếm 15,08%. Thời tiết thuận lợi, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp kịp thời, chủ động phòng trừ sâu bệnh. Năm 2018 giá cả trong chăn nuôi ổn định; tăng cường công tác tiêm phòng để phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Cùng với đó, công tác chăm sóc trồng dặm, trồng mới vào diện tích đã khai thác được triển khai kịp thời.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 13,39 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 12,44 tỷ đồng.

5.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì, đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân trên địa bàn sau mỗi ngày lao động. Các thôn có sân thể thao như bóng đá, bóng chuyền và các đội bóng thuyền xuyên giao lưu với nhau. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và xây dựng các làng văn hoá trong việc cưới, việc tang và lễ hội đảm bảo tiết kiệm, an toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, xã thường xuyên nâng cao chất lượng đài truyền thanh đưa tin đến nhân dân về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Công tác giáo dục trong trường học được quan tâm. Chất lượng dạy và học ở cả 03 cấp trường được nâng lên trong đó trường Mầm non Ninh Hải được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I và công nhận cơ quan văn hóa. Công tác phổ cập và xây dựng kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập được thực hiện hiệu quả. Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 100%, có 22 học sinh Trung học cơ sở đạt học sinh giỏi cấp

huyện, có 01 học sinh đạt giải Ba tỉnh môn văn hóa và có nhiều giáo viên có thành tích bồi dưỡng học sinh giỏi và nghiên cứu khoa học.

c) Về lĩnh vực y tế:

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế với diện tích 1.500 m². Năm 2018 trạm đã tổ chức khám và điều trị cho 1.135 lượt. Trạm chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh, tuyên truyền vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm trong năm 2018, không để dịch bệnh xảy ra. Công tác tiêm chủng mở rộng, chương trình dinh dưỡng cho trẻ được duy trì.

5.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

5.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn thường xuyên được duy tu bảo dưỡng với tổng số diện tích đường giao thông được cứng hóa đạt 85% cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

5.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 6 trạm biến áp; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 3.950.535 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,4%. Hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, khắc phục khó khăn tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống.

5.6.3. Về cấp thoát nước:

Trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98,78%. Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng nhà máy nước Tân Dân có công suất thiết kế 10.500 m³/ng.đ, cấp nước cho 07 xã phía Bắc huyện Tĩnh Gia trong đó có xã Ninh Hải.

5.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 04 vị trí xây dựng trạm BTS với 10 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

5.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và cương quyết xử lý đối với cá nhân hộ gia đình đổ rác thải bừa bãi làm ô nhiễm môi trường. Xã đã phát động các tổ chức chính trị và toàn thể nhân dân thu dọn và làm tốt công tác vệ sinh bờ biển, vớt bèo khơi thông dòng chảy sông, kênh, dọn vệ sinh các tuyến đường liên thông trên toàn xã. Đến nay, công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn được thực hiện tốt, tỷ lệ thu gom rác thải trên địa bàn hiện đạt 90,04%.

5.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

5.7.1. Quốc phòng:

Tăng cường công tác quốc phòng toàn dân, chủ động làm nòng cốt trong việc phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ. Tham mưu cho Đảng ủy xây dựng kế hoạch, văn kiện, phương án, tổ chức thành công diễn tập phòng thủ cấp theo kế hoạch. Rà soát thanh niên trong độ tuổi để khám tuyển sẵn sàng giao quân năm 2018 đạt 100% chỉ tiêu đề ra. Lực lượng dân quân lòng cốt đảm bảo xây dựng đúng, đủ theo hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo số lượng, chất lượng.

5.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh chính trị ổn định, Ban Công an xã đã xây dựng kế hoạch phối hợp tấn công, trấn áp tội phạm. Phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự xã và cán bộ cấp trên xây dựng kế hoạch tuần tra bảo đảm an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tuyệt đối về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; không để xảy ra đơn thư khiếu kiện vượt cấp và các tình huống bất ngờ xảy ra trên địa bàn.

5.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

5.8.1. Hội đồng nhân dân xã Ninh Hải:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Ninh Hải là 25 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

5.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 23 người.

Trình độ: Chuyên môn đại học: 18 người, trung cấp: 05 người; lý luận chính trị trung cấp: 18 người.

6. Xã Bình Minh

6.1. Lịch sử hình thành:

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử tên gọi, địa giới hành chính của vùng đất Bình Minh có rất nhiều thay đổi. Vào đầu thế kỷ XIX, giữa đời vua Gia Long vùng đất Bình Minh gồm 02 xã: xã Vân Trai thuộc tổng Vân Trai (gồm các làng Giáp Bụng, Giáp Bạ, Bùng Doanh, làng Giai, phường Hải Ngoại) và xã Khánh Miên thuộc tổng Duyên La; trước năm 1945, Bình Minh thuộc tổng Văn Trai, tổng Tuần La, phủ Tĩnh Gia. Cuối 1945, Bình Minh thuộc 02 xã Khoa Giáp và Vạn An. Đầu năm 1947, hai xã Vạn An, Khoa Giáp sáp nhập với 02 xã Cao Thắng và Vạn Thắng thành xã Nguyên Bình. Ngày 20 tháng 9 năm 1954, xã Nguyên Bình tách thành 02 xã là Nguyên Bình và Bình Minh (riêng làng Lê Vinh chuyển về xã Hải Hòa) và giữ nguyên tên gọi cho đến ngày nay.

6.2. Địa giới hành chính:

Xã Bình Minh có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông và xã Hải Thanh; Tây giáp xã Nguyên Bình và xã Xuân Lâm; Nam giáp xã Hải Bình; Bắc giáp thị trấn Tĩnh Gia.

6.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Bình Minh có 6,40 km² (640,82 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 374,18 ha, chiếm tỷ lệ 58,39%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 209,48 ha, chiếm tỷ lệ 32,69%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 57,16 ha, chiếm tỷ lệ 8,92%.

6.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 11.471 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 10 thôn với các tên gọi như sau: Đông Hải, Đông Trung, Đông Yên, Đông Tiến, Phú Minh, Yên Cầu, Quý Vinh, Hải Bạng, Thanh Khánh, Thanh Đông.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 3.059 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 787 người, chiếm 25,73%;
- Lao động phi nông nghiệp: 2.272 người, chiếm 74,27%.

6.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

6.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 188 tỷ đồng, tăng 11,5 % so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 147,70 tỷ đồng, chiếm 78,56%;
- Thương mại, dịch vụ: 23 tỷ đồng, chiếm 12,23%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 17,30 tỷ đồng, chiếm 9,21%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 147,70 tỷ đồng, chiếm 78,56%. Với lợi thế làm cụm trung tâm huyện, nằm trong quy hoạch mở rộng của Khu kinh tế Nghi Sơn đã và đang thu hút nhiều dự án đầu tư như khu du lịch nghỉ dưỡng của Tập đoàn Vingroup,... Những năm qua, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển mạnh mẽ. Các ngành nghề chính như cơ khí, xây dựng, chế biến nông sản... đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người lao động.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 23 tỷ đồng, chiếm 12,23%. Ngoài 02 doanh nghiệp đang hoạt động, các cửa hàng buôn bán, các hộ kinh doanh cá thể cũng phát triển mạnh, xã hiện có 288 cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể đã thu hút nhiều lao động của địa phương. Bên cạnh đó, Khu du lịch biển Sơn Hải và cụm di tích lịch sử cấp tỉnh Đền Khánh Trạch, chùa Thiên Vương hàng năm đã thu hút trên 15.000 lượt khách đến tham quan du lịch.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 17,30 tỷ đồng, chiếm 9,21%. Xã luôn có kế hoạch, phương án xây dựng cho các vụ sản xuất trong năm, nắm bắt tình hình chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng cho thích hợp và đạt kết quả cao.

Năm 2018 tổng thu ngân sách toàn xã đạt 14,40 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 14,40 tỷ đồng.

6.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Các hoạt động thể dục, thể thao chào mừng các ngày Lễ, Tết trong năm được duy trì thường xuyên, tạo sân chơi tinh thần bổ ích thu hút được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia như giải bóng đá, kéo co truyền thống, cầu lông,... Cùng với đó, xã đã kiện toàn Ban chỉ đạo "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" để chuẩn bị các nội dung họp bình xét gia đình văn hóa.

Hệ thống truyền thanh của xã đã được đầu tư nâng cấp, thay mới nhờ đó chất lượng trong công tác thông tin, tuyên truyền được nâng lên.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học đảm bảo theo quy định đáp ứng được yêu cầu chất lượng theo chương trình. Trường Mầm non Bình Minh 100% cán bộ giáo viên đạt chuẩn; 100% nhóm lớp thực hiện chương trình Mầm non mới. Trường Tiểu học Bình Minh đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn I năm 2014, cơ quan đạt chuẩn văn hoá cấp tỉnh, trường có đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn. Trường Trung học cơ sở Bình Minh đạt chuẩn Quốc gia năm 2012 và tiếp tục giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn I, là cơ quan nhiều năm liền đạt danh hiệu tiên tiến.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích là 1.500 m², đạt chuẩn Quốc gia về y tế giai đoạn I năm 2014 và qua kiểm tra, đánh giá công nhận xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế giai đoạn II năm 2017. Công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân luôn được quan tâm, thực hiện đầy đủ các chương trình y tế Quốc gia. Công tác phòng, chống dịch bệnh được chú trọng, định kỳ triển khai chỉ đạo làm vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm,... Năm 2018 không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

6.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

6.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, tổng số chiều dài đường giao thông được bê tông hóa, nhựa hóa 20,65 km. Xã nằm gần đường Quốc lộ 1A với các đường trục chính kết nối trực tiếp với Quốc lộ 1A cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

6.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 08 trạm biến áp với tổng công suất 1.700 Kw tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 5.054.818 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%.

6.6.3. Về cấp thoát nước:

Hiện tại, nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch Long Hải tại hồ Hao Hao công suất đạt khoảng 3.500 m³/ng.đ, cung cấp nước cho xã Bình Minh và các xã lân cận. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98,49%. Các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

6.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính; 03 vị trí xây dựng trạm BTS với 8 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

6.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các ngành đoàn thể, chỉ đạo các thôn thường xuyên tổ chức ra quân phát quang hành lang an toàn giao thông, làm vệ sinh môi trường ngày 23 hàng tháng. Thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, quy chế thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn xã giai đoạn 2018 - 2020. Tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 91,16%.

6.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

6.7.1. Quốc phòng:

Lực lượng quân sự xã đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trên lĩnh vực quân sự địa phương. Thực hiện đầy đủ các nội dung chương trình, giáo án và nhiệm vụ cấp trên giao. Chủ động xây dựng kế hoạch trực sẵn sàng bảo vệ các ngày Lễ, Tết; phối hợp với lực lượng công an xã giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn. Hoàn thành chỉ tiêu, sơ khám tuyển nghĩa vụ quân sự trong năm 2018 theo đúng kế hoạch.

6.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong năm 2018 cơ bản ổn định và được giữ vững. Lực lượng công an đã xây dựng phương án, kế hoạch chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn. Duy trì hoạt động của các tổ bảo vệ an ninh trật tự, tổ an ninh xã hội, không để trọng án xảy ra trên địa bàn xã.

6.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

6.8.1. Hội đồng nhân dân xã Bình Minh:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Bình Minh là 25 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

6.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 23 người.

Trình độ:Chuyên môn:đại học: 19 người, trung cấp: 03 người; lý luận chính trịtrung cấp: 13 người.

7. Xã Hải Thanh

7.1. Lịch sử hình thành:

Xã Hải Thanh xưa thuộc tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Năm Duy Tân thứ 2 (1908) từ cấp phủ chuyển thành huyện, huyện trực thuộc tỉnh, huyện Ngọc Sơn đổi thành Tĩnh Gia, tổng Duyên La đổi thành Tuần La, xã Hải Thanh thuộc tổng Tuần La, huyện Tĩnh Gia.

7.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Thanh có địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Bình Minh; Nam giáp xã Hải Bình và Biển Đông; Bắc giáp xã Bình Minh.

7.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Thanh có 2,76 km² (276,54 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 77,37 ha, chiếm tỷ lệ 27,97%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 161,61 ha, chiếm tỷ lệ 58,44%;
- Diện tích đất chưa sử dụng:37,56 ha, chiếm tỷ lệ 13,59%.

7.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 19.440 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 07 thôn với các tên gọi như sau: Thượng Hải, Quang Minh, Xuân Tiến, Thanh Xuyên, Thanh Đông, Thanh Đình, Thanh Nam.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 8.379 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 448 người, chiếm 5,35%.
- Lao động phi nông nghiệp: 7.931 người, chiếm 94,65%.

7.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

7.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 đạt 582 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 255 tỷ đồng, chiếm 43,81%;
- Dịch vụ, thương mại: 327 tỷ đồng, chiếm 56,19%;

Công nghiệp, TTCN, xây dựng: giá trị sản năm 2018 đạt 255 tỷ đồng, chiếm 43,81%. Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã thường xuyên được địa phương khuyến khích phát triển. Nhân dân và các cơ sở sản xuất công nghiệp - xây dựng luôn chú trọng đầu tư nâng cấp các trang thiết bị khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại áp dụng vào sản xuất và xây dựng, từng bước tăng năng suất, giảm chi phí lao động, đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh, có thu nhập cao và khảng định trên thị trường.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 327 tỷ đồng, chiếm 56,19%. Các hoạt động dịch vụ thương mại trên địa bàn xã cơ bản diễn biến ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Xã có 58 công ty, cơ sở doanh nghiệp kinh doanh trên các lĩnh vực dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến hải sản, thương mại tổng hợp,... Thương hiệu nước mắm Du Xuyên - Ba Làng tiếp tục được khẳng định trên thị trường trong nước.

Năm 2018 tổng thu ngân sách toàn xã đạt 24,58 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 21,53 tỷ đồng.

7.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong nhân dân như bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông được duy trì thường xuyên và diễn ra sôi động trong toàn xã. Cùng với đó, hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện và của địa phương. Các hoạt động tuyên truyền được tổ chức thường xuyên thông qua các hội nghị, trên hệ thống loa truyền thanh của xã và của thôn, viết bảng tin, làm khẩu hiệu.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn xã có 04 trường (gồm: 01 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học và 01 trường Trung học cơ sở) cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Chất lượng giáo dục có nhiều đổi mới, nề nếp dạy học được củng cố. Năm học 2017 - 2018 đạt được nhiều kết quả cao; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%, tỷ lệ học sinh Trung học cơ sở tốt nghiệp đạt 98,2%. Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng nhiệm vụ dạy và học.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích 1.050 m² đáp ứng cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Ngành y tế đã từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tổng số khám chữa bệnh là 4.614 lượt. Đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên trạm y tế xã đã làm tốt công tác tham mưu trong việc tổ chức làm thủy vực, phun hóa chất phòng, chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn cũng như xây dựng Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Trạm đã triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình.

7.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

7.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Xã có các đường trục chính chạy dọc theo bờ biển tạo thuận lợi phát triển ngành du lịch. Diện tích đường giao thông được cứng hóa là 12,41 km. Hệ thống giao thông trên địa bàn cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông của người dân và thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

7.6.2. Về điện:

Hiện nay, nguồn điện cung cấp cho các hộ dân, doanh nghiệp cơ bản được đảm bảo và thường xuyên ổn định, đáp ứng với nhu cầu sử dụng điện

của nhân dân, doanh nghiệp trong xã. Tổng số trạm biến áp trên địa bàn xã là 26 trạm, trong đó có 16 trạm của các doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Năm 2018, tổng sản lượng điện phục vụ cho sinh hoạt là 12.454.260 Kwh; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 93,8%.

7.6.3. Về cấp thoát nước:

Hiện tại nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch Long Hải tại hồ Hao Hao cung cấp nước cho khu vực Cảng cá Lạch Bạng, một số doanh nghiệp và các xã phụ cận trong đó có xã Hải Thanh. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 92,51%. Hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

7.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 08 vị trí xây dựng trạm BTS với 18 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

7.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Thường xuyên chỉ đạo, giải quyết, kiểm tra và xử lý các điểm công cộng, các điểm gây mất vệ sinh môi trường. Chiến dịch tổng vệ sinh môi trường, làm thủy vực, phun hoá chất phòng chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả. Hàng tháng vào ngày 20 đều phát động ra quân làm vệ sinh công cộng toàn xã và bãi biển, đồng thời đã huy động ủng hộ 20 thùng rác đặt tại khu công cộng ở các thôn. Công tác thu gom, vận chuyển rác thải cơ bản được Công ty Xuân Thành Công duy trì thực hiện, tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn đạt 87,07%.

7.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

7.7.1. Quốc phòng:

Tình hình quốc phòng trên địa bàn xã được giữ vững, thực hiện tốt công tác huấn luyện dân quân, quân dự bị động viên hàng năm đạt kết quả cao. Chủ động làm tốt công tác khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2019 tại xã và khám tuyển tại huyện; sẵn sàng giao quân vào đầu năm 2019, đảm bảo đủ chỉ tiêu, chất lượng theo yêu cầu được giao. Tỷ lệ nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu hàng năm.

7.7.2. An ninh:

Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm đạt kết quả tích cực. Tích cực vận động nhân dân chấp hành nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về cấm sử dụng, buôn bán, tàng trữ vũ khí vật liệu nổ trái phép, đảm bảo an ninh trật tự. Xây dựng cơ sở an toàn làm chủ, nắm chắc tình hình làm tốt công tác tham mưu, báo cáo, hạn chế tối đa các vụ việc phức tạp, không để điểm nóng xảy ra. Kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông và triển khai mô hình bến đò an toàn trên sông Lạch Bạng được thực hiện tốt.

7.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

7.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Thanh:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Thanh là 31 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

7.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 24 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 20 người, trung cấp: 04 người; lý luận chính trị: trung cấp: 15 người, sơ cấp: 01 người.

8. Xã Xuân Lâm

8.1. Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Xuân Lâm thuộc thôn Đại Thủy, huyện Ngọc Sơn, tổng Tuần La. Từ năm 1945 - 1954 thôn Đại Thủy được gọi là xã Trúc Lâm gồm làng Giảng Tín, Lan Trà, Hứa Lộc, Đại Thủy (Trúc Lâm); làng Dụ Quần, Sa Thôn, Vạn Xuân (thuộc Xuân Lâm). Năm 1955 cải cách ruộng đất, xã Trúc Lâm được tách ra thành 02 xã Xuân Lâm (gồm làng Dừa, còn gọi làng Dụ Quần, làng Se còn gọi làng Sa Thôn, làng Vành còn gọi là Vạn Xuân) và xã Trúc Lâm (Giảng Tín, Lan Trà, Hứa Lộc, Đại Thủy), Xuân Lâm chính thức thành lập từ đó cho đến ngày nay.

8.2. Địa giới hành chính:

Xã Xuân Lâm, có địa giới hành chính như sau: Đông giáp xã Bình Minh và xã Hải Bình; Tây giáp xã Nguyên Bình; Nam giáp xã Trúc Lâm; Bắc giáp xã Nguyên Bình.

8.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Xuân Lâm có 9,60 km² (960,15 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 559,66 ha, chiếm tỷ lệ 58,29%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 398,14 ha, chiếm tỷ lệ 41,47%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 2,35 ha, chiếm tỷ lệ 0,24%.

8.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 10.799 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 10 thôn với các tên gọi như sau: Dụ Quần 1, Dụ Quần 2, Dụ Quần 3, Sa Thôn 4, Sa Thôn 5, Sa Thôn 6, Vạn Xuân 7, Vạn Xuân 8, Vạn Xuân 9, Thôn Thành.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 3.552 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 774 người, chiếm 21,79%;
- Lao động phi nông nghiệp: 2.778 người, chiếm 78,21%.

8.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

8.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 216,66 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 88,83 tỷ đồng, chiếm 40,1%;
- Thương mại, dịch vụ: 84,50 tỷ đồng, chiếm 39%;
- Nông - lâm - ngư nghiệp: 43,33 tỷ đồng, chiếm 20,9%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 88,83 tỷ đồng, chiếm 40,1%. Phát triển tiểu thủ công nghiệp - xây dựng có nhiều chuyển biến tích cực, đến nay toàn xã có 30 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực khác nhau đã thu hút nhiều lao động đến làm việc, góp phần giải quyết vấn đề việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, xã còn phát triển một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như mộc, nề, cơ khí, thủ công và thương mại dịch vụ ở Khu thị tứ Xuân Lâm, dọc theo trục đường Quốc lộ 1A trục đường Quốc lộ 2B.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 84,50 tỷ đồng, chiếm 39%. Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục được duy trì phát triển; chất lượng, số lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường đa dạng, phong phú; số hộ hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng tăng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chống hàng giả, hàng lậu và gian lận thương mại, tăng cường công tác quản lý thị trường và quản lý giá.

Nông nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 43,33 tỷ đồng, chiếm 20,9%. Xã đã quan tâm chú trọng phát triển đàn trâu, bò lai tăng tỷ lệ xuất chuồng. Cùng với đó, công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm đúng mức và chỉ đạo chặt chẽ hơn. Trong năm 2018, xã tiếp tục duy trì 60 ha diện tích nuôi trồng thủy sản và nhiều hộ dân nuôi trồng theo hình thức công nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Năm 2018 tổng thu ngân sách toàn xã đạt 7,20 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 7,14 tỷ đồng.

8.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Công tác văn hóa thông tin, thể dục thể thao có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào "Chung tay xây dựng nông thôn mới". Nhân dịp các ngày Lễ, Tết các thôn thường xuyên tổ chức các giải đấu giao lưu nhằm nâng cao đời sống tinh thần và phong trào vui chơi giải trí sau mỗi ngày lao động. Bên cạnh đó, địa phương đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức thành công cuộc thi "Phụ nữ với vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm".

b) Về giáo dục - đào tạo:

Công tác giáo dục đào tạo được Đảng và chính quyền quan tâm đúng mức; chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên và có nhiều đổi mới.

Công tác dạy và học năm học 2017 - 2018 đạt được kết quả như sau: trường Mầm non có 299 bé giỏi, bé ngoan; trường Tiểu học có 20 học sinh giỏi cấp huyện, tỷ lệ hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 97%; trường Trung học cơ sở có 03 học sinh giỏi cấp tỉnh, 24 học sinh giỏi cấp huyện, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 98,6%. Tháng 11/2018; Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định công nhận trường Mầm non Xuân Lâm đạt chuẩn Quốc gia.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế với tổng diện tích 1.030 m², trạm tiếp tục giữ vững đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Công tác y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực; cán bộ, nhân viên y, bác sỹ làm việc có tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân chuyên nghiệp hơn; công tác quản lý điều hành của cán bộ trạm có đổi mới, duy trì trực 24/24. Xây dựng được các kế hoạch, phương án phòng, chống dịch bệnh; công tác tiêm phòng được quan tâm và đạt kết quả khá cao.

8.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

8.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, tổng số chiều dài đường giao thông được bê tông hóa, nhựa hóa 32 km. Xã có đường trục chính: tuyến Quốc lộ 1A, đường Sao Vàng - Nghi Sơn, đường Bắc Nam 2, đường Đông Tây 1 kéo dài, đường Đông Tây 1, đường liên xã, đường liên thôn và các tuyến nội bộ trong thôn cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, có đường Quốc lộ 2B nối từ ven biển Hải Bình qua xã Xuân Lâm lên đường Hồ Chí Minh tạo thành khu thị tứ phát triển.

8.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 07 trạm biến áp; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 5.546.576 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100% tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống.

8.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy nước Nguyên Bình tại xã Nguyên Bình công suất 5.000 m³/ng.đ, cung cấp nước chủ yếu cho thị trấn Tĩnh Gia và một số xã phụ cận trong đó có xã Xuân Lâm. Hiện trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp sạch, hợp vệ sinh đạt 97,13%. Bên cạnh đó, Xuân Lâm là xã bán sơn địa, xã có hai nhánh sông Bạng chảy qua nên việc thoát nước trong mùa mưa lũ là thuận lợi.

8.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 07 vị trí xây dựng trạm BTS với 17 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng

công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

8.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên được đẩy mạnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thu gom rác thải bảo vệ môi trường trong xã. Thường xuyên phát động, tuyên truyền các cơ quan, đoàn thể, người dân trên địa bàn dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, thu gom rác thải đúng nơi quy định, vận chuyển rác thải về bãi rác tập chung. Tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 87,44%.

8.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

8.7.1. Quốc phòng:

Tình hình quốc phòng trên địa bàn xã luôn được ổn định và giữ vững. Công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Năm 2018 đã giao quân đạt 100%, đảm bảo chỉ tiêu của huyện giao. Duy trì thường xuyên bảo đảm số lượng, chất lượng dân quân trong độ tuổi. Tổ chức thành công việc diễn tập khu vực phòng thủ xã năm 2018 và xây dựng lực lượng dân quân cơ động vững mạnh, đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới.

8.7.2. An ninh:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước về công tác an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chỉ đạo hoạt động các tổ và Ban Công an xã đảm bảo ổn định an ninh trật tự trong toàn xã. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các tụ điểm, tích cực điều tra giải quyết các vụ trộm cắp, đánh nhau gây thương tích, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, không có vụ việc lớn xảy ra.

8.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

8.8.1. Hội đồng nhân dân xã Xuân Lâm

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Xuân Lâm là 24 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

8.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 20 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 14 người, trung cấp: 06 người; lý luận chính trị: trung cấp: 13 người, sơ cấp: 01 người.

9. Xã Trúc Lâm

9.1. Lịch sử hình thành:

Trúc Lâm là tên gọi từ năm 1945 đến nay. Trước đó thuộc thôn Dự Quần và hợp nhất với thôn Đại Thủy (nay là xã Xuân Lâm) thành xã Duyên La Thái. Năm 1946, Ủy ban kháng chiến hành chính ra mắt. Ba xã Trà Lâm,

xã Trúc Lâm, xã Xuân Lâm gộp lại thành xã lớn gọi là xã Xuân Lâm. Tháng 5/1954, xã Trúc Lâm thành lập trên cơ sở tách xã Xuân Lâm lớn thành hai xã Trúc Lâm và Xuân Lâm. Khi đó, xã Trúc Lâm gồm các thôn Phù Cư, Lan Trà, Đại Thủy, Hữu Lạc, Giảng Tín. Năm 1963, phong trào phát động đi khai hoang xây dựng kinh tế, xã Trúc Lâm tiếp nhận xóm: Đại Đồng (thuộc xã Phú Lâm ngày nay) và một số hộ ở xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Hải Hoà. Năm 1979, xã Trúc Lâm tách các hộ ở xã Hải Lĩnh, Hải Hoà về, thành lập xã mới là xã Phú Lâm hiện nay.

9.2. Địa giới hành chính:

Xã Trúc Lâm có địa giới hành chính như sau: Đông giáp xã Hải Bình và xã Tĩnh Hải; Tây giáp xã Phú Lâm và xã Tùng Lâm; Nam giáp xã Mai Lâm; Bắc giáp xã Xuân Lâm và Nguyên Bình.

9.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Trúc Lâm có 15,52 km² (1.552,17 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 1.208,30 ha, chiếm tỷ lệ 77,85%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 333,42 ha, chiếm tỷ lệ 21,48%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 10,45 ha, chiếm tỷ lệ 0,67%.

9.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 11.125 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 05 thôn với các tên gọi như sau: Đại Thủy, Hữu Lạc, Giảng Tín, Lan Trà, Sơn Trà.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 2.621 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 720 người, chiếm 27,47%;
- Lao động phi nông nghiệp: 1.901 người, chiếm 72,53%.

9.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

9.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 128,48 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 69,55 tỷ đồng, chiếm 54,14%;
- Thương mại, dịch vụ: 25,20 tỷ đồng, chiếm 19,61%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 33,73 tỷ đồng, chiếm 26,25%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 69,55 tỷ đồng, chiếm 54,14%. Với lợi thế một trong 12 xã nằm trong khu kinh tế Nghi Sơn, việc tiếp cận với tiến bộ khoa học công nghệ mới góp phần thúc đẩy kinh tế của xã ngày càng phát triển, đặc biệt là tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại. Hiện toàn xã có trên 500 hộ tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải đã tạo việc làm cho trên 1.498 lao động, tăng 7,93% so với cùng kỳ năm 2017.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 25,20 tỷ đồng, chiếm 19,61%. Xã có 1 chợ với diện tích 1.600 m², một số hộ kinh doanh cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn. Toàn xã có 114 hộ làm kinh doanh thương mại, đã góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp và thiếu việc làm trên địa bàn xã.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 33,73 tỷ đồng, chiếm 26,25%. Chăn nuôi trên địa bàn ổn định và phát triển với tổng số 3.503 con gia súc và 32.700 con gia cầm. Tổng sản lượng từ nuôi trồng thủy sản đạt 19,5 tấn, đạt 105,98% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, công tác chăm sóc, bảo vệ rừng được quan tâm, công tác phối hợp, đấu mối với Chi cục Kiểm lâm huyện được chú trọng nên việc quản lý, bảo vệ các diện tích rừng đã khai thác được thực hiện tốt.

Năm 2018 tổng thu ngân sách toàn xã đạt 14,77 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 9,47 tỷ đồng.

9.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân xã luôn chú trọng quan tâm duy trì và phát triển các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng, tạo sân chơi tinh thần lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống văn hóa trên địa bàn dân cư. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, vào các ngày Lễ, ngày Tết, ngày kỷ niệm, sự kiện lớn xã đều tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và tổ chức chằm, trao giải với quy mô chặt chẽ, trang trọng và tiết kiệm để khích lệ người dân tham gia.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Hoạt động giáo dục được quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Trên địa bàn xã hiện có 03 trường, gồm: trường Mầm non Trúc Lâm, trường Tiểu học Trúc Lâm, trường Trung học cơ sở Trúc Lâm. Trong những năm vừa qua việc dạy và học ở 03 trường luôn giữ vững nề nếp, sĩ số học sinh, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy và học. Các phong trào: Thi đua dạy tốt - học tốt, khuyến học, khuyến dạy được duy trì thường xuyên, cảnh quan môi trường sạch đẹp, luôn nhận được hưởng ứng tích cực trong các trường.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế với tổng diện tích là 801 m². Chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân ngày càng được nâng cao. Thường xuyên phối hợp với trung tâm y tế dự phòng huyện, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức khám và chữa bệnh cho nhân dân. Công tác tiêm phòng và khám chữa bệnh được thực hiện có hiệu quả. Các chương trình phòng chống dịch bệnh theo mùa thường xuyên được quan tâm. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn xã.

9.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

9.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, tổng số diện tích đường giao thông được bê tông hóa, nhựa hóa 76,200 m² cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

9.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 08 trạm biến áp; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 5.599.298 Kwh, tỷ lệ đường giao thông chính được chiếu sáng là 92,54%, tạo điều kiện thuận lợi nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

9.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy nước Nguyên Bình tại xã Nguyên Bình công suất 5.000 m³/ng.đ, cung cấp nước chủ yếu cho thị trấn Tĩnh Gia và các xã phụ cận trong đó có xã Trúc Lâm. Hiện tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 96,51%. Các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

9.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 05 vị trí xây dựng trạm BTS với 12 trạm của các doanh nghiệp Viettel, Mobifone, Gtel; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

9.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường; thực hiện tốt công tác thu gom và tập kết rác thải đúng nơi quy định. Đồng thời, vận động, tuyên truyền các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất và chế biến, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 85,30%.

9.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

9.7.1. Quốc phòng:

Chủ động xây dựng hệ thống các văn bản, kế hoạch quân sự, kế hoạch chính trị, kế hoạch phòng thủ lâu dài. Tổ chức giao quân năm 2018 đảm bảo chỉ tiêu; thường xuyên rà soát, bố trí lực lượng quân sự tại chỗ đảm bảo quy định; làm tốt công tác quản lý lực lượng quân dự bị động viên. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn trong các dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị lớn của đất nước.

9.7.2. An ninh:

Công tác đảm bảo an ninh chính trị, bảo vệ chính trị nội bộ, phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông; quản lý nhà nước về an ninh trật tự được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình, chủ động xây dựng phương án, thường xuyên bố trí lực lượng tuần tra, bảo vệ an toàn tuyệt đối; xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn, không để phát sinh tình huống phức tạp.

9.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

9.8.1. Hội đồng nhân dân xã Trúc Lâm

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Trúc Lâm là 24 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

9.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 19 người.

Trình độ: Chuyên môn: thạc sỹ: 01 người, đại học: 11 người, trung cấp: 07 người; lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 10 người, sơ cấp: 08.

10. Xã Hải Bình

10.1. Lịch sử hình thành:

Xã Hải Bình ngày nay gồm xã Du Độ và thôn Như Áng, tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia. Năm Duy Tân thứ 2 (1908) tổng Duyên La đổi tên thành tổng Tuần La. Năm 1946, lấy tên là Trấn Hải, gồm 04 làng: Du Độ, Khả La, Bộ Đầu, Như Áng. Tháng 7 năm 1947, sáp nhập với Tĩnh Hải, lấy tên Hải Bình. Tháng 5 năm 1954, Hải Bình chia thành hai xã Hải Bình và Tĩnh Hải. Hải Bình là tên cuối cùng của xã cho tới hiện nay. Quần đảo Mê được thành lập ngày 26/3/1965 và quyết định giao cho xã Hải Bình quản lý ngày 29/6/1995.

10.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Bình nằm ở phía Đông Nam của huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Xuân Lâm và xã Trúc Lâm; Nam giáp xã Tĩnh Hải; Bắc giáp xã Bình Minh và xã Hải Thanh.

10.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Bình có 9,54 km² (954,26 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 57,73 ha, chiếm tỷ lệ 6,05%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 876,35 ha, chiếm tỷ lệ 91,84%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 20,18 ha, chiếm tỷ lệ 2,11%.

10.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 14.774 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 08 thôn với các tên gọi như sau: Liên Đình, Liên Hưng, Liên Thịnh, Nam Hải, Tiền Phong, Tân Hải, Tân Vinh, Đoàn Hùng.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 6.117 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 557 người, chiếm 9,11%;
- Lao động phi nông nghiệp: 5.560 người, chiếm 90,89%.

10.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

10.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 363,04 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 192,95 tỷ đồng, chiếm 53,15%;
- Thương mại, dịch vụ: 161,66 tỷ đồng, chiếm 44,53%;
- Nông, lâm, ngư nghiệp: 8,43 tỷ đồng, chiếm 2,32%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 192,95 tỷ đồng, chiếm 53,15%. Trong những năm qua, xã đã thực hiện nhiều chủ trương nhằm phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng trên địa bàn. Năm 2018, sản lượng khai thác hải sản đạt 4.143 tấn, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài các nghề truyền thống như làng chài, làm muối... được duy trì, còn có thêm nhiều doanh nghiệp đang hình thành và phát triển đã thu hút nhiều lao động tham gia, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 161,66 tỷ đồng, chiếm 44,53%. Ngành dịch vụ, thương mại trên địa bàn phát triển mạnh và đa dạng với các dịch vụ vận tải, hàng tạp hoá, buôn bán lớn nhỏ các sản phẩm nông sản, lương thực và hải sản. Hiện trên địa bàn xã có 02 chợ và 01 cảng cá, cùng với 115 hộ kinh doanh các mặt hàng phong phú. Giá cả thị trường ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đời sống của nhân dân cũng như phát triển kinh tế.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 8,43 tỷ đồng, chiếm 2,32%. Việc lựa chọn sử dụng giống năng suất cao, áp dụng kỹ thuật gieo trồng đảm bảo khoa học phù hợp với thực tiễn đã cho năng suất cao và vượt kế hoạch đề ra. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh chuồng trại được thực hiện đúng định kỳ, không có dịch bệnh xảy ra.

Năm 2018 tổng thu ngân sách toàn xã đạt 14,34 tỷ đồng, chi ngân sách toàn xã đạt 10,43 tỷ đồng.

10.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Trong các năm qua, phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao luôn được Đảng chính quyền quan tâm tạo điều kiện phát triển. Trên địa bàn xã hiện có nhiều sân luyện tập như sân bóng đá, sân bóng chuyền,... đã thu hút đông đảo người dân tham gia. Bên cạnh đó, Đài truyền thanh xã thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền các văn bản của nhà nước, địa phương và các bản tin về an ninh - trật tự trên địa bàn đến người dân đạt kết quả cao.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Các trường trên địa bàn làm tốt công tác thi đua dạy và học. Hoạt động giáo dục được quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên. Trong năm học 2017 - 2018, kết quả đạt được như sau: trường Mầm non có 5 bé

đạt bé khỏe, bé ngoan cấp huyện; trường Tiểu học có 01 học sinh giỏi cấp tỉnh và 25 học sinh giỏi cấp huyện; trường Trung học cơ sở có 01 học sinh giỏi cấp tỉnh, 50 học sinh giỏi cấp huyện. Đồng thời, các trường thường xuyên nâng cấp và sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo công tác dạy và học.

c) Về lĩnh vực y tế:

Xã có 01 trạm y tế đã được công nhận chuẩn Quốc gia về y tế với diện tích trạm y tế là 550 m². Công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân được chú trọng. Tổ chức cho trẻ uống vitamin A và uống thuốc tẩy giun đạt 98% kế hoạch. Trạm y tế thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tổ chức ra quân tuyên truyền, thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường và phòng chống các dịch bệnh, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

10.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

10.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ với các tuyến đường liên xã: Đông Tây 1, Bắc Nam 3 và phần lớn các tuyến đường liên thôn với tỷ lệ cứng hóa đạt 100%, phục vụ tích cực đời sống nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế.

10.6.2. Về điện:

Toàn xã có 11 trạm biến áp, với tổng công suất 2.200 kVA, hệ thống đường dây được xây dựng kéo dài đến từng thôn, xóm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Năm 2018, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 11.560.356 Kwh, tỷ lệ đường giao thông chính được chiếu sáng là 100%.

10.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch Long Hải tại hồ Hao Hao công suất đạt khoảng 3.500 m³/ng.đ, cung cấp nước cho khu vực cảng cá Lạch Bạng và các xã phụ cận trong đó có xã Hải Bình. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 93,99%. Các hộ gia đình đã có hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

10.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 10 vị trí xây dựng trạm BTS với 24 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

10.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác thu gom rác thải trên địa bàn xã theo Phương án của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn đã đi vào hoạt động cơ bản ổn định, không để rác ứ đọng lâu ngày trong nhân dân. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, đổ rác thải đúng nơi

quy định. Phối hợp với các đoàn kiểm tra của huyện kiểm tra một số cơ sở chế biến hải sản. Tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 87,69%.

10.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

10.7.1. Quốc phòng:

Công tác quân sự - quốc phòng thường xuyên được củng cố. Hàng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện hoàn thành chỉ tiêu giao. Tham mưu cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã xây dựng kế hoạch đăng ký nghĩa vụ quân sự, tổ chức kiện toàn lực lượng dân quân nòng cốt. Tiếp tục thực hiện chính sách hậu phương quân đội; hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ.

10.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định và được giữ vững. Thường xuyên ra quân giải tỏa hành lang an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương và ra mắt mô hình thôn Liên Hưng đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới, mô hình bền đồ an toàn, bảo vệ tốt trong các ngày Lễ, Tết. Lực lượng công an thường xuyên tuần tra bảo vệ địa bàn, nhất là các địa bàn trọng điểm như: cảng cá, đê biển, chợ cá Liên Hưng, địa bàn 08 thôn.

10.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

10.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Bình

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Bình là 31 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

10.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 22 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 21 người, trung cấp: 01 người; lý luận chính trị: trung cấp: 12 người, sơ cấp: 01 người.

11. Xã Hải Thượng

11.1. Lịch sử hình thành:

Ban đầu, Hải Thượng có 03 thôn là Thượng Liên, Nghi Sơn và Hà Nắm. Do dân cư đông nên Hải Thượng chia thành ba xã lấy tên là xã Nghi Sơn, xã Hải Hà và xã Hải Thượng (cũ). Hải Thượng lúc đó chỉ có 04 làng: Làng Cao, Hoa Lư, Ngọc Sơn và Liên Sơn. Trước khi lập làng gọi làng Trung (gồm làng Thượng trước kia và làng Trung). Làng Thượng được sáp nhập làng Thượng Trung xưa (nay là xã Hải Thượng). Vào đầu năm 1810 - 1812, thời kỳ Gia Long có các tên nôm là thôn Thượng, thôn Trung, thôn Hà Nắm Bộ Đầu thuộc xã Lập Hoà, tổng Tuần La. Sau năm 1945, làng Trung và làng Thượng đổi tên và sáp nhập thành xã Hải Thượng.

11.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Thượng nằm ở Đông Nam của huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp xã Nghi Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nam giáp xã Hải Hà; Bắc giáp xã Hải Yến và xã Tĩnh Hải.

11.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Thượng có 24,21 km² (2.421,09 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 1.475,76 ha, chiếm tỷ lệ 60,95%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 920,12 ha, chiếm tỷ lệ 38,01%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 25,21 ha, chiếm tỷ lệ 1,04%.

11.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 14.394 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 09 thôn với các tên gọi như sau: Liên Sơn, Liên Đình, Liên Trung, Bắc Hải, Liên Hải, Cao Bắc, Cao Nam, Ngọc Sơn, Nam Hải.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 4.664 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.304 người, chiếm 27,96%;
- Lao động phi nông nghiệp: 3.360 người, chiếm 72,04%.

11.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

11.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 190 tỷ đồng tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 65 tỷ đồng, chiếm 34,21%;
- Thương mại, dịch vụ: 70 tỷ đồng, chiếm 36,84%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 55 tỷ đồng, chiếm 28,95%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 65 tỷ đồng, chiếm 34,21%; cùng với Khu kinh tế Nghi Sơn đã tạo điều kiện cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, nhiều hộ sản xuất cá thể góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động. Ngoài ra, trên địa bàn còn có các làng chài lâu đời như làng Thượng, làng Trung với nghề lưới rừng truyền thống. Năm 2018, tổng sản lượng khai thác và đánh bắt thủy sản đạt 128,5 tấn.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 70 tỷ đồng, chiếm 36,84%. Hoạt động dịch vụ, thương mại có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng hóa đa dạng, nhiều công ty dịch vụ, nhà nghỉ, nhà trọ, quán ăn đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng và phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn cũng như các dự án đang thi công. Trong năm 2018 xã đã thành lập mới được 22 doanh nghiệp, đạt 183% so với cùng kỳ năm 2017 tạo nhiều việc làm mới cho người lao động.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 55 tỷ đồng, chiếm 28,95%. Công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được UBND xã triển khai chỉ đạo kịp thời cho các thôn nên trong năm 2018 không có dịch bệnh xảy ra. Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 đạt 15,2 ha với tổng sản lượng lúa đạt 1,08 tấn/ha. Ngoài ra, Ban chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy rừng đã triển khai đồng bộ cho các thôn tích cực sẵn sàng ứng phó với hỏa hoạn.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 7,22 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 7,16 tỷ đồng.

11.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong nhân dân được đổi mới kịp thời, đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Thường xuyên tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân và tuyên truyền các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả thiết thực. Cùng với đó, trong năm 2018 thôn Liên Trung và thôn Bắc Hải tổ chức đón nhận danh hiệu thôn văn hóa cấp huyện.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Chất lượng dạy và học ngày một nâng cao, nhiều học sinh, giáo viên giỏi đạt giải tỉnh và huyện; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp và lên lớp cao hơn so với các năm trước. Tổng số học sinh thi đỗ vào trường đại học trong năm 2018 là 33 học sinh. Cùng với đó, cơ sở vật chất tại các nhà trường được xây dựng, sửa chữa khang trang góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học. Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích là 1.500 m². Hoạt động chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được quan tâm; công tác phòng, chống vệ sinh an toàn thực phẩm được chỉ đạo tích cực. Trong năm 2018 trạm đã tổ chức chiến dịch tiêm vắc xin phòng bệnh như lao phổi, bạch hầu, thủy đậu, sởi,... không có dịch bệnh xảy ra. Tập trung công tác tuyên truyền phòng chống sốt xuất huyết và Zika và tổ chức kiểm tra nhà hàng, quán ăn trên địa bàn về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

11.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

11.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn như sau: tuyến đường Tỉnh lộ 513 nối Quốc lộ 1A đi cảng nước sâu Nghi Sơn, đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường trong thôn đã được bê tông hóa, phục vụ tích cực đời sống nhân dân trong việc lưu thông hàng hóa, các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế.

11.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 09 trạm biến áp; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 94,94%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 7.654.169 Kwh, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống.

11.6.3. Về cấp thoát nước:

Hiện nay, Công ty nước sạch Bình Minh đã cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân trên địa bàn. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định bằng 93,76%. Các hộ dân trong xã đều có nhà vệ sinh, nhà tắm, có hệ thống tiêu thoát nước thải, chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường, không khí và nguồn nước xung quanh.

11.6.4. Về viễn thông:

Xã có 01 bưu cục cấp 3 phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 11 vị trí xây dựng trạm BTS với 26 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone, Gtel; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

11.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các đoàn, hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các phong trào, đợt ra quân như: dòng sông, kênh mương không rác thải; bãi biển không rác thải được đông đảo tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia. Hiện tại Ủy ban nhân dân xã thành lập tổ thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường trong địa bàn dân cư. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 81,11%.

11.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

11.7.1. Quốc phòng:

Quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, đảm bảo thường xuyên công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu và phòng cháy chữa cháy - phòng chống lụt bão. Tổ chức huấn luyện dân quân cơ động và dân quân tại chỗ. Triển khai công tác tuyển quân năm 2018 và tổ chức cho thanh niên tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại huyện. Tập trung chỉ đạo các thôn hướng dẫn cho các đối tượng sửa sai hồ sơ chế độ Dân công hỏa tuyến thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ và làm nhiệm vụ quốc tế.

11.7.2. An ninh:

Thường xuyên tăng cường bám sát cơ sở đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong những ngày cao điểm không để xảy ra vụ việc phức tạp, các vụ vi phạm pháp luật được quan tâm giải quyết, không để tồn đọng kéo dài. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với lực lượng đồn công an Nghi Sơn; Ban Chấp hành Biên phòng cửa khẩu Nghi Sơn trong công tác an ninh trật tự trên địa bàn, kịp thời ngăn chặn việc vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy, các loại pháo nổ, văn hóa độc hại.

11.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

11.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Thượng

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Thượng là 26 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

11.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 22 người.

Trình độ: Chuyên môn: thạc sỹ: 01 người, đại học: 14 người, cao đẳng: 02 người, trung cấp: 05 người; lý luận chính trị: cao cấp: 01 người, trung cấp: 11 người, sơ cấp: 10 người.

12. Thị trấn Tĩnh Gia

12.1. Lịch sử hình thành:

Thị trấn Tĩnh Gia (Phố Còng) được thành lập từ ngày 14/12/1984 theo Quyết định số 163-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở tách 21,6 ha đất thuộc xã Hải Nhân, 18 ha đất thuộc xã Bình Minh, 26,5 ha đất thuộc xã Hải Hòa và 22,4 ha đất thuộc xã Nguyên Bình để thành lập thị trấn huyện lỵ của huyện Tĩnh Gia, lấy tên là thị trấn Tĩnh Gia. Hiện thị trấn được chia thành 06 tiểu khu. Tiểu khu I và tiểu khu II (trước thuộc làng Đồng Từ), tiểu khu III, tiểu khu IV, tiểu khu V (trước thuộc thôn Văn Bài) và tiểu khu VI (trước thuộc làng Hạ Hòa - chùa Thông).

Ngày 16/10/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, trong đó nhập xã Hải Hòa về thị trấn Tĩnh Gia để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Tĩnh Gia.

12.2. Địa giới hành chính:

Thị trấn Tĩnh Gia nằm ở trung tâm huyện Tĩnh Gia, thị trấn có địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Nguyên Bình và Hải Nhân; Nam giáp xã Nguyên Bình và xã Bình Minh; Bắc giáp xã Hải Nhân và xã Ninh Hải.

12.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Thị trấn Tĩnh Gia có 7,62 km² (762,57 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 383,27 ha, chiếm tỷ lệ 50,26%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 308,94 ha, chiếm tỷ lệ 40,51%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 70,36 ha, chiếm tỷ lệ 9,23%;

12.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Theo số liệu thống kê, thị trấn có 24.769 người (bao gồm dân số quy đổi). Toàn thị trấn có 06 tiểu khu và 08 thôn với các tên gọi như sau: Tiểu khu 1, Tiểu khu 2, Tiểu khu 3, Tiểu khu 4, Tiểu khu 5, Tiểu khu 6, Xuân Hòa, Trung Chính, Tiền Phong, Tân Hòa, Vinh Tiến, Nhân Hưng, Giang Sơn, Đông Hải.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 6.904 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.216 người, chiếm 17,61%;
- Lao động phi nông nghiệp: 5.688 người, chiếm 82,39%.

12.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

12.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của thị trấn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng về kinh doanh dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp; sản xuất nông nghiệp ổn định. Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn thị trấn đạt 472,16 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, TTCN, xây dựng: 196,74 tỷ đồng, chiếm 41,67%;
- Dịch vụ, thương mại: 205,94 tỷ đồng, chiếm 43,62%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 69,48 tỷ đồng, chiếm 17,71%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 196,74 tỷ đồng, chiếm 41,67%. Là trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội của huyện Tĩnh Gia. Trên địa bàn thị trấn có 183 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và nhiều doanh nghiệp, công ty hoạt động trên lĩnh vực vận tải, xây dựng. Trong đó, một số ngành nghề phát triển mạnh như sản xuất đồ gỗ, vật liệu xây dựng, chế tác vàng, bạc, đá quý, cơ khí... Phần lớn các cơ sở, doanh nghiệp trong năm 2018 đều hoạt động ổn định. Hiện nay, trên địa bàn có dự án khu du lịch sinh thái Hải Hòa, quy mô 23,5 ha và khu du lịch biển Goldencoast Resort, quy mô 20,4 ha đang tiến hành giải phóng mặt bằng để triển khai dự án. Ngoài ra, nghề đánh bắt khai thác hải sản bãi ngang thu hoạch sản lượng đạt kế hoạch chủ yếu các tàu đánh bắt xa bờ. Tổng sản lượng khai thác trong năm đạt 5.000 tấn, đạt 100% kế hoạch.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 205,94 tỷ đồng, chiếm 43,62%. Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ - thương mại trên địa bàn là 1.269 cơ sở, trong đó: khu vực chợ là 973 cơ sở, 301 cơ sở kinh doanh tại hộ gia đình, 86 hộ kinh doanh vận tải, 135 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Nhiều cơ sở kinh doanh, dịch vụ mở rộng hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt là khu du lịch nghỉ dưỡng, lượng khách đến du lịch hàng năm hơn 500.000 lượt, góp phần phát triển kinh tế, tạo việc làm ổn định cho người dân quanh khu vực.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 69,48 tỷ đồng, chiếm 17,71%. Nhìn chung lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi duy trì ổn định; tập trung chỉ đạo và vận động nhân dân sản xuất hết - Diện tích đất nông nghiệp và thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch bệnh ở đàn gia súc, gia cầm đã đạt kế hoạch.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn thị trấn đạt 26,98 tỷ đồng, chi ngân sách toàn thị trấn đạt 22,45 tỷ đồng.

12.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa mới gắn với xây dựng khu phố kiểu mẫu tiếp tục được quan tâm. Phong trào thể dục, thể dục quần chúng được phát huy, số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao tăng lên. Đồng thời, năm 2018 thị trấn tiếp tục giữ vững danh hiệu “Thị trấn Tỉnh Gia đạt chuẩn văn hóa” cấp huyện. Tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện và của địa phương; kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đến nhân dân.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn thị trấn có 10 trường học (gồm: 02 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học, 03 trường Trung học cơ sở, 01 trường Trung học phổ thông, 01 trường Cao đẳng nghề và 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên), cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Chất lượng giáo dục toàn diện, nề nếp dạy học ở các nhà trường ngày càng được củng cố và nâng lên; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư đúng mức. Trường Trung học cơ sở cơ bản đảm bảo các tiêu chí được công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia. Năm học 2017 - 2018 giáo viên cả 03 cấp trường giáo dục cơ sở đạt chuẩn 100%; các nhà trường đều đạt trường tiên tiến cấp huyện.

c) Về lĩnh vực y tế:

Hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đã có nhiều tiến bộ; tổ chức thực hiện tốt các chương trình Y tế, chương trình phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tiếp tục triển khai kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Hiện trên địa bàn thị trấn có 01 trung tâm y tế huyện và 02 trạm y tế. Trạm y tế thị trấn Tỉnh Gia được công nhận đạt chuẩn Quốc gia năm 2013. Công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân được chú trọng, chủ động lên kế hoạch phòng chống các loại dịch bệnh, đặc biệt là bệnh sốt xuất huyết, tiêu chảy...

12.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

12.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Trên địa bàn thị trấn Tỉnh Gia có Quốc lộ 1A chạy qua - đây là tuyến giao thông huyết mạch của Quốc gia. Bên cạnh đó, các tuyến đường trục chính trong khu vực thị trấn đã và đang tạo điều kiện thuận lợi trong vận chuyển hàng hóa và đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân. Hiện nay, thị trấn đã số tuyến đường chính đi liên xã đã được rải nhựa, còn lại được bê tông hóa với tỷ lệ cứng hóa đạt 100%. Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, tổng số chiều dài đường giao thông được bê tông hóa, nhựa hóa 20,6 km.

12.6.2. Về điện:

Trên địa bàn thị trấn có 09 trạm biến áp; tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 15.240.424 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%, đáp ứng tốt mọi điều kiện để phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân.

12.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy nước Nguyên Bình tại xã Nguyên Bình công suất 5.000 m³/ng.đ, cung cấp nước chủ yếu cho thị trấn Tĩnh Gia và các xã phụ cận. Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh là 98,16%. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi trên địa bàn thị trấn đạt 98,20% tiêu chuẩn hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ dân có đủ 3 công trình (bể nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) đạt 94%.

12.6.4. Về viễn thông:

Thị trấn Tĩnh Gia hiện có 01 Bưu cục cấp 1 phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 09 vị trí xây dựng trạm BTS với 12 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone, Gtel và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

12.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn luôn được quan tâm. Xã đã đôn đốc kịp thời việc thu gom vận chuyển rác thải không để tồn đọng trong khu dân cư và các tuyến đường công cộng. Phát động nhân dân thường xuyên tổng vệ sinh môi trường, tham gia thu gom rác thải. Tổ chức rà soát, thống nhất lại biện pháp và mức thu phí các cơ quan, đơn vị và hộ gia đình trên địa bàn thị trấn, điều chỉnh phương án và ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải năm 2018. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 90,97%.

127. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

12.7.1. Quốc phòng:

Tăng cường lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Đảm bảo chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn; hoàn chỉnh các bước tuyển chọn công dân đến tuổi nghĩa vụ quân sự năm 2018 - 2019; quản lý tốt vũ khí, trang thiết bị quân sự được giao. Xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018 đảm bảo tốt yêu cầu đề ra.

12.7.2. An ninh:

Năm 2018, tình hình an ninh trật tự tương đối ổn định. Ban Công an phối hợp Công an huyện hoàn chỉnh hồ sơ chuyển cơ quan điều tra Công an huyện xử lý trường hợp theo quy định. Công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Công tác quản lý người nước ngoài được đảm bảo, các hoạt động tôn giáo đều diễn ra bình thường. Thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ các ngày lễ lớn, các kỳ thi tốt nghiệp

và công tác phòng chống pháo nổ trong dịp Tết Nguyên đán 2018. Tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm an ninh trật tự và trật tự hành lang an toàn giao thông ở các tuyến đường, khu dân cư. Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện Đề án 1212 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về kế hoạch phòng chống ma túy đến năm 2020 và diễn đàn công an lắng nghe ý kiến nhân dân năm 2018 diễn ra thành công.

12.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

12.8.1. Hội đồng nhân dân thị trấn Tĩnh Gia:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của thị trấn Tĩnh Gia là 51 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy thị trấn kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 40 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 29 người, trung cấp: 11 người; lý luận chính trị trung cấp: 22 người.

13. Xã Hải Ninh

13.1. Lịch sử hình thành:

Xã Hải Ninh trước đây thuộc làng Năng Cải, tổng Sen Trì, phủ Tĩnh Gia; sau khi nước nhà được độc lập, làng Năng Cải được đổi tên thành xã Quyết Thắng; năm 1947 xã Quyết Thắng sáp nhập với xã Hồng Thái, Sào Nam, Tây Hồ thành xã Hải Châu. Tháng 9 năm 1954 đáp ứng yêu cầu cải cách mạng, xã Hải Châu chia thành ba xã là xã Hải Châu, xã Hải Ninh và xã Hải An, từ đó đến nay địa giới hành chính và tên gọi xã Hải Ninh được ổn định. Năm 2005, xã đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Ngày 16/10/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, trong đó nhập xã Triệu Dương về xã Hải Ninh để thành lập xã Hải Ninh.

13.2. Địa giới hành chính:

Xã Hải Ninh là xã nằm ở vùng trung tâm phía Đông Bắc của huyện Tĩnh Gia. Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Thanh Sơn và xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp xã Hải An; Bắc giáp xã Hải Châu và xã Thanh Thủy.

13.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Hải Ninh có 10,14 km² (1.014,05 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 495,53 ha, chiếm tỷ lệ 48,87%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 425,01 ha, chiếm tỷ lệ 41,91%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 93,51 ha, chiếm tỷ lệ 9,22%.

13.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Theo số liệu thống kê, toàn xã có 15.817 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 13 thôn với các tên gọi như sau: Hồng Phong, Hạnh Phúc, Đồng Minh, Thanh Bình, Bắc Thành, Nam Thành, Nam Tiến, Nhân Hưng, Hồng Kỳ, Thanh Cao, Hồng Phong, Hưng Sơn và Thống Nhất.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 6.922 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.506 người, chiếm 21,76%;
- Lao động phi nông nghiệp: 5.416 người, chiếm 78,24%.

13.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

13.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Xã Hải Ninh có tốc độ phát triển kinh tế 15%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý theo hướng tăng tỷ trọng, sản xuất tiểu thủ công nghiệp- xây dựng trên địa bàn luôn ổn định và phát triển. Tổng giá trị sản xuất đạt 265,75 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2017. Tỷ trọng các ngành như sau:

- Công nghiệp - xây dựng: 128,20 tỷ đồng, chiếm 48,24%;
- Dịch vụ - thương mại: 79,60 tỷ đồng, chiếm 29,95%;
- Nông - lâm - ngư nghiệp: 57,95 tỷ đồng, chiếm 21,81%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 128,20 tỷ đồng, chiếm 48,24%. Trong những năm qua xã đã thực hiện chủ trương phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và đã đạt nhiều kết quả; tốc độ sản xuất hàng năm luôn ổn định và đạt khá trở lên. Bên cạnh đó các công ty, doanh nghiệp xây dựng phát triển nhiều. Tốc độ đầu tư xây dựng trên địa bàn luôn được quan tâm đúng mức, trong những năm qua hệ thống đường giao thông, trường trạm và các dự án đã được đầu tư mạnh mẽ. Ngoài ra, tổng số phương tiện khai thác hải sản hiện có 495 chiếc với tổng công suất là 14.100 CV. Lao động thường xuyên trên biển là 1886 người. Trong đó số tàu có công suất dưới 20 CV là : 258 chiếc, tàu có công suất từ 20 CV trở lên là 237 chiếc (có 29 tàu từ 90- 250 CV), sản lượng khai thác hải sản đạt: 5250 tấn.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 79,60 tỷ đồng, chiếm 29,95%. Các mặt hàng tương đối bình ổn, các mặt hàng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu như lạc nhân, khoai lang đang có chiều hướng gia tăng so với cùng kỳ; nhiều doanh nghiệp phát triển như Ngọc Hà kinh doanh xăng dầu, Quang Thịnh chế biến hải sản xuất khẩu, Thanh Hải cung cấp dịch vụ điện năng, Vinh Sơn chế biến hải sản, Anh Anh sản xuất nước lọc đóng chai... và 37 cơ sở chế biến thủy, hải sản. Đời sống nhân dân dần dần được cải thiện và từng bước ổn định sản lượng, doanh thu năm sau cao hơn năm trước.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 57,95 tỷ đồng, chiếm 21,81%. Tổng diện tích gieo trồng cả năm 434 ha, đạt 98,5% kế hoạch; tổng đàn gia súc gia cầm đạt 16.860 con, đạt 93% kế hoạch /năm,

bằng 116% so với cùng kỳ. Việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển ngành trang trại gắn với sản xuất và chế biến nông sản. Tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân mua máy phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các phương tiện đều được đăng ký, đăng kiểm, cấp phép, trang bị các thiết bị thông tin liên lạc và phao cứu sinh cơ bản.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 27,021 tỷ đồng, tổng chi ngân sách trên địa bàn đạt 23,447 tỷ đồng.

13.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của Đài truyền thanh. Quản lý tốt các hoạt động tôn giáo, Phật giáo, lễ hội tại các khu di tích lịch sử. Tiếp sóng thường xuyên Đài truyền thanh huyện, Đài Trung ương. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở các thôn văn hóa tập trung xây dựng chất lượng làng văn hóa. Phối hợp với thôn Nhân Hưng tổ chức Lễ hội thành hoàng làng tướng quân Lê Tĩnh Án vào rằm tháng Giêng, tổ chức dâng hương tại đền thờ Quận Công Lê Văn Hiếu. Thường xuyên kiểm tra các hoạt động ở chùa Phúc Long. Hoạt động thông tin tuyên truyền có nhiều đổi mới, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm và các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú.

Thường xuyên tổ chức giải bóng chuyền và giải cờ tướng nhân dịp tết Nguyên đán. Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa thể dục thể thao ở các thôn như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn xã có 05 trường, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều đổi mới, nề nếp dạy và học tiếp tục được củng cố nâng lên, cơ sở vật chất trường học tiếp tục được đầu tư cải thiện. Học sinh giỏi, giáo viên dạy giỏi ngày càng tăng. Các trường đều giữ vững danh hiệu tiến tiến. Năm học 2017 - 2018, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%; cấp Trung học cơ sở tỷ lệ học sinh khá giỏi đạt 84%. Học sinh có học lực trung bình trở lên đạt 99%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 95,4%, học sinh thi đỗ vào các trường Trung học phổ thông đạt 82%.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 02 trạm y tế xã với tổng diện tích 3.130 m². Tình hình khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn xã luôn được quan tâm chú trọng. Trong năm 2018 có 8.365 lượt người tham gia khám chữa bệnh tại trạm y tế xã và 744 bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên. Trạm y tế thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tổ chức ra quân tuyên truyền, thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường và phòng chống các dịch bệnh, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm

trên địa bàn. Dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm. Ban Dân số xã phối hợp với trạm y tế và trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản huyện tổ chức tư vấn vận động đối tượng mở ngày hội hạnh phúc hàng tháng theo định kỳ tại trạm y tế xã.

13.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

13.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, phần lớn đã được nhựa hóa, bê tông hóa. Với sự đồng lòng, cố gắng nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, cùng với việc huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới. Xã có đường Quốc lộ 1A chạy qua, đường liên xã, đường liên thôn và đường nội bộ thôn cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

13.6.2. Về điện:

Điện sinh hoạt của xã có hệ thống lưới điện trung thế 7,06 km; có 12 trạm biến áp; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100%; số hộ dùng điện kế chính đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 9.785.742 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 91,01% tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống.

13.6.3. Về cấp thoát nước:

Trên địa bàn xã tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95,1%, nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt là nguồn mạch nông từ các giếng đào, giếng khoan Unicef nhỏ bơm tay hoặc bơm máy có độ sâu từ 3 - 25 m. Hiện nay, huyện đang triển khai xây dựng nhà máy nước Tân Dân có công suất thiết kế 10.500 m³/ng.đ, cấp nước cho 07 xã phía bắc huyện Tỉnh Gia trong đó có xã Hải Ninh.

Các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

13.6.4. Về viễn thông:

Xã hiện có 01 Bưu cục cấp 3 phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 05 vị trí xây dựng trạm BTS với 11 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnammobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

13.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên được đẩy mạnh. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến người dân về công tác bảo vệ môi trường: các ngày lễ, tuần lễ truyền thông về bảo vệ môi trường; hưởng ứng ngày dân vận; thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" xây dựng và triển khai kế hoạch hưởng ứng để xây dựng đường làng, ngõ xóm xanh, sạch, đẹp. Từ cuối năm

2016, Ủy ban nhân dân xã đã hợp đồng với Công ty Xuân Thành Công triển khai tổ chức thu gom vận chuyển rác thải vào nơi xử lý. Hiện nay việc thu gom xử lý rác thải trên địa bàn đã dần vào ổn định, giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt trong khu dân cư tập trung trên địa bàn đạt 80,28%.

13.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

13.7.1. Quốc phòng:

Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên củng cố, bổ sung lực lượng dân quân tự vệ, đảm bảo đúng, đủ số lượng theo hướng dẫn của cấp trên. Huấn luyện chiến sỹ năm thứ nhất, công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện công tác khám tuyển tại huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân trong các năm được giao chỉ tiêu. Tỷ lệ nhập ngũ đạt 100%. Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên củng cố, bổ sung lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, đảm bảo đúng, đủ số lượng theo hướng dẫn của cấp trên. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc các chỉ lệnh khi được điều động và huấn luyện dân quân.

13.7.2. An ninh:

An ninh chính trị, an toàn xã hội được giữ vững. Thực hiện tốt công tác tham mưu, chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời, hiệu quả những vụ việc nổi cộm, phát sinh. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, tấn công truy quét các loại tội phạm, gắn với việc thường xuyên tổ chức tuần tra trong thôn xóm. Ngăn chặn, tuyên truyền và đấu tranh có hiệu quả các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ sử dụng pháo, đèn trời, đồ chơi nguy hiểm trong dịp tết nguyên đán. Tăng cường công tác tuần tra, xử lý các trường hợp vi phạm an toàn giao thông. Đảm bảo an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh kinh tế, văn hoá tư tưởng.

13.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

13.8.1. Hội đồng nhân dân xã Hải Ninh:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hải Ninh là 47 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

13.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 40 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 31 người, cao đẳng: 03 người, trung cấp: 06 người; lý luận chính trị: trung cấp: 31 người, sơ cấp: 08 người.

14. Xã Nguyên Bình

14.1. Lịch sử hình thành:

Trong quá trình hình thành và phát triển, xã Nguyên Bình đã trải qua nhiều tên gọi khác nhau. Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, các làng của xã Nguyên Bình ngày nay thuộc tổng Văn Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, có 08 làng với 12 xóm.

Sau Cách mạng tháng 8 thành công, thực hiện chủ trương bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tổng, thành lập đơn vị cấp xã dưới huyện, xã Nguyên Bình lúc này bao gồm 02 xã: Cao Thắng và Vạn Thắng.

Tháng 7/1947, huyện sáp nhập 04 xã gồm Vạn An, Khoa Giáp, Cao Thắng và Vạn Thắng thành xã lớn lấy tên là xã Nguyên Bình. Đến tháng 9/1954, thực hiện quyết định của Ủy ban hành chính huyện Tĩnh Gia xã Nguyên Bình được chia thành 02 xã: Xã Nguyên Bình và xã Bình Minh.

Từ năm 1954 đến nay, địa giới hành chính của xã tiếp tục được điều chỉnh, chuyển một phần diện tích cho thị trấn Tĩnh Gia nay là Tiểu khu 5 và Tiểu khu 7 thị trấn Tĩnh Gia; gần 100 ha cho xã Hải Yến tái định cư.

14.2. Địa giới hành chính:

Xã Nguyên Bình có địa giới hành chính như sau: Đông giáp thị trấn Tĩnh Gia và xã Bình Minh; Tây giáp xã Phú Sơn; Nam giáp các xã Xuân Lâm, Trúc Lâm và Phú Lâm; Bắc giáp xã Hải Nhân và Định Hải.

14.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Nguyên Bình có 33,18 km² (3.318,89 ha) diện tích tự nhiên. Trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 2.781,63 ha, chiếm tỷ lệ 83,81%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 498,24 ha chiếm tỷ lệ 15,01%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 39,02 ha, chiếm tỷ lệ 1,18%.

14.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 10.070 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 16 thôn với các tên gọi như sau: Cao Thắng 1, Cao Thắng 2, Cao Thắng 3, Cao Thắng 4, Cao Thắng 5, Vạn Thắng 6, Vạn Thắng 7, Vạn Thắng 8, Vạn Thắng 9, Quyết Thắng, Sơn Thắng, Tào Trung, Phú Quang, Thành Công, Xuân Nguyên, Đào Duy Từ.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 4.026 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.120 người, chiếm 27,82%.
- Lao động phi nông nghiệp: 2.906 người, chiếm 72,18%.

14.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

14.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 toàn xã đạt 160 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, xây dựng: 96,60 tỷ đồng, chiếm 60%.
- Dịch vụ, thương mại: 35,2 tỷ đồng, chiếm 22%.

- Nông, lâm ngư nghiệp: 28,8 tỷ đồng, chiếm 18%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 96,60 tỷ đồng, chiếm 60%. Trong những năm qua, xã đã thực hiện nhiều chủ trương nhằm phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng trên địa bàn. Ngoài các nghề truyền thống, các doanh nghiệp ở địa phương đã thành lập và đi vào sản xuất hiệu quả như chế biến gỗ, mộc dân dụng, điện tử, điện lạnh, vận tải, xây dựng... ngày càng phát triển, mức sống của các hộ ngày một được nâng cao góp phần vào sự tăng trưởng chung của toàn xã.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 35,2 tỷ đồng, chiếm 22%. Trên địa bàn toàn xã có 14 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, hơn 400 hộ buôn bán, kinh doanh dịch vụ vừa và nhỏ, chiếm tỷ lệ 19,4% số hộ. Thu nhập bình quân của các hộ ổn định và dần có tích lũy, kinh doanh ngày càng phát triển. Xã có 01 chợ với diện tích 1.630 m² cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 28,8 tỷ đồng, chiếm 18%. Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 là 1.324 ha với tổng sản lượng đạt 4.467,4 tấn. Chăn nuôi được phát triển theo hướng trang trại tập trung và đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh chuồng trại, thường xuyên được thực hiện đúng định kỳ, không có dịch bệnh xảy ra; nuôi trồng thủy sản được tập trung mở rộng diện tích, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nuôi trồng thủy hải sản đã mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng thủy sản vượt kế hoạch đề ra là 18,73 ha diện tích nuôi trồng năm 2018.

Năm 2018, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 12,67 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 9,50 tỷ đồng.

14.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Phong trào văn hóa, thể dục thể thao luôn được phát huy; thường xuyên tổ chức các hoạt động với các giải bóng đá, giao lưu văn nghệ giữa các thôn đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân trên địa bàn sau mỗi ngày lao động. Đồng thời, phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được duy trì, việc thực hiện nếp sống văn hoá trong việc cưới, việc tang và lễ hội đảm bảo tiết kiệm, an toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Các hoạt động văn hóa - thể dục thể thao ngày càng tăng, hệ thống truyền thanh đã và đang được nâng cấp, sửa chữa đáp ứng công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước đến mọi người dân.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Chất lượng dạy và học có nhiều đổi mới, cơ sở vật chất các nhà trường tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Hoạt động giáo dục được quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con

em tại địa phương. Trên địa bàn xã hiện có 04 trường trong đó trường Tiểu học xã Nguyên Bình A đạt chuẩn Quốc gia. Trong những năm vừa qua các trường đã thực hiện tốt việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã. Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong ngành và từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích trạm y tế là 1.400 m². Công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân được chú trọng, các chương trình y tế Quốc gia, y tế dự phòng được đảm bảo, thường xuyên mở các đợt khám sức khoẻ định kỳ cho nhân dân. Quan tâm sâu đến người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em. Trạm y tế thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể, tổ chức ra quân tuyên truyền, thực hiện chiến dịch vệ sinh môi trường và phòng chống các dịch bệnh, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

14.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

14.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, phần lớn đã được nhựa hóa, bê tông hóa. Xã Nguyên Bình có 1 tuyến đường Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam đi qua với 3 tuyến đường trục chính liên xã và hai tuyến đường ngang: tuyến 1 từ Ủy ban nhân dân xã đến đền thờ Đào Duy Từ và từ Cao Thắng 5 đi thôn Cao Thắng 1, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu phát triển.

14.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 11 trạm biến áp; tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 6.216.797 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 93,8%, đáp ứng tương đối nhu cầu tiêu dùng cho nhân dân trong xã, tỷ lệ hộ dân được dùng điện lưới là 100% số hộ.

14.6.3. Về cấp, thoát nước:

Trên địa bàn có nhà máy nước Nguyên Bình với công suất 5.000 m³/ng.đ, cung cấp nước bằng mạng lưới tuyến ống nước từ D50 đến D300 chủ yếu các hộ dân của xã và một số xã, thị trấn phụ cận. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước máy đạt 95,26%. Cùng với đó, các hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát nước thải, thu gom, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

14.6.4. Về viễn thông:

Xã hiện có 01 điểm phục vụ bưu chính; 09 vị trí xây dựng trạm BTS với 24 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

14.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Xác định công tác tuyên truyền bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường là nhiệm vụ quan trọng nên chính quyền xã cùng các ban ngành chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân đối với việc giữ gìn, bảo vệ môi trường chung; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; thường xuyên tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh tại các thôn, xóm. Thường xuyên tuyên truyền các hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất và chế biến, thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường. Các thôn đều đã đăng ký thu gom rác thải tập trung, một tuần có 05 chuyến xe gom rác về nơi tập trung của huyện tại xã Trường Lâm. Thu gom trên địa bàn xã đạt 86,23%.

14.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

14.7.1. Quốc phòng:

Công tác quân sự - quốc phòng thường xuyên được củng cố, kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ, hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện hoàn thành chỉ tiêu giao. Công tác huấn luyện cho lực lượng trung đội cơ động được duy trì hàng năm theo quy định, đảm bảo chất lượng và quân số, công tác tuyển quân hàng năm đặc biệt được chú trọng. Năm 2018 công tác tuyển quân đạt 100% kế hoạch huyện giao. Phối kết hợp lực lượng an ninh làm tốt công tác phòng chống lụt bão, phòng chống thiên tai.

14.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định và được giữ vững. Công tác quản lý nhân hộ khẩu theo luật cư trú, chuyển đi, chuyển đến, tạm vắng và cấp giấy giới thiệu làm thẻ căn cước theo quy định của pháp luật. Thường xuyên ra quân giải tỏa hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 1A và đường liên thôn đảm bảo đường thông hè thoáng. Chủ động xử lý các tình huống, giải quyết kịp thời và dứt điểm trong phạm vi thẩm quyền, đúng pháp luật các vụ việc, nhất là trong các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm do đó không có các vụ trọng án xảy ra.

14.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

14.8.1. Hội đồng nhân dân xã Nguyên Bình

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Nguyên Bình là 23 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

14.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 22 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 19 người, trung cấp: 05 người; lý luận chính trị: trung cấp: 12 người, sơ cấp: 05 người.

15. Xã Mai Lâm

15.1. Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, vùng đất Mai Lâm ngày nay có tên gọi là Đồng Đội thuộc tổng Tuần La. Cách mạng tháng Tám thành công, tháng 11/1945, xã Mai Lâm được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 làng: Kim Cốc, Hữu Lại, Chỉ Trung. Đến tháng 8/1947, xã Mai Lâm cùng các xã Tùng Lâm, Quế Lâm sáp nhập lại thành xã Trường Lâm. Tháng 9/1945, xã Mai Lâm được tái lập trên cơ sở tách xã Trường Lâm thành 03 xã: Mai Lâm, Trường Lâm, Tùng Lâm. Lúc này Mai Lâm có 03 làng Kim Cốc, Hữu Lại, Chỉ Trung. Năm 1958 đến đầu năm 1960, thực hiện phong trào hợp tác hóa, xã Mai Lâm thành lập 10 hợp tác xã nhỏ trong đó làng Kim Cốc có 05 hợp tác xã (Tháp Sơn, Kim Sơn, Kim Phú, Kim Mã, Kim Đồng), làng Hữu Lại có 04 hợp tác xã (Hữu Đạo, Hữu Đức, Hữu Nhân, Hữu Tài), làng Chỉ Trung có 01 hợp tác xã Tân Thành. Năm 1983 thành lập hợp tác xã lâm thời Hải Lâm. Năm 1990, thực hiện chủ trương của cấp trên, 04 hợp tác xã trên đổi thành 04 thôn: thôn Kim Tiến, thôn Trường Thành, thôn Tân Thành và thôn Hải Lâm. Năm 2007, thực hiện Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 25/6/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa, thôn Trường Thành tách thành 05 thôn: Hữu Đạo, Hữu Đức, Hữu Nam, Hữu Tài, Hữu Nhân; thôn Kim Tiến được tách thành 04 thôn: Tháp Sơn, Sơn Phú, Đại Đồng, Bản Cát; thôn Tân Thành, Hải Lâm giữ nguyên.

15.2. Địa giới hành chính:

Xã Mai Lâm nằm ở phía Đông Nam của huyện Tĩnh Gia. Xã có địa giới hành chính như sau: Đông giáp xã Tĩnh Hải; Tây giáp xã Tùng Lâm, xã Tân Trường và xã Trường Lâm; Nam giáp xã Hải Thượng; Bắc giáp xã Trúc Lâm.

15.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Mai Lâm có 17,79 km² (1.779,67 ha) diện tích tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp: 874,28 ha, chiếm tỷ lệ 49,12%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 905,25 ha, chiếm tỷ lệ 50,87%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,14 ha, chiếm tỷ lệ 0,01%.

15.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 10.985 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 11 thôn với các tên gọi như sau: Hữu Tài, Hữu Nam, Hữu Đức, Hữu Nhân, Hữu Đạo, Bản Cát, Tháp Sơn, Đại Đồng, Tân Thành.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 3.920 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 721 người, chiếm 18,39%;
- Lao động phi nông nghiệp: 3.199 người, chiếm 81,61%.

15.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

15.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 đạt 145 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, xây dựng: 72,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 50%;
- Dịch vụ, thương mại: 43,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 29 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 20%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 72,5 tỷ đồng, chiếm 50%; Tổng số trên địa bàn có 19 doanh nghiệp đang hoạt động, 250 hộ kinh doanh cá thể. Các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tập trung vào một số sản phẩm chủ đạo như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến dăm gỗ, sản phẩm giữ được thị trường tiêu thụ và ổn định sản xuất. Năm 2018, có 07 dự án công trình do xã làm chủ đầu tư được triển khai thực hiện với tổng giá trị 1,842 tỷ đồng.

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 43,5 tỷ đồng, chiếm 30%. Xã có 01 chợ với diện tích 2.600 m², 72 hộ kinh doanh, cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn. Hàng hóa đa dạng phong phú, chợ, các cơ sở, các hộ kinh doanh ổn định. Các cửa hàng tạp hóa, buôn bán nhỏ lẻ nhiều đang là động lực lớn thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Mai Lâm.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 29 tỷ đồng, chiếm 20%. Kế hoạch sản xuất trồng trọt, chuyển giao kỹ thuật, chăm sóc bảo vệ cây trồng và cung ứng vật tư nông nghiệp được thực hiện tốt, tổng diện tích cấy trồng được 494,65 ha với tổng sản lượng đạt 1.031,5 tấn. Chăn nuôi trên địa bàn ổn định và phát triển với tổng số số lượng đàn gia súc, gia cầm đạt 16.733 con. Diện tích đất trống chưa được khoanh nuôi tái sinh là 124,44 ha. Bên cạnh đó, tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản toàn xã năm 2018 là 44,7 tấn, đạt 280% so với kế hoạch.

Tổng thu ngân sách của xã trong năm 2018 đạt 10,38 tỷ đồng, tổng chi ngân sách trong năm đạt 8,93 tỷ đồng.

15.5.2. Tình hình phát triển văn hóa xã hội

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy - chính quyền địa phương, hoạt động văn hóa, thông tin tiếp tục được phát huy hiệu quả trong đó tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, huyện và của địa phương. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đẩy mạnh. Đặc biệt là công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ các Đại lễ và ngày lễ kỷ niệm các sự kiện chính trị trọng đại. Cùng với đó, Đài Truyền thanh xã được quan tâm sửa chữa, nâng cấp, thay mới đảm bảo cho việc phát sóng các nội dung liên quan đến việc chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương; kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Trên địa bàn xã có 03 trường, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Năm học 2017 - 2018, các trường thường xuyên

duy trì tốt việc dạy và học, đảm bảo nâng cao chất lượng, đồng thời đổi mới phương thức giảng dạy, áp dụng công nghệ tin học vào giảng dạy, lấy chất lượng làm thước đo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh dạy học đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạt hiệu quả. Môi trường giáo dục trong nhà trường được đảm bảo: sạch sẽ, thoáng mát, và an toàn cho trẻ.

c) Về lĩnh vực y tế:

Hiện nay trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích 2.000 m². Công tác y tế năm 2018 được quan tâm đầu tư, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và công nhân tạm trú trên địa bàn xã. Tổng số lượt khám, chữa bệnh hàng năm đạt trên 4.000 lượt. Công tác y tế dự phòng được đảm bảo, đã xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo mùa như: sởi, dịch tả, tay chân miệng, sốt xuất huyết,... để không xảy ra dịch bệnh trên địa bàn.

15.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

15.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hiện nay hiện trạng giao thông trên địa bàn xã Mai Lâm đang được nâng cấp và phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội. Trên địa bàn hiện nay có các tuyến đường giao thông lớn như: tuyến Quốc lộ 1A, tuyến đường BN1B, đường Tỉnh lộ 513 - Nghi Sơn, Bãi Trành, đường Đông Tây... Cơ bản đáp ứng điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương.

15.6.2. Về điện:

Xã Mai Lâm sử dụng điện do 02 đơn vị cung cấp là Điện lực Tĩnh Gia và Công ty cổ phần xây lắp điện lực Thanh Hóa. Hệ thống hạ tầng điện lực luôn được nâng cấp, đảm bảo nhu cầu sử dụng điện cho nhân dân trên địa bàn xã. Trên địa bàn xã có 08 trạm biến áp; tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 5.997.019 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 95,24%, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống.

15.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy nước Anh Phát tại hồ Quế Sơn công suất hiện nay đạt 40.000 m³/ng.đ - 60.000 m³/ng.đ, cung cấp nước cho phía Tây Nam Khu kinh tế Nghi Sơn cũ và cấp nước bổ sung một phần phía Đông Nam khu kinh tế Nghi Sơn cũ và một số hộ xã Mai Lâm chiếm tỷ lệ 10% sử dụng nước máy. Các hộ còn lại đang dùng nước ngầm mạch nông từ các giếng đào, giếng khoan Unicef nhỏ bơm tay hoặc bơm máy có độ sâu từ 3 - 25 m để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, với tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh 98,53%. Hệ thống cấp thoát nước trên địa bàn đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là từ hồ Quế Sơn bằng hệ thống kênh mương nội đồng.

15.6.4. Về viễn thông:

Xã hiện có 01 bưu cục cấp 3 phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 18 vị trí xây dựng trạm BTS với 45 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone và Vietnamobile; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

15.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác đảm bảo môi trường luôn được cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với các đơn vị thôn, các ban, ngành, đoàn thể tăng cường tuyên truyền vận động nhân dân thu gom rác thải và làm vệ sinh môi trường. Xã đã ký hợp đồng với công ty môi trường tổ chức thu gom rác thải tập trung trên địa bàn với 27 xe rác thải trên 07 thôn. Công tác thu gom xử lý rác thải trên địa bàn xã đạt 84,45%.

15.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

15.7.1. Quốc phòng:

Trong năm 2018 Ban Chỉ huy quân sự xã đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm về công tác quân sự - quốc phòng của địa phương, đã xây dựng kế hoạch hành động, phương án tác chiến tăng cường công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nên đã giữ vững nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc, các chủ trương Nghị quyết về quốc phòng, an ninh được cụ thể hóa triển khai thực hiện. Công tác xây dựng lực lượng, đã thực hiện đúng hướng dẫn của Ban Chỉ huy quân sự huyện biên chế đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Hoàn thành tốt công tác tổ chức huấn luyện dân quân và huấn luyện dân quân cơ động.

15.7.2. An ninh:

Công an xã đã tham mưu xây dựng và ban hành các kế hoạch, phương án liên quan đến tình hình an ninh trật tự, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và đơn vị thôn, chỉ đạo lực lượng công an xã ngăn chặn và giải quyết dứt điểm các vụ việc phát sinh trên địa bàn xã. Thường xuyên tuyên truyền nhân dân, doanh nghiệp và các đơn vị đóng trên địa bàn tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước về an ninh trật tự. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra an ninh trật tự trên địa bàn, không để xảy ra điểm nóng trong các thôn, xóm về an ninh trật tự.

15.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

15.8.1. Hội đồng nhân dân xã Mai Lâm:

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Mai Lâm là 24 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

15.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 21 người.

Trình độ:Chuyên môn:đại học: 15 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 05 người; lý luận chính trị:cao cấp: 01 người, trung cấp: 11 người, sơ cấp: 09.

16. Xã Tĩnh Hải

16.1. Lịch sử hình thành:

Là xã ven biển, mang tên Tĩnh Hải từ khoảng năm 1945 - 1947, trước 1945 là thôn Bộ Đầu Ngoại thuộc tổng Tuần La. Năm 1947 xã Tĩnh Hải và Trấn Hải (gồm 07 thôn Trung Dịch, Cao Lư, Vinh Quang, Khả La, Du Độ, Bộ Đầu, Như Áng) nhập thành xã Hải Bình. Tháng 7 năm 1954, xã Tĩnh Hải được tách ra từ xã Hải Bình, gồm có 03 thôn: Trung Dịch, Cao Lư và Vinh Quang, được chia thành 12 xóm; thôn Vinh Quang từ xóm 1 đến xóm 5; thôn Cao Lư từ xóm 6 đến xóm 9, thôn Trung Dịch từ xóm 10 đến xóm 12. Trước năm 1976, thôn Trung Dịch thành lập Hợp tác xã Sơn Đình; thôn Vinh Quang thành lập Hợp tác xã Vinh Quang; thôn Cao Lư thành lập Hợp tác xã Cao Thắng. Năm 1981, xã được chia lại thành ba hợp tác xã nhỏ là Thắng Hải (địa bàn Hợp tác xã Cao Thắng và Hợp tác xã Trung Hải cũ), Trung Sơn và Liên Vinh. Từ năm 1991 đến nay, thôn trở thành đơn vị quản lý sản xuất và dân cư, trên cơ sở địa giới các hợp tác xã trước đó, Tĩnh Hải được chia thành 03 thôn là: Thắng Hải, Trung Sơn và Liên Vinh cho đến ngày nay.

16.2. Địa giới hành chính:

Xã Tĩnh Hải có địa giới hành chính như sau: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Mai Lâm và Trúc Lâm; Nam giáp xã Hải Yến và Hải Thượng; Bắc giáp với xã Hải Bình.

16.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất:

Xã Tĩnh Hải có 6,72 km² (672,59 ha) diện tích đất tự nhiên; trong đó, cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp:253,84 ha, chiếm tỷ lệ 37,74%;
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 411,01 ha, chiếm tỷ lệ 61,11%;
- Diện tích đất chưa sử dụng: 7,74 ha, chiếm tỷ lệ 1,15%.

16.4. Dân số và cơ cấu thành phần dân cư:

Tính đến ngày 31/12/2018, toàn xã có 11.915 người (đã bao gồm dân số quy đổi). Toàn xã có 03 thôn: Thắng Hải, Trung Sơn và Liên Vinh.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 2.770 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 584 người, chiếm 12,08%;
- Lao động phi nông nghiệp: 2.186 người, chiếm 87,92%.

16.5. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

16.5.1. Tình hình phát triển kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất năm 2018 đạt 121,6 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2017; trong đó:

- Công nghiệp, xây dựng: 60,52 tỷ đồng, chiếm 49,77%;
- Dịch vụ, thương mại: 44,14 tỷ đồng, chiếm 36,3%;
- Nông, lâm ngư nghiệp: 16,94 tỷ đồng, chiếm 13,93%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 60,52 tỷ đồng, chiếm 49,77%. Công nghiệp và xây dựng trên địa bàn phát triển mạnh, các dự án đầu tư đã và đang thu hút lao động lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trên địa bàn hiện có gần 180 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Địa bàn xã có nhiều dự án thương mại dịch vụ đang trong quá trình triển khai như Khu trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp Nam Thanh Bắc Nghệ, Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Linh Minh Anh,...

Dịch vụ, thương mại: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 87,4 tỷ đồng, chiếm 44,14 tỷ đồng, chiếm 36,3%. Do nằm trong Khu kinh tế Nghi Sơn nên kinh tế của xã đang chuyển sang hướng dịch vụ - thương mại. Xã có 1 chợ với diện tích 2.540 m², 105 hộ kinh doanh dịch vụ buôn bán nhỏ, không những đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn mà còn tăng thu nhập cho người lao động.

Nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 16,94 tỷ đồng, chiếm 13,93%. Tổng diện tích gieo trồng đạt 162,4 ha, Tổng đàn gia súc, gia cầm trong năm trên địa bàn được 12.228 con giảm 10% so với cùng kỳ năm 2017. Diện tích nuôi trồng thủy sản quảng canh là 40 ha, sản lượng 62,5 tấn.

Tổng thu ngân sách của xã trong năm 2018 đạt 9,628 tỷ đồng, tổng chi ngân sách trong năm đạt 9,488 tỷ đồng.

16.5.2. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội:

a) Về lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao:

Phong trào văn hóa, thể dục thể thao luôn được phát huy trong các ngày lễ, ngày tết. Thường xuyên tổ chức các hoạt động với các giải bóng đá, giao lưu văn nghệ giữa các thôn đã thu hút đông đảo các tầng lớp tham gia, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân trên địa bàn sau mỗi ngày lao động. Đồng thời, phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được duy trì, việc thực hiện nếp sống văn hoá trong việc cưới, việc tang và lễ hội đảm bảo tiết kiệm, an toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Hệ thống truyền thanh của xã đã tổ chức tiếp âm đầy đủ hai buổi sáng - chiều, tuyên truyền các thông tin chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước và những sự kiện chính trị quan trọng của địa phương đến người dân.

b) Về giáo dục - đào tạo:

Hoạt động giáo dục được quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em tại địa phương. Trên địa bàn xã hiện có 03 trường với tổng số 1.286 học sinh và 76 giáo viên. Tổ chức thi đua khen thưởng cho 234 học sinh giỏi cấp trường và 63 học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện. Trong những năm vừa qua các trường đã thực hiện tốt việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã. Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động trong ngành và từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Về lĩnh vực y tế:

Trên địa bàn xã có 01 trạm y tế đã được công nhận chuẩn Quốc gia về y tế với diện tích là 1.000 m². Chất lượng khám chữa bệnh, sơ cứu ban đầu tại trạm được đảm bảo, công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Xã đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc tư vấn và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tổ chức làm thủy vực và phòng chống sốt xuất huyết, vi rút zika, kế hoạch phun thuốc phòng trừ muỗi. Trạm y tế đã duy trì lịch trực, chuẩn bị thuốc dự phòng, không xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm.

16.6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng:

16.6.1. Về hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, phần lớn đã được nhựa hóa, bê tông hóa. Xã có đường khu kinh tế Nghi Sơn chạy qua đáp ứng tốt điều kiện lưu thông để phát triển kinh tế địa phương.

16.6.2. Về điện:

Trên địa bàn xã có 06 trạm biến áp; tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 100%; năm 2018 sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 5.569.337 Kwh, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%, tạo điều kiện thuận lợi các công ty, doanh nghiệp, các hộ phát triển sản xuất và phục vụ tốt đời sống sinh hoạt của nhân dân.

16.6.3. Về cấp thoát nước:

Nhà máy nước Nguyên Bình tại xã Nguyên Bình công suất 5.000 m³/ng.đ, cung cấp nước bằng mạng lưới tuyến ống nước từ D50 đến D300 chủ yếu cho thị trấn Tĩnh Gia và các xã phụ cận trong đó có xã Tĩnh Hải. Hiện nhà máy nước mới chỉ cung cấp được một số hộ dân trong xã. Còn lại nguồn nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt được dùng từ các nguồn nước tự nhiên như giếng khoan, giếng đào. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 96,01%. Các hộ gia đình đều có hệ thống tiêu thoát nước thải, xử lý đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh.

16.6.4. Về viễn thông:

Xã hiện có 01 điểm phục vụ bưu chính thuộc Bưu điện tỉnh quản lý; 07 vị trí xây dựng trạm BTS với 17 trạm của các doanh nghiệp Vinaphone, Viettel, Mobifone; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền và nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

16.6.5. Về vệ sinh môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường thường xuyên được đẩy mạnh. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới, tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam thu hút được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể phát động lễ ra quân hưởng ứng chiến dịch "Hãy làm

sạch biển”. Đồng thời, tiếp tục thực hiện đề án thu gom rác thải trên địa bàn. Công tác thu gom rác thải trên địa bàn xã đạt 85,55%, lượng rác thải trên địa bàn được thu gom và xử lý tập trung tại bãi rác của huyện.

16.7. Tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

16.7.1. Quốc phòng:

Hoàn thành công tác huấn luyện dân quân năm 2018 thực hiện đúng theo kế hoạch của cấp trên về nội dung, thời gian huấn luyện. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện đầy đủ các kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên. Ban chỉ huy đã chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch tuyển quân, kế hoạch phòng thiên tai cũng như huấn luyện dân quân đáp ứng với tình hình mới. Năm 2018, đã hoàn thành chỉ tiêu giao quân và khám tuyển nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ. Đồng thời làm tốt chính sách hậu phương quân đội, cũng như phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

16.7.2. An ninh:

Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, công tác an ninh được tăng cường. Nắm chắc tình hình, tập trung giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh về an ninh nông thôn không để xảy ra điểm nóng đột xuất bất ngờ. Tham mưu cho cấp ủy - chính quyền xây dựng khu dân cư an toàn làm chủ về an ninh trật tự theo Đề án 375 của Ủy ban nhân dân tỉnh; củng cố, kiện toàn 68 tổ an ninh xã hội với 1.894 thành viên.

16.8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức:

16.8.1. Hội đồng nhân dân xã Tĩnh Hải

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Tĩnh Hải là 21 người.

Thường trực HĐND gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

16.8.2. Ủy ban nhân dân xã:

Tổng số cán bộ, công chức của xã 22 người.

Trình độ: Chuyên môn: đại học: 19 người, trung cấp: 02 người; lý luận chính trị trung cấp: 09 người.

III. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐẠT ĐƯỢC CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THEO QUY ĐỊNH

1. Về điều kiện thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

Thành lập thị xã Nghi Sơn và thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đó là:

1.1. Phù hợp với Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012; phù hợp với Quy hoạch tổng thể hệ thống

đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014; phù hợp với Quy hoạch chung đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 07/8/2014; phù hợp với Chương trình phát triển đô thị huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 504/QĐ-UBND ngày 17/02/2017; phù hợp với việc phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35% theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, đô thị Tĩnh Gia được xác định là trung tâm phát triển có vai trò động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, với vùng đô thị trung tâm được xác định là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu phát triển đô thị để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, gắn với phát triển xây dựng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn.

1.2. Phát huy tiềm năng, lợi thế và là động lực nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hóa nói chung và Tĩnh Gia nói riêng và lợi ích chung của Quốc gia, hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn không làm mất đi vị trí chiến lược của khu vực, mà còn tạo điều kiện tốt hơn trong công tác bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

1.4. Quá trình xây dựng đề án thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn đã nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân. Đồng thời, đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương.

2. Tiêu chuẩn thành lập thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Tiêu chuẩn của thị xã:

Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; huyện Tĩnh Gia đã đảm bảo 5/5 tiêu chuẩn của thị xã như sau:

2.1.1. Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số huyện Tĩnh Gia tính đến 31/12/2018 là 307.304 người.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì dân số đối với thị xã là 100.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

2.1.2. Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Huyện Tĩnh Gia có diện tích tự nhiên là 455,61 km²(45.561,40 ha).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với thị xã là 200 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

2.1.3. Tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc:

Huyện Tĩnh Gia theo phương án thành lập thị xã sẽ có 31 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 15 xã và 16 phường.

Điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc của thị xã thuộc tỉnh có từ 10 đơn vị trở lên.

Đánh giá: Đạt.

Điểm b, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 50% trở lên. Thị xã Nghi Sơn có tỷ lệ số phường trên số đơn vị hành chính là: 16/31 (51,61%).

Đánh giá: Đạt.

2.1.4. Tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại IV:

Toàn huyện Tĩnh Gia được công nhận là đô thị loại IV theo Quyết định số 788/QĐ-BXD ngày 23/9/2019 của Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

2.1.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Đánh giá đạt (Phụ lục số 01 kèm theo).

2.2. Tiêu chuẩn của phường:

Theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đánh giá hiện trạng các xã đạt được theo tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã Nghi Sơn, cụ thể như sau:

2.2.1. Xã Hải Châu:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Châu là 10.195 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Châu là 9,08 km² (908,76 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.01 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Châu đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.2. Xã Hải An:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải An là 6.528 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải An là 6,25 km² (625,82 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.02 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải An đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.3. Xã Tân Dân:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Tân Dân là 8.586 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Tân Dân là 9,63 km² (963,63 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.03 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tân Dân đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.4. Xã Hải Lĩnh:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Lĩnh là 7.863 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Lĩnh là 8,42 km² (842,66 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.04 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Lĩnh đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.5. Xã Ninh Hải:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Ninh Hải là 6.321 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Ninh Hải là 6,31 km² (631,64 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.05 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Ninh Hải đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.6. Xã Bình Minh:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Bình Minh là 11.471 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Bình Minh là 6,40 km² (640,82 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.06 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Bình Minh đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.7. Xã Hải Thanh:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Thanh là 19.440 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Thanh là 2,76 km² (276,54 ha)

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Phường Hải Thanh chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích theo quy định (đạt 50,18%). Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên. Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Công văn số 262/UBTVQH14-PL: "Nếu đơn vị hành chính nào đạt từ 50% tiêu chuẩn trở lên về diện tích tự nhiên và đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật thì

vẫn tiến hành các quy trình thủ tục để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định” thì phường Hải Thanh đảm bảo tiêu chuẩn lớn hơn 50% diện tích theo quy định.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.07 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Thanh đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.8. Xã Xuân Lâm:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Xuân Lâm là 10.799 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Xuân Lâm là 9,60 km² (960,15 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.08 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Xuân Lâm đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.9. Xã Trúc Lâm:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Trúc Lâm là 11.125 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Trúc Lâm là 15,52 km² (1.552,17 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.09 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Trúc Lâm đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.10. Xã Hải Bình:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Bình là 14.774 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Bình là 9,54 km² (954,26 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.10 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Bình đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.11. Xã Hải Thượng:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Thượng là 14.394 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Thượng là 24,21 km² (2.421,09 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.11 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Thượng đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.12. Thị trấn Tĩnh Gia:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số thị trấn Tĩnh Gia là 24.769 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên thị trấn Tĩnh Gia là 7,62 km² (762,57 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.12 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì thị trấn Tĩnh Gia đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.13. Xã Hải Ninh:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Hải Ninh là 15.817 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Hải Ninh là 10,14 km² (1.014,05 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.13 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hải Ninh đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.14. Xã Nguyên Bình:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Nguyên Bình là 10.070 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Nguyên Bình là 33,18 km² (3.318,89 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.14 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Nguyên Bình đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã theo quy định.

2.2.15. Xã Mai Lâm:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Mai Lâm là 10.985 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên xã Mai Lâm là 17,79 km² (1.779,67 ha)

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.15 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Mai Lâm đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường theo quy định.

2.2.16. Xã Tĩnh Hải:

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số xã Tĩnh Hải là 11.915 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Tĩnh Hải là 6,72 km² (672,59 ha).

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường là từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13. Đánh giá: Đạt.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02.16 kèm theo).

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tĩnh Hải đã đạt 4/4 tiêu chuẩn của phường theo quy định.

Kết luận: Đối chiếu với quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, thị xã Nghi Sơn và các phường thuộc thị xã Nghi Sơn dự kiến thành lập đã đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Hiện trạng tỉnh Thanh Hóa

Tổng điều tra dân số ngày 01/4/2019, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích tự nhiên 11.114,65 km² với dân số 3.640.128 người; 27 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 02 thành phố: Thanh Hóa, Sầm Sơn, 01 thị xã Bỉm Sơn, 24 huyện: Bá Thước, Cẩm Thủy, Đông Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Lang Chánh, Mường Lát, Nga Sơn, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Nông Cống, Quan Hóa, Quan Sơn, Quảng Xương, Thạch Thành, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Thường Xuân, Tĩnh Gia, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định; 559 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 34 phường, 29 thị trấn, 496 xã.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; Nam giáp tỉnh Nghệ An; Bắc giáp các tỉnh Sơn La, Hoà Bình, Ninh Bình.

2. Hiện trạng huyện Tĩnh Gia

Theo số liệu thống kê của tỉnh Thanh Hóa, huyện Tĩnh Gia có tổng diện tích tự nhiên 455,61 km² (45.561,40 ha) với dân số 307.304 người, có 01 thị trấn Tĩnh Gia và 30 xã: Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Trường Lâm, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Yến, Nguyên Bình, Hải Nhân, Ninh Hải, Hải Châu, Hải Ninh, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Tùng Lâm, Tân Trường, Hải Hà, Nghi Sơn, Hải Thượng, Anh Sơn, Các Sơn, Định Hải, Ngọc Lĩnh, Phú Lâm, Phú Sơn, Thanh Sơn, Thanh Thủy.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh; Nam giáp huyện Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Quảng Xương.

3. Hiện trạng các xã, thị trấn có liên quan

3.1. Xã Hải Châu:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Hải Châu có diện tích tự nhiên 9,08 km² (908,76 ha), dân số 10.195 người; xã Hải Châu có 10 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Thanh Thủy; Nam giáp xã Hải Ninh; Bắc giáp xã Quảng Trung và Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

3.2. Xã Hải An:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018 xã Hải An có diện tích tự nhiên 6,25 km² (625,82 ha), dân số 6.528 người; xã Hải An có 05 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp xã Tân Dân; Bắc giáp xã Hải Ninh.

3.3. Xã Tân Dân:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Tân Dân có diện tích tự nhiên 9,63 km² (963,63 ha), dân số 8.586 người; xã Tân Dân có 08 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải và xã Các Sơn; Nam giáp xã Hải Lĩnh; Bắc giáp xã Hải An.

3.4. Xã Hải Lĩnh:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Hải Lĩnh có diện tích tự nhiên 8,42 km² (842,66 ha), dân số 7.863 người; xã Hải Lĩnh có 12 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải; Nam giáp xã Ninh Hải; Bắc giáp xã Tân Dân.

3.5. Xã Ninh Hải:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Ninh Hải có diện tích tự nhiên 6,31 km² (631,64 ha), dân số 6.321 người; xã Ninh Hải có 6 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Hải Nhân; Nam giáp thị trấn Tĩnh Gia; Bắc giáp xã Hải Lĩnh và Định Hải.

3.6. Xã Bình Minh:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Bình Minh có diện tích tự nhiên 6,40 km² (640,82 ha), dân số 11.471 người; xã Bình Minh có 10 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông và xã Hải Thanh; Tây giáp xã Nguyên Bình và Xuân Lâm; Nam giáp xã Hải Bình; Bắc giáp thị trấn Tĩnh Gia.

3.7. Xã Hải Thanh:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Hải Thanh có diện tích tự nhiên 2,76 km² (276,54 ha), dân số 19.440 người, xã Hải Thanh có 07 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Bình Minh; Nam giáp xã Hải Bình và Biển Đông; Bắc giáp xã Bình Minh.

3.8. Xã Xuân Lâm:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Xuân Lâm có tổng diện tích tự nhiên 9,60 km² (960,15 ha), dân số 10.799 người; xã Xuân Lâm có 10 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bình Minh và xã Hải Bình; Tây giáp xã Nguyên Bình; Nam giáp xã Trúc Lâm; Bắc giáp xã Nguyên Bình.

3.9. Xã Trúc Lâm:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Trúc Lâm có diện tích tự nhiên 15,52 km² (1.552,17 ha), dân số 11.125 người; xã Trúc Lâm có 05 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hải Bình và xã Tĩnh Hải; Tây giáp xã Phú Lâm và xã Tùng Lâm; Nam giáp xã Mai Lâm; Bắc giáp xã Xuân Lâm và Nguyên Bình.

3.10. Xã Hải Bình:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Hải Bình có diện tích tự nhiên 9,54 km² (954,26 ha), dân số 14.774 người; xã Hải Bình có 08 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Xuân Lâm và xã Trúc Lâm; Nam giáp xã Tĩnh Hải; Bắc giáp Bình Minh và xã Hải Thanh.

3.11. Xã Hải Thượng:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Hải Thượng có diện tích tự nhiên 24,21 km² (2.421,09 ha), dân số 14.394 người; xã Hải Thượng có 09 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Nghi Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nam giáp xã Hải Hà; Bắc giáp xã Hải Yến, xã Tĩnh Hải.

3.12. Thị trấn Tĩnh Gia:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, thị trấn Tĩnh Gia có diện tích tự nhiên 7,62 km² (762,57 ha), dân số 24.769 người, thị trấn Tĩnh Gia có 06 tổ dân phố và 08 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp các xã Nguyên Bình và Hải Nhân; Nam giáp xã Nguyên Bình và xã Bình Minh; Bắc giáp xã Ninh Hải và xã Hải Nhân.

3.13. Xã Hải Ninh:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, xã Hải Ninh có diện tích tự nhiên 10,14 km² (1.014,05 ha), dân số 15.817 người; xã Hải Ninh có 13 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Thanh Sơn và xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp xã Hải An; Bắc giáp xã Hải Châu và xã Thanh Thủy.

3.14. Xã Nguyên Bình:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Nguyên Bình có diện tích tự nhiên 33,18 km² (3.318,89 ha), dân số 10.070 người; xã Nguyên Bình có 16 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp thị trấn Tĩnh Gia và xã Bình Minh; Tây giáp xã Phú Sơn; Nam giáp các xã Xuân Lâm, Trúc Lâm và Phú Lâm; Bắc giáp xã Hải Nhân và Định Hải.

3.15. Xã Mai Lâm:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Mai Lâm có diện tích tự nhiên 17,79 km² (1.779,67 ha), dân số 10.985 người; xã Mai Lâm có 11 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Tĩnh Hải; Tây giáp xã Tùng Lâm, xã Tân Trường và xã Trường Lâm; Nam giáp xã Hải Thượng và xã Trường Lâm; Bắc giáp xã Trúc Lâm.

3.16. Xã Tĩnh Hải:

Theo số liệu thống kê của huyện Tĩnh Gia, tính đến ngày 31/12/2018, xã Tĩnh Hải có diện tích tự nhiên 6,72 km² (672,59 ha), dân số 11.915 người, xã Tĩnh Hải có 03 thôn.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Mai Lâm và Trúc Lâm; Nam giáp xã Hải Yến và Hải Thượng; Bắc giáp xã Hải Bình.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

1. Phương án thành lập thị xã Nghi Sơn

Thành lập thị xã Nghi Sơn trên cơ sở nguyên trạng 455,61 km²(45.561,40 ha) diện tích tự nhiên và dân số 307.304 người của huyện Tĩnh Gia.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của huyện Tĩnh Gia hiện nay.

2. Phương án thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Phường Hải Châu:

Thành lập phường Hải Châu trên cơ sở nguyên trạng 9,08 km² (908,76 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.195 người của xã Hải Châu.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Châu hiện nay.

2.2. Phường Hải An:

Thành lập phường Hải An trên cơ sở nguyên trạng 6,25 km² (625,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.528 người của xã Hải An.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải An hiện nay.

2.3. Phường Tân Dân:

Thành lập phường Tân Dân trên cơ sở nguyên trạng 9,63 km² (963,63 ha) diện tích tự nhiên và dân số 8.586 người của xã Tân Dân.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Tân Dân hiện nay.

2.4. Phường Hải Lĩnh:

Thành lập phường Hải Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng 8,42 km² (842,66 ha) diện tích tự nhiên và dân số 7.863 người của xã Hải Lĩnh.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Lĩnh hiện nay.

2.5. Phường Ninh Hải:

Thành lập phường Ninh Hải trên cơ sở nguyên trạng 6,31 km² (631,64 ha) diện tích tự nhiên và dân số 6.321 người của xã Ninh Hải.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Ninh Hải hiện nay.

2.6. Phường Bình Minh:

Thành lập phường Bình Minh trên cơ sở nguyên trạng 6,40 km² (640,82 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.471 người của xã Bình Minh.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Bình Minh hiện nay.

2.7. Phường Hải Thanh:

Thành lập phường Hải Thanh trên cơ sở nguyên trạng 2,76 km² (276,54 ha) diện tích tự nhiên và dân số 19.440 người của xã Hải Thanh.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Thanh hiện nay.

2.8. Phường Xuân Lâm:

Thành lập phường Xuân Lâm trên cơ sở nguyên trạng 9,60 km² (960,15 ha) diện tích tự nhiên và dân số 10.799 người của xã Xuân Lâm.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Xuân Lâm hiện nay.

2.9. Phường Trúc Lâm:

Thành lập phường Trúc Lâm trên cơ sở nguyên trạng 15,52 km² (1.552,17 ha) diện tích tự nhiên và dân số 11.125 người của xã Trúc Lâm.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Trúc Lâm hiện nay.

2.10. Phường Hải Bình:

Thành lập phường Hải Bình trên cơ sở nguyên trạng 9,54 km² (954,26 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.774 người của xã Hải Bình.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Bình hiện nay.

2.11. Phường Hải Thượng:

Thành lập phường Hải Thượng trên cơ sở nguyên trạng 24,21 km² (2.421,09 ha) diện tích tự nhiên và dân số 14.394 người của xã Hải Thượng.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Thượng hiện nay.

2.12. Phường Hải Hòa:

Thành lập phường Hải Hòa trên cơ sở toàn bộ 7,62 km² (762,57 ha), dân số 24.769 người của thị trấn Tĩnh Gia.

Trụ sở làm việc: Trước mắt sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của thị trấn Tĩnh Gia hiện nay.

2.13. Phường Hải Ninh:

Thành lập phường Hải Ninh trên cơ sở toàn bộ 10,14 km² (1.014,05 ha) diện tích tự nhiên và dân số 15.817 của xã Hải Ninh.

Trụ sở làm việc: Trước mắt sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hải Ninh hiện nay.

2.14. Phường Nguyên Bình:

Thành lập phường Nguyên Bình trên cơ sở nguyên trạng 33,18 km² (3.318,89 ha) diện tích tự nhiên, dân số 10.070 người của xã Nguyên Bình.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Nguyên Bình hiện nay.

2.15. Phường Mai Lâm:

Thành lập phường Mai Lâm trên cơ sở nguyên trạng 17,79 km² (1.779,67 ha) diện tích tự nhiên, dân số 10.985 người của xã Mai Lâm.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Mai Lâm hiện nay.

2.16. Phường Tĩnh Hải:

Thành lập phường Tĩnh Hải trên cơ sở 6,72 km² (672,59 ha) diện tích tự nhiên, dân số 11.915 người xã Tĩnh Hải.

Trụ sở làm việc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Tĩnh Hải hiện nay.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN

1. Thị xã Nghi Sơn

Thị xã Nghi Sơn có 455,61 km²(45.561,40 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 307.304 người, có 31 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 16 phường: Hải Châu, Hải Bình, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Thượng, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Hòa, Hải Ninh, Nguyên Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm) và 15 xã: Các Sơn, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Anh Sơn, Ngọc Lĩnh, Định Hải, Phú Sơn, Phú Lâm, Tân Trường, Tùng Lâm, Hải Nhân, Nghi Sơn, Trường Lâm, Hải Hà, Hải Yến.

Địa giới hành chính thị xã Nghi Sơn: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp huyện Nông Cống và huyện Như Thanh; Nam giáp huyện Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Quảng Xương.

2. Các phường thuộc thị xã Nghi Sơn

2.1. Phường Hải Châu:

Phường Hải Châu có 9,08 km² (908,76 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 10.195 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương; Tây giáp xã Thanh Thủy; Nam giáp phường Hải Ninh; Bắc giáp xã Quảng Trung và Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

2.2. Phường Hải An:

Phường Hải An có 6,25 km² (625,82 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 6.528 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Tân Dân; Bắc giáp phường Hải Ninh.

2.3. Phường Tân Dân:

Phường Tân Dân có 9,63 km² (963,63 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.586 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải và xã Các Sơn; Nam giáp phường Hải Lĩnh; Bắc giáp phường Hải An.

2.4. Phường Hải Lĩnh:

Phường Hải Lĩnh có 8,42 km² (842,66 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 7.863 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Định Hải; Nam giáp phường Ninh Hải; Bắc giáp phường Tân Dân.

2.5. Phường Ninh Hải:

Phường Ninh Hải có 6,31 km² (631,64 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 6.321 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Hải Nhân; Nam giáp phường Hải Hòa; Bắc giáp phường Hải Lĩnh và xã Định Hải.

2.6. Phường Bình Minh:

Phường Bình Minh có 6,40 km² (640,82 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 11.471 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông và phường Hải Thanh; Tây giáp phường Nguyên Bình và phường Xuân Lâm; Nam giáp phường Hải Bình; Bắc giáp phường Hải Hòa.

2.7. Phường Hải Thanh:

Phường Hải Thanh có 2,76 km² (276,54 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 19.440 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Bình Minh; Nam giáp phường Hải Bình và Biển Đông; Bắc giáp phường Bình Minh.

2.8. Phường Xuân Lâm:

Phường Xuân Lâm có 9,60 km² (960,15 ha) diện tích tự nhiên, quy mô dân số 10.799 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Bình Minh và phường Hải Bình; Tây giáp phường Nguyên Bình; Nam giáp phường Trúc Lâm; Bắc giáp phường Nguyên Bình.

2.9. Phường Trúc Lâm:

Phường Trúc Lâm có 15,52 km² (1.552,17 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 11.125 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hải Bình và phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Phú Lâm và xã Tùng Lâm; Nam giáp phường Mai Lâm; Bắc giáp phường Xuân Lâm và phường Nguyên Bình.

2.10. Phường Hải Bình:

Phường Hải Bình có 9,54 km² (954,26 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 14.774 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Xuân Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp phường Tĩnh Hải; Bắc giáp phường Bình Minh và phường Hải Thanh.

2.11. Phường Hải Thượng:

Phường Hải Thượng có 24,21 km² (2.421,09 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 14.394 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Nghi Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Trường Lâm và xã Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nam giáp xã Hải Hà; Bắc giáp xã Hải Yến và phường Tĩnh Hải.

2.12. Phường Hải Hòa:

Phường Hải Hòa có 7,62 km² (762,57 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 24.769 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Nguyên Bình và xã Hải Nhân; Nam giáp các phường Nguyên Bình và Bình Minh; Bắc giáp phường Ninh Hải và xã Hải Nhân.

2.13. Phường Hải Ninh:

Phường Hải Ninh có 10,14 km² (1.014,05 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 15.817 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp xã Thanh Sơn và xã Ngọc Lĩnh; Nam giáp phường Hải An; Bắc giáp phường Hải Châu và xã Thanh Thủy.

2.14. Phường Nguyên Bình:

Phường Nguyên Bình có 33,18 km² (3.318,89 ha) diện tích tự nhiên , quy mô dân số 10.070 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Hải Hòa và phường Bình Minh; Tây giáp xã Phú Sơn; Nam giáp phường Xuân Lâm, phường Trúc Lâm và xã Phú Lâm; Bắc giáp xã Hải Nhân và xã Định Hải.

2.15. Phường Mai Lâm:

Phường Mai Lâm có 17,79 km² (1.779,67 ha) diện tích tự nhiên, dân số 10.985 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Tĩnh Hải; Tây giáp xã Tùng Lâm, xã Tân Trường và xã Trường Lâm; Nam giáp phường Hải Thượng và xã Trường Lâm; Bắc giáp phường Trúc Lâm.

2.16. Phường Tĩnh Hải:

Phường Tĩnh Hải có 6,72 km² (672,59 ha) diện tích tự nhiên, dân số 11.915 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp Biển Đông; Tây giáp phường Mai Lâm và phường Trúc Lâm; Nam giáp xã Hải Yến và phường Hải Thượng; Bắc giáp phường Hải Bình.

3. Tỉnh Thanh Hóa

Tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích tự nhiên 11.114,65 km², dân số 3.640.128 người; 27 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 02 thành phố: Thanh Hóa, Sầm Sơn, 02 thị xã Bỉm Sơn, Nghi Sơn; 23 huyện: Bá Thước, Cẩm Thủy, Đông Sơn, Hà Trung, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Lang Chánh, Mường Lát, Nga Sơn, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Nông Cống, Quan Hóa, Quan Sơn, Quảng Xương, Thạch Thành, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Thường Xuân, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định (không tăng đơn vị hành chính cấp huyện); 559 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 50 phường (tăng 16 đơn vị), 28 thị trấn (giảm 01 đơn vị), 481 xã (giảm 15 đơn vị).

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHI SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHI SƠN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động của việc thành lập thị xã Nghi Sơn

1.1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội:

1.1.1. Mặt tích cực:

Việc thành lập thị xã Nghi Sơn sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, thu hút được các nhà đầu tư từ trong và ngoài nước; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thị kết nối với ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Khi thành lập thị xã, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá,... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ,... với

điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống của người dân. Đồng thời, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển sẽ góp phần tăng thu ngân sách của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để tăng mức đầu tư cho phúc lợi xã hội.

Khi thành lập thị xã sẽ tạo điều kiện thu hút phát triển ngành thương mại, dịch vụ và du lịch gia tăng do nhiều tiềm năng sẵn có như nhiều di tích và các bãi biển. Bên cạnh đó, với lợi thế đặc biệt của ngành nông nghiệp, Nghi Sơn có nhiều sản phẩm nông sản được công nhận danh hiệu sản phẩm vàng nông nghiệp Việt Nam, khi thành lập thị xã sẽ có cơ hội đầu tư phát triển ngành nông nghiệp sạch, phục vụ nhu cầu của người dân tốt hơn.

1.1.2. Những băn khoăn lo lắng:

Sau khi thị xã được thành lập, sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, nhu cầu lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, an ninh quốc phòng.

Trước mắt, công tác quản lý đô thị bước đầu gặp không ít khó khăn, thách thức như: quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

1.2. Tác động đến quản lý hành chính:

1.2.1. Mặt tích cực:

Thành lập thị xã Nghi Sơn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của huyện, do vậy tổ chức bộ máy của cấp ủy, chính quyền được giữ nguyên và ổn định như hiện nay; không làm tăng biên chế; tổ chức và hoạt động của các phường, xã không thay đổi.

Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn giảm gánh nặng cho công tác quản lý nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng, nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị.

Việc thành lập thị xã Nghi Sơn thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa,

cơ chế một cửa, một cửa điện tử,... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

1.2.2. Những băn khoăn lo lắng:

Do yêu cầu đô thị hóa, số lượng giao dịch hành chính của thị xã Nghi Sơn sẽ tăng, nhất là ở những lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, hộ tịch,... Để tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch hành chính của công dân, cũng như quản lý của cơ quan nhà nước cần phải đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường hiệu quả hoạt động điều hành của chính quyền thị xã; nâng cao chất lượng đội ngũ và tích cực cải tiến lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từ cấp huyện đến cơ sở.

1.3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường:

1.3.1. Mặt tích cực:

Sau khi thị xã Nghi Sơn được thành lập sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư vào xây dựng các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

Việc trở thành công dân của thị xã sẽ đặt ra yêu cầu cho nhân dân trên địa bàn điều chỉnh nếp sống và cách sinh hoạt hiện nay theo hướng văn minh, tiến bộ hơn, phù hợp với mô hình đô thị hóa. Nâng cao ý thức người dân để sớm xây dựng thị xã văn minh, hiện đại. Khi thị xã Nghi Sơn được thành lập, có thêm nhiều công trình phúc lợi xã hội được đầu tư xây dựng góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Thành lập thị xã sẽ là cơ sở để mở rộng phạm vi khu vực nội thành, tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh, sinh thái... Đồng thời đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, làm giảm áp lực lên hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, tạo ra sự cân đối giữa các khu vực nội thị và giữa khu vực nội thị và ngoại thị.

Hệ sinh thái tự nhiên vốn có, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản địa phương sẽ được tập trung quản lý, khai thác hiệu quả hơn khi chính quyền thị xã có sự phân định rõ ràng trong chức năng, nhiệm vụ quản lý.

1.3.2. Những băn khoăn lo lắng:

Thị xã Nghi Sơn được thành lập, người dân sẽ mất khoảng thời gian để thay đổi lại giấy tờ tùy thân, địa chỉ liên lạc cho phù hợp. Bên cạnh đó quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh chóng các ngành công nghiệp sẽ làm tăng khí thải, nước thải sẽ có những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đến sự cân bằng sinh thái; tài nguyên đất bị khai thác triệt để phục vụ xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, có nguy cơ gây ra úng ngập; cùng với nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất ngày càng tăng, vấn đề ô nhiễm nước mặt và nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau do nước công nghiệp, nước

thải sinh hoạt, ao hồ bị san lấp để xây dựng các công trình hạ tầng. Mở rộng diện tích đô thị cũng dẫn đến việc chiếm dụng đất nông nghiệp nhiều hơn; sản xuất công nghiệp phát triển mạnh làm phát sinh một lượng lớn chất thải cần có giải pháp xử lý.

Đô thị hóa làm tăng dòng người di dân từ nông thôn ra thành thị, gây nên áp lực đáng kể về nhà ở, vệ sinh môi trường và bùng nổ giao thông cơ giới gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn. Do vậy, sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn, cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khu xử lý rác thải, chất thải công nghiệp phải được các nhà máy, xí nghiệp xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

1.4. Tác động đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

1.4.1. Mặt tích cực:

Khi thị xã Nghi Sơn được thành lập thì lực lượng công an chính quy sẽ được tăng cường, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, thu hút các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đổ về góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

Các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

b) Những băn khoăn lo lắng:

Sau khi thị xã được thành lập, lưu lượng người nước ngoài và người từ các địa phương khác đến hợp tác, làm ăn, sinh sống, làm việc tại địa bàn tăng cao, đòi hỏi lực lượng công an phải tăng cường công tác quản lý trên địa bàn đối với các đối tượng cư trú, lưu trú, đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an toàn cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn. Bên cạnh đó việc thu hút đầu tư sẽ rất mạnh mẽ, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sẽ tác động đến một số bộ phận nhân dân, từ đó đòi hỏi lực lượng công an phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

1.5. Tác động nguồn vốn đầu tư:

Thành lập thị xã Nghi Sơn về cơ bản không làm phát sinh kinh phí vì đây không phải là trường hợp chia tách để thành lập mới nên không bổ sung biên chế, xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới, ngoài trụ sở làm việc của công an phường đã được bố trí bổ sung trong kế hoạch đầu tư công năm 2020 của thị xã. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển

cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, trước và sau khi thành lập thị xã Nghi Sơn đều rất cần thiết và là quá trình lâu dài. Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thị xã sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, sau khi thành lập thị xã, khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế sẽ tăng nhanh, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, từ đó có nguồn lực tiếp tục cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

1.6. Kiến trúc đô thị và cảnh quan:

1.6.1. Mặt tích cực:

Trên cơ sở điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng huyện đã được phê duyệt. Ủy ban nhân dân thị xã sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn thị xã trong thời gian tới như: thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp điện, viễn thông; phát triển mạng lưới giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới trên cơ sở kế thừa các quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh... sẽ được xây mới đồng bộ hoàn chỉnh theo tình hình phát triển kinh tế của địa phương. Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

Các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo đúng quy hoạch, tiếp thu, áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, kiến trúc hiện đại (hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống ga thu nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cáp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin đi trong hào kỹ thuật...) sẽ tạo ra diện mạo đô thị khang trang, sạch đẹp hơn.

1.6.2. Những băn khoăn lo lắng:

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh chóng các ngành công nghiệp dẫn đến việc tăng số lượng công nhân sẽ làm tăng việc san lấp mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu cho dân cư từ các nơi khác đến làm việc và sinh sống ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường xung quanh. Do vậy, cần phải định hướng phát triển theo hướng bền vững, đồng bộ các vấn đề về kinh tế, kiến trúc, xã hội.

2. Đánh giá tác động của việc thành lập phường

2.1. Tác động về kinh tế - xã hội:

2.1.1. Mặt tích cực:

Thành lập các phường: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Thượng, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Hải Hòa, Hải Ninh, Nguyên Bình, Mai Lâm, Tĩnh Hải thuộc thị xã Nghi Sơn ngoài yếu tố tất yếu khách quan đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của các xã hiện nay thì mặt tích cực khác chính là tạo ra động lực, môi

trường và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn thành kinh tế đô thị với dịch vụ, thương mại, công nghiệp là các ngành sản xuất chính; tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả và sử dụng lực lượng lao động có chất lượng cao, thúc đẩy cơ sở kỹ thuật hạ tầng hiện đại, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, thu hút mạnh đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục thu hút lực lượng lao động có trình độ, linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm như: lao động trong các khu công nghiệp, doanh nghiệp, lao động hoạt động vận tải, người buôn bán lưu động, góp phần giải quyết công ăn việc làm, làm giảm bớt lao động dư thừa, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của các phường và của thị xã.

Thành lập các phường sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng phường cũng như toàn thị xã. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với phát triển công nghiệp mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thị kết nối với ngoại thị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân.

Ngoài ra, việc thành lập phường tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo pháp luật; chuyển dịch được một số lượng lớn lao động nông nghiệp sang làm việc ở lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ; tiếp tục duy trì và nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm; huy động được các nguồn vốn đầu tư vào các công trình hạ tầng đô thị thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân như: nâng cấp mở rộng các tuyến giao thông trên địa bàn phường; tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng giáo dục trường chuẩn Quốc gia và phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia đối với các trường còn lại; tạo cơ chế phù hợp đa dạng hóa hoạt động văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

2.1.2. Những băn khoăn lo lắng

Việc thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn cũng sẽ có những khó khăn nhất định. Đó là nguồn lao động chủ yếu là sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hoá và sự gia tăng cơ học về dân số của quá trình đô thị hóa. Đồng thời, để phát triển mục tiêu cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp địa phương phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế để phù hợp với thực tiễn.

Mặt khác, cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn hạn chế. Một số chế độ chính sách còn nhiều bất cập; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ

dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

2.2. Tác động về quản lý hành chính:

2.2.1. Mặt tích cực:

Thành lập các phường thuộc thị xã Nghi Sơn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính của chính quyền đô thị, góp phần giải quyết khó khăn cho công tác quản lý nhà nước, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng; tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Công tác quản lý nhà nước được thực hiện tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa gắn với xây dựng bộ phận tiếp nhận trả kết quả ở các phường đảm bảo minh bạch, đơn giản hiệu quả và thân thiện... giải quyết công việc nhanh, hiệu quả, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Mô hình chính quyền đô thị các phường ngoài một số các nhiệm vụ như chính quyền cấp xã hiện nay, sẽ có đáp ứng tốt hơn những nhiệm vụ quan trọng khác như quản lý, thực hiện các quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, đất đai môi trường theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

2.2.2. Những băn khoăn lo lắng:

Thay đổi đơn vị hành chính từ xã lên phường sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi,...

Công tác quản lý nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức sẽ lúng túng ban đầu do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

Trước mắt, công tác quản lý đô thị bước đầu gặp không ít khó khăn thách thức như: quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.

2.3. Tác động về môi trường:

Quá trình xây dựng và phát triển các phường sau khi thành lập gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, kéo theo đó môi trường (thiên nhiên) đô thị sẽ bị ảnh hưởng dưới áp lực cuộc sống đô thị công nghiệp. Mức độ ảnh hưởng đến

môi trường tùy thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế và chiến lược bảo vệ môi trường của các phường sau khi được thành lập.

Sự tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp sẽ làm tăng khí thải, bụi, rác thải, nước thải làm biến đổi các thành phần của môi trường không khí, đất, nước,... Khối lượng rác thải rắn tăng lên cùng quá trình đô thị hóa, quá trình phát triển kinh tế, tăng quy mô dân số. Rác thải từ các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, từ các bệnh viện, hộ gia đình. Khi ngành công nghiệp tăng trưởng cả về số lượng, chất lượng và quy mô các nhà máy thì lượng nhiên liệu tiêu dùng tăng làm lượng khí thải ra môi trường tăng... nếu không được kiểm soát chặt chẽ sẽ làm môi trường bị ô nhiễm ngày càng cao. Dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học từ các ngành công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn sẽ gây ra nhiều vấn đề phải giải quyết như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường, cùng với đó số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Do vậy, sau khi thành lập các phường, thị xã Nghi Sơn cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

2.4. Tác động về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

2.4.1. Mặt tích cực:

Với việc thành lập các phường thuộc thị xã sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Cùng với đó, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng lên sẽ góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm. Ngoài ra, hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

2.4.1. Những băn khoăn lo lắng:

Khi thành lập các phường, ngoài các yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số tăng nhanh cơ học, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép,... sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý nhà nước và duy trì các hoạt động thuần túy truyền thống.

2.5. Tác động nguồn vốn đầu tư:

Với vị trí, kinh tế quan trọng, khi trở thành phường sẽ có nhiều điều kiện hơn để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả nguồn lực của nhà nước, của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đồng thời củng cố cơ hội để tham gia chủ động hơn vào quá trình hợp

tác, giao lưu phát triển. Sau khi thành lập các phường cần đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương. Bên cạnh đó với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài khu vực.

2.6. Kiến trúc đô thị cảnh quan:

2.6.1. Mặt tích cực:

Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh... là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng đô thị ra các khu nội thị mới có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự cân đối giữa các khu vực nội thị, giữa khu vực nội thị và ngoại thị.

2.6.2. Những băn khoăn lo lắng

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của phát triển đô thị. Mặt khác, nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất giữa các phường trong thị xã.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

Xây dựng thị xã Nghi Sơn gắn với xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn phù hợp với chiến lược phát triển Quốc gia nói chung và chiến lược phát triển biển Việt Nam nói riêng, thành một khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu với trọng tâm là công nghiệp lọc - hóa dầu và công nghiệp cơ bản; có hệ thống kết cấu hạ tầng - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả; tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực. Đồng thời, chú trọng hoàn thiện mạng lưới giao thông, hệ thống cấp nước sinh hoạt cung cấp đầy đủ nước sạch và giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải đô thị, các khu công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch và quy chế về đô thị.

Giai đoạn đến năm 2025: Hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, triển khai một số công trình hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát

triển kết cấu hạ tầng và sản xuất, kinh doanh. Hình thành đô thị, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

Giai đoạn sau năm 2025: Phát triển đồng bộ về công nghiệp, dịch vụ, thương mại; tài chính; văn hóa - xã hội; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; gắn phát triển kinh tế xã hội với quốc phòng, an ninh. Đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu đô thị sinh thái, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn cao; phát triển theo mô hình đô thị xanh và bền vững; phấn đấu trở thành một khu vực đô thị phát triển năng động và hiện đại. Đồng thời, gia tăng thu nhập dân cư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị thông minh.

Giai đoạn năm 2035: Trở thành “thành phố công nghiệp xanh” hướng tới là đô thị thông minh, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa với quy mô dân số 500.000 người, có môi trường sống tốt, xanh, sạch đẹp, đảm bảo việc làm ổn định cho người dân nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, ổn định kinh tế, gia tăng thu nhập người dân một cách bền vững.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị:

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 80%;
- Diện tích sàn nhà bình quân 32 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố từ 90 - 95%;
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị 23 - 25%;
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu kết nối các khu chức năng khác nhau trong toàn đô thị - đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt 100% với tiêu chuẩn cấp nước đạt 125 lít/người/ngày.đêm;
- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị và 60% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý;
- 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm;
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%;
- 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường;
- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố đạt 100% chiều dài các tuyến đường chính và đạt từ 85% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng;
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 6 m²/người.

2.2. Các chỉ tiêu chính về kinh tế - xã hội:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt từ 65% trở lên;

- Cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 2,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 89,5%, thương mại - dịch vụ chiếm 8%;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 10% trở lên so với HĐND tỉnh giao;
- Giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động;
- Tỷ lệ lao động được đào tạo đạt trên 57%;
- Xây dựng mới các trường đạt chuẩn quốc gia;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5% trở lên (theo chuẩn mới);
- Tỷ lệ tăng dân số dưới 0,85%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 11,5% (giảm 1% tính theo cân nặng);
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm đạt 89% trở lên;
- Đơn vị an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu đạt 95% trở lên.

3. Định hướng phát triển

3.1. Về lĩnh vực phát triển kinh tế:

3.1.1. Công nghiệp - xây dựng:

Phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành khu vực đa ngành lấy công nghiệp nặng, công nghiệp cơ bản làm chủ lực. Xây dựng hiệu quả các tuyến đường giao thông chính, hệ thống cảng biển để thúc đẩy phát triển.

Liên kết thuận lợi với hệ thống giao thông đối ngoại có tính chiến lược trong phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn, kết nối với khu vực Bắc Lào và Đông Bắc Thái Lan. Định hướng với tuyến đường biển quốc tế và cảng Nghi Sơn, khu vực trở thành vị trí trọng yếu và là cửa ngõ quan trọng về lưu chuyển, vận tải hàng hoá (gateway).

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ trong khu kinh tế. Cùng với thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, ưu tiên đầu tư xây dựng cảng biển Nghi Sơn, cảng container Hòn Mê; triển khai nhanh việc xây dựng các khu hậu cần cảng biển như: kho tàng, bến bãi,... xây dựng đồng bộ các cơ sở lý chất thải công nghiệp.

Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Phát triển tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở các ngành nghề truyền thống đã xác lập được vị thế trên thị trường, có lợi thế về nguyên liệu đồng thời lựa chọn du nhập một số ngành nghề mới cho phép tận dụng lợi thế về địa lý, tài nguyên, lao động trên địa bàn. Tập trung xây dựng các khu cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ làm trọng tâm, trọng điểm để từng bước nhân rộng mô hình, tổ chức sản xuất tập trung, hiệu quả, giảm thiểu đầu tư hạ tầng và đảm bảo môi trường.

3.1.2. Thương mại - dịch vụ và du lịch:

Tập trung dịch vụ lưu trú tại khu vực thị xã Nghi Sơn và khu đô thị Hải Ninh, dành các khu vực khác để cung cấp các sản phẩm du lịch khác, đặc biệt là gìn giữ cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, nét văn hóa truyền thống gắn với

các dịch vụ cộng đồng để thu hút du khách, nâng cao giá trị tổng thể của toàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng và sự đa dạng các sản phẩm du lịch trong khu vực nhằm hướng tới thu hút các đối tượng khách du lịch quốc tế, tôn tạo và giữ gìn tối đa các yếu tố thiên nhiên vốn có, các nét văn hoá truyền thống địa phương để tạo ra sự đặc trưng trong các sản phẩm du lịch.

Đối với khu vực từ cửa sông Ghép đến hết xã Hải Thanh là nơi có bãi tắm đẹp gắn với các khu du lịch biển nổi tiếng như Hải Hoà, Tân Dân... phát triển thành khu du lịch với cấu trúc mở và gắn với yếu tố làng nghề, văn hoá lễ hội cũng như yếu tố cộng đồng từ các khu dân cư, làng chài ven biển.

Phát triển du lịch với cấu trúc mở tạo điều kiện để cộng đồng dân cư phát triển các doanh nghiệp dịch vụ quy mô vừa và nhỏ, đẩy nhanh và cân bằng quá trình phát triển dịch vụ du lịch và kinh tế xã hội, nhằm thúc đẩy khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn đóng góp tích cực và hiệu quả vào môi trường hoạt động du lịch chung của toàn tỉnh.

Phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan sẽ đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cho khu kinh tế và toàn khu vực song cần đặc biệt quan tâm đến yếu tố vệ sinh môi trường và bảo tồn cảnh quan tự nhiên cho khu vực vì hầu hết các khu vực hồ này đều là nguồn nước thô chính cung cấp cho nhu cầu nước của toàn Khu kinh tế Nghi Sơn.

Với 35 di tích lịch sử, văn hoá đã được công nhận, 22 lễ hội lớn nhỏ còn duy trì phát huy, các làng nghề truyền thống vẫn được bảo tồn và phát triển, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng cũng đang thu hút được khá nhiều khách thăm quan (đặc biệt là chùa Am Các trên đỉnh núi Các Sơn)... đây là yếu tố hết sức thuận lợi nhằm khôi phục nét văn hoá truyền thống địa phương và góp phần làm đa dạng các sản phẩm du lịch hướng tới thu hút khách du lịch quốc tế và thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Thanh Hoá.

Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, giao thông vận tải và hậu cần. Phát triển dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics; tạo điều kiện thuận lợi để các hãng vận tải biển lớn trong và ngoài nước, các doanh nghiệp logistics nước ngoài có thương hiệu thành lập trụ sở, mở chi nhánh tại Thanh Hóa. Tăng cường kết nối dịch vụ vận tải.

Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư tu sửa, tôn tạo và khai thác các khu di tích lịch sử văn hóa và tín ngưỡng. Triển khai đầu tư đưa vào hoạt động có hiệu quả Khu nghỉ mát Hải Hòa, coi đây làm điểm nhấn cho hệ thống cảnh quan phục vụ du lịch. Đồng thời, từng bước phát triển ngành du lịch theo các loại hình du lịch công vụ, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí và nghỉ cuối tuần.

3.1.3. Nông lâm, ngư nghiệp:

Duy trì và nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp ở quy mô hợp lý, cũng như giá trị cảnh quan của các khu vực sản xuất nông nghiệp để đảm bảo hài

hòa và cân bằng xã hội, đồng thời tạo các sản phẩm du lịch sinh thái nông nghiệp để làm sắc nét thêm định hướng phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng của Khu kinh tế Nghi Sơn.

Quỹ đất nông nghiệp không quá lớn và thuận lợi, nhưng cũng chiếm tỷ trọng đáng kể. Do đó, nhu cầu sử dụng đất đến năm 2035 sẽ có lộ trình cũng như quy mô khai thác, chuyển đổi hợp lý để đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất. Xác định các vùng đất lúa 02 vụ và các vùng đất nông nghiệp có quy mô lớn, có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ để duy trì và phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới.

3.2. Về lĩnh vực môi trường - cảnh quan:

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Ưu tiên quỹ đất vùng trung tâm nội thị xây dựng khu thương mại, du lịch, dịch vụ tổng hợp, hiện đại.

Huy động các nguồn lực, tập trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước... phát triển thị xã Nghi Sơn đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại III vào năm 2025, đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II hướng tới thành lập thành phố.

Đầu tư các dự án xây dựng đường liên kết với Quốc lộ 1A, các tuyến tránh khu vực nội thị thị xã, quy hoạch các bến xe, bãi đỗ xe, nâng cấp đường giao thông tuyến xã, hạ ngầm cấp điện và thông tin. Triển khai xây dựng hệ thống giao thông nông thôn theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại 100% xã. Duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông thường xuyên, đảm bảo giao thông thông suốt.

Tăng cường công tác thu gom, phân loại rác thải đô thị; tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 40%; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường ở các khu vực. Thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường đối với các dự án. Quy hoạch bãi đỗ chất thải rắn thông thường, khu giết mổ gia súc tập trung, xây dựng nghĩa trang và cải tạo khu xử lý rác xã Trường Lâm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu. Phát triển mạng lưới quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan, phòng chống thiên tai, sạt lở đất, lũ quét, cháy rừng. Bảo vệ các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

3.3. Về lĩnh vực đảm bảo đời sống nhân dân:

3.3.1. Văn hóa, thể dục thể thao:

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - thông tin, đưa các phong trào đi vào chiều sâu. Đổi mới diện mạo của văn hóa thị xã theo hướng xây dựng nền văn hóa công nghiệp bảo đảm sự cân đối giữa phát triển kinh tế với văn hóa.

Tiếp tục nâng cao số lượng và chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, trọng tâm là xây dựng làng văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa. Đẩy mạnh phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao, hoạt động thông tin truyền thông, du lịch, gia đình nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ các giá trị văn hóa cho người dân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.

3.3.2. Giáo dục - đào tạo:

Quy hoạch phát triển lĩnh vực giáo dục trên địa bàn thị xã phù hợp với định hướng trong chiến lược phát triển chung của tỉnh Thanh Hóa và phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục của Quốc gia và của tỉnh.

Coi trọng giáo dục và đào tạo giữ vai trò nền tảng, là động lực phát triển toàn diện của thị xã, là yếu tố cơ bản nhất thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thị xã Nghi Sơn đến năm 2020, và định hướng đến năm 2025.

Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; phát huy truyền thống giáo dục với chất lượng cao và toàn diện ở cả 03 cấp học, chuẩn bị nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội.

Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội và cá nhân đối với sự nghiệp giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp giáo dục và nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo.

3.3.3. Lĩnh vực y tế:

Thực hiện quan điểm y tế dự phòng là trọng yếu, không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Khám, chữa bệnh, cấp cứu với chất lượng cao, phấn đấu không để xảy ra tai biến điều trị.

Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa thị xã Tĩnh Gia quy mô 500 giường.

Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn quy mô 300 giường.

Tiếp tục hoàn chỉnh, phát triển mạng lưới y tế cơ sở và tăng cường trang thiết bị hiện đại cho các cơ sở y tế trên địa bàn. Đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trên địa bàn.

3.4. Về lĩnh vực bảo đảm quốc phòng, an ninh:

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đảm bảo việc thực hiện các dự án, công trình hạ tầng không ảnh hưởng đến thế trận phòng thủ của địa phương.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hoàn

thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, tỷ lệ đơn vị dân quân, tự vệ đạt vững mạnh hàng năm.

Xử lý tốt các tình huống, các vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, ngăn chặn và giải quyết kịp thời các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do, phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương.

Chủ động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giải quyết tốt đơn thư khiếu nại tố cáo. Mở rộng mạng lưới an ninh nhân dân đến tận các khu dân cư.

Nâng cao công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.

Đảm bảo chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt các cuộc thanh tra hàng năm gắn với thực hiện nghiêm túc các kết luận thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và các cấp ủy, chính quyền cơ sở, nâng cao nhận thức làm rõ âm mưu, hoạt động của địch và tính chất manh động, nguy hiểm của hoạt động lợi dụng dân tộc thiểu số xâm phạm an ninh Quốc gia, từ đó chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung củng cố cơ sở chính trị ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an toàn Tổ quốc tạo nền tảng vững chắc cho đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

3.5. Lĩnh vực quản lý nhà nước:

Củng cố bộ máy quản lý nhà nước tại các cấp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, ngành, cá nhân. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và đối tượng cần thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị phù hợp với mô hình chính quyền đô thị.

Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức theo chức năng nhiệm vụ mới của mô hình quản lý đô thị.

Nâng cao hiệu quả công tác phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tính chuyên nghiệp của bộ máy chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.

Cải cách, đơn giản hóa tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo, nâng cao nhận thức của quần chúng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ, gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH LẬP THỊ XÃ NGHỊ SƠN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ NGHỊ SƠN

1. Về kinh tế

1.1. Nhiệm vụ:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại dịch vụ - công nghiệp xây dựng - nông nghiệp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng thu nhập bình quân hàng năm; giải quyết tốt việc làm thường xuyên cho người lao động; đồng thời xây dựng cơ sở kinh tế sản xuất, dịch vụ đầy đủ, có năng lực hoạt động cao làm động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững.

Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao hàng năm gắn với chi ngân sách đảm bảo cân đối tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện công khai dân chủ trong việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra kịp thời chấn chỉnh chế độ thu, chi ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước.

1.1.1. Thương mại - dịch vụ, du lịch:

Phát triển các doanh nghiệp phân phối trên địa bàn có quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi về môi trường kinh doanh. Xây dựng thị xã Nghi Sơn trở thành trung tâm thương mại đầu mối của các huyện vùng lân cận; đồng thời phát triển ngành thương mại dịch vụ trên cơ sở nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn, nâng cao trình độ và tính chuyên nghiệp cho đội ngũ lao động, xây dựng ngành thương mại văn minh, hiện đại.

Phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao như: bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, du lịch, tín dụng ngân hàng, y tế, việc làm, các dịch vụ khu công nghiệp, nông nghiệp... trong đó trọng tâm là phát triển hệ thống dịch vụ phù hợp với phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là khu vực 19 phường mới thành lập.

Lập quy hoạch và có kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng, xây dựng, nâng cấp các trung tâm thương mại và chợ truyền thống, các chợ trung tâm cấp phường, xã, khu dân cư. Xây dựng mạng lưới chợ nông thôn với sự tham gia của các thành phần kinh tế và đa dạng các loại hình tổ chức phân phối.

1.1.2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Duy trì phát triển các ngành công nghiệp chủ lực; tập trung phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh. Tạo điều kiện thuận lợi xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nghi Sơn; mời gọi đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp vệ tinh. Xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất quy mô lớn gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội thị, tập chung phát triển các ngành công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường, hiện đại, công nghệ cao, có giá trị kinh tế lớn, thu hút được nguồn lao động tại địa phương, quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ công nghiệp.

1.1.3. Nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nâng cao tỉnh Thanh Hóa.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất thực hiện chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nhằm tăng hiệu quả kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

1.2. Giải pháp:

1.2.1. Thương mại - dịch vụ:

Rà soát quy hoạch giao thông gắn với việc phát triển hạ tầng thương mại nông thôn, bảo đảm nối liền mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị với các trục lộ, tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và phương tiện vận chuyển.

Tiếp tục mời gọi đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị theo quy hoạch. Tạo điều kiện và mời gọi đầu tư để phát triển hệ thống phân phối, đại lý cung cấp hàng hóa xứng tầm với đô thị hạt nhân của vùng; đồng thời vận động thành lập các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vào hệ thống phân phối, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhanh mạng lưới tổng đại lý cung ứng phân phối vật tư, hàng tiêu dùng và thu mua tiêu thụ nông sản khu vực nông thôn.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ các khu công nghiệp (suất ăn công nghiệp, xe đưa đón công nhân, nhà ở cho công nhân,...) phối hợp với các khu du lịch biển và khu sinh thái, nâng cấp nhà nghỉ, khách sạn; mời gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng khách sạn phục vụ các khu công nghiệp, khu đô thị.

Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động các loại hình dịch vụ gồm: ngân hàng, vận tải, giáo dục, y tế, bưu chính - viễn thông, điện, nước,... phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của phát triển đô thị. Tăng cường công tác quản lý dịch vụ ăn, uống giải khát, thực hiện khuyến khích phát triển gắn với tăng cường quản lý, kiểm tra điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Rà soát, triển khai xây dựng các chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đồng thời đẩy mạnh việc mời gọi các thành phần khác tham gia đầu tư các chợ theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn. Rà soát nhu cầu thực tế của người dân vào hoạt động mua bán tại các chợ để triển khai lộ trình xây dựng các chợ, đảm bảo về quy mô theo quy định và hoạt động đạt hiệu quả.

Phối hợp các Sở, Ngành của tỉnh tăng cường xúc tiến thương mại thông qua các chương trình giao lưu, hội thảo, các kênh truyền thông nhằm mời gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thị xã, cũng như quảng bá hình ảnh các sản phẩm nông nghiệp có giá trị xuất khẩu cao, mang đặc thù của địa phương. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cuộc

vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phối hợp tổ chức chương trình “Tuần hàng Việt Nam” và các phiên chợ “Hàng Việt về nông thôn”.

1.2.2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Phối hợp với các Sở, Ngành của tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công phù hợp với điều kiện và tình hình kinh tế của địa phương nhằm đạt hiệu quả thiết thực hơn trong nhận thức, tạo động lực khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn phát triển bền vững, đóng góp vào tăng trưởng chung của ngành công nghiệp trong giai đoạn mới; vận động thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế vào các khu, cụm công nghiệp các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học, điện tử, các ngành có lợi thế cạnh tranh gắn với công nghệ hiện đại, tạo thêm việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển những sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ lớn; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Thu hút các ngành công nghiệp phù hợp với đặc điểm địa phương. Đẩy mạnh hoàn thiện, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hoàn thành hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn quy định. Đôn đốc các chủ đầu tư sớm hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nghi Sơn; phối hợp các Sở, Ngành của tỉnh đẩy mạnh các biện pháp thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh khu công nghiệp, qua đó thu hút lao động từ các nơi khác và lao động ở địa phương. Tập trung hỗ trợ việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không phù hợp với quy hoạch đô thị, thuộc diện cần di dời ra khỏi khu dân cư, khu quy hoạch đô thị vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập chung để ổn định sản xuất.

1.2.3. Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Tổ chức thực hiện tốt công tác khuyến nông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong sản xuất; phối hợp với các đơn vị hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất theo công nghệ VietGap; khuyến khích người dân phát triển mô hình rau an toàn trong nhà lưới nhằm đáp ứng nhu cầu rau xanh và vệ sinh an toàn thực phẩm cho thị xã và các khu lân cận. Đồng thời, liên hệ với các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn bố trí, tạo điều kiện hỗ trợ người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ đưa các sản phẩm vào thị trường tiêu thụ.

Rà soát các diện tích cây trồng trên địa bàn, đối với các diện tích, loại cây trồng không mang lại hiệu quả kinh tế cao thì xây dựng cũng như hướng dẫn người dân áp dụng chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm đảm bảo năng

suất, chất lượng, hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân.

Tiếp tục rà soát các quỹ đất trên địa bàn, đề xuất xây dựng các vùng quy hoạch chăn nuôi, địa điểm giết mổ tập chung nhằm triển khai có hiệu quả và kiên quyết di dời các cơ sở, trang trại chăn nuôi vào vùng quy hoạch, phát triển theo hướng công nghiệp an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả và nhân rộng dự án nâng cao năng lực cạnh tranh ngành chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm để hỗ trợ sản xuất chăn nuôi theo hướng hiệu quả, bền vững, ủng hộ gắn kết thị trường; tăng cường công tác thú y, quản lý hoạt động kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch.

Chủ động phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để xây dựng các chương trình đào tạo nghề phù hợp, sát với nhu cầu thực tế của các đơn vị nhằm giải quyết việc làm cho người dân trên địa bàn; phát triển các ngành nghề nông thôn nhằm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, chú trọng phát triển nghề nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu.

Nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp. Khuyến khích đầu tư hiện đại hóa khâu bảo quản chế biến sản phẩm ngành nông nghiệp nhằm hạn chế tổn thất sau thu hoạch. Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Đồng thời liên hệ, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ góp phần đẩy mạnh sản xuất và tháo gỡ khó khăn cho nông dân.

Phối hợp với các chủ đầu tư đẩy mạnh xây dựng các công trình cấp nước sạch vùng nông thôn theo hình thức xã hội hóa; sửa chữa, nâng cấp các hệ thống thủy lợi, nâng cao độ ổn định, hiệu quả trong việc cung cấp nước phục vụ nhu cầu sản xuất của người dân trên địa bàn. Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

2. Quy hoạch xây dựng

2.1. Nhiệm vụ:

Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng đô thị thị xã Nghi Sơn giai đoạn 2020 - 2030, giai đoạn 2030 - 2035 và định hướng đến 2050.

Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

Rà soát, lập và điều chỉnh bổ sung các nội dung quy hoạch đã được duyệt để phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, phù hợp với chức năng và tính chất đô thị theo xu hướng phát triển hiện đại và bền vững.

Triển khai lập và thực hiện quy hoạch các khu đô thị, phân khu chức năng, khu dân cư; các dự án trung tâm văn hóa, trung tâm thương mại và dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí,... Nhằm tạo không gian kiến trúc đô thị mang sắc thái của đô thị "xanh - văn minh - hiện đại".

Triển khai đầu tư xây dựng các dự án theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương. Phát triển nhà ở đô thị theo dự án phù hợp với quy hoạch, đảm bảo có hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng chỗ ở và phát triển đô thị bền vững.

Hoàn thành quy định quản lý quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc đô thị; quản lý và sử dụng hiệu quả các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị và hạ tầng liên đô thị; kiến trúc, cảnh quan, môi trường, đất đai, nhà ở đô thị; đặc biệt là các công trình phúc lợi công cộng đô thị như quảng trường, công viên, cây xanh, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa.

2.2. Giải pháp:

Phối hợp các đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá và dự báo các yếu tố tác động đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thị xã trong tương lai. Từ đó, xây dựng và lựa chọn phương án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, định hướng phát triển đô thị gắn với xây dựng các khu thương mại - dịch vụ, các điểm dịch vụ văn hóa, làng nghề.

Rà soát tổng thể các tiêu chí về kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, hạ tầng, kiến trúc cảnh quan đô thị. Từ đó có giải pháp khắc phục những tiêu chí còn thiếu, còn yếu và khai thác các điểm mạnh để thực hiện điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng đô thị thị xã giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; rà soát điều chỉnh, lấy ý kiến những nội dung quy hoạch chưa hợp lý để đảm bảo sự phát triển của thị xã đúng với mục tiêu đề ra.

Hoàn thành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên phạm vi toàn thị xã; kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển của thị xã theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050, các đồ án Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và Quy hoạch nông thôn mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện và quản lý việc xây dựng, cải tạo nhà ở riêng lẻ tại khu vực đô thị theo đúng kế hoạch, kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cảnh quan, môi trường và các quy định khác của pháp luật. Đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nhà ở đô thị theo quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng trái phép, không đúng quy hoạch, tình trạng gây mất trật tự, mỹ quan đô thị nhằm từng bước chỉnh trang xây dựng đô thị ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Hàng năm, phối hợp với các Sở, Ngành của tỉnh có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý xây dựng, quản lý đô thị cho cán bộ công chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc thị xã và các xã, phường để nâng cao năng lực quản lý trong lĩnh vực đô thị. Thường xuyên chọn cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát huy sở trường của từng cán bộ để bố trí, sắp xếp đúng người, đúng việc, phù hợp

với yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch các Ngành, các địa phương.

3. Phát triển đô thị

3.1. Nhiệm vụ:

Lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình và triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị đảm bảo các tiêu chí của thị xã.

3.1.1. Giai đoạn đến năm 2025:

Cải tạo chỉnh trang khu vực nội thị hiện hữu và nâng cấp hạ tầng các khu trung tâm của 16 phường (Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Thượng, Bình Minh, Hải Thanh, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Hải Hòa, Hải Ninh, Nguyễn Bình, Mai Lâm, Tĩnh Hải) mới thành lập.

Xây dựng và hoàn thiện các công trình trọng điểm, các dự án có tầm quan trọng tạo bước đột phá để phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị Nghi Sơn.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt chuẩn đô thị loại III; xây dựng mạng lưới giao thông nội thị đồng bộ với mạng lưới cấp thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh đô thị, khu xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn; xây dựng hạ tầng khu đô thị mới gắn với các tuyến phố văn minh đô thị và không gian giải trí công cộng. Đồng thời ưu tiên xây dựng hoàn thiện mạng lưới giao thông liên kết đô thị Nghi Sơn với các đô thị, các huyện trong tỉnh Thanh Hóa.

3.1.2. Giai đoạn 2026 - 2030:

Xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại III, lập kế hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị mới; thiết kế đô thị đảm bảo không gian sinh hoạt cộng đồng, quảng trường công cộng, các trục đường chính đô thị văn minh - hiện đại. Xây dựng mới các trung tâm giao thương cấp vùng, trung tâm đào tạo nghề, các khu, cụm công nghiệp phụ trợ... gắn với các tuyến hành lang giao thông Quốc gia Quốc lộ 1A, Quốc lộ 36.

3.2. Giải pháp:

3.2.1. Giai đoạn đến năm 2025:

Xác định, lựa chọn, triển khai các dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa, tầm quan trọng trong từng ngành, lĩnh vực, đáp ứng được các tiêu chí phù hợp với mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã giai đoạn đến năm 2025, đảm bảo có tính khả thi về kinh tế kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, khả năng cân đối nguồn và thu hút vốn đầu tư để hoàn thành theo tiến độ trong giai đoạn 2018 - 2025.

Xác định thời gian triển khai và hoàn thành các dự án, nguồn vốn, kinh phí và các điều kiện cần thiết để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch, chủ động lập và thẩm định hồ sơ đề án, liên hệ, đôn đốc các chủ đầu tư tích cực giải tỏa mặt bằng để kịp thời triển khai thi công các dự

án đúng tiến độ đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát chất lượng thi công công trình thực hiện đúng các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

Phối hợp các chủ đầu tư triển khai xây dựng một số công trình trọng điểm, các dự án có tầm quan trọng tạo bước đột phá cho sự phát triển kinh tế của thị xã, nhất là các công trình, dự án ở các vị trí đặc biệt tạo cảnh quan, điểm nhấn cho đô thị như công viên cây xanh thị xã; trung tâm văn hóa – thể thao, trung tâm thương mại, quảng trường...; triển khai các dự án khu đô thị mới, khu dân cư, các dự án trên địa bàn các phường mới thành lập và khu vực trung tâm các xã còn lại theo mô hình sinh thái, tiện nghi, đồng bộ về hạ tầng, hài hòa với khu nội thị và nông thôn. Tập chung triển khai xây dựng các khu nhà ở xã hội, khu ở tái định cư. Tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng và thực hiện chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật cho cộng đồng dân cư đô thị, để người dân biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác quản lý đô thị. Tiếp tục tuyên truyền, giải thích, vận động người dân tự nguyện, tự giác tham gia phong trào thi đua, trên cơ sở kế hoạch, mục tiêu cụ thể, rõ ràng với các hình thức thi đua phong phú, hấp dẫn, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, có tiêu chí cụ thể, nội dung thiết thực, chống hình thức, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của quần chúng nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải tích cực, gương mẫu đi đầu tham gia các phong trào.

3.2.2. Giai đoạn 2026 – 2030:

Dựa trên cơ sở hạ tầng được hoàn thiện và đồng bộ, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các lĩnh vực khác đáp ứng sự phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các chính sách ưu đãi là tiền đề thu hút lực lượng lao động giúp tăng dân số cơ học và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong đô thị nhằm đáp ứng chỉ tiêu dân số trong việc phát triển thị xã Nghi Sơn là đô thị loại III. Xây dựng kế hoạch cải tạo nâng cấp hạ tầng khu vực đô thị hiện hữu và hạ tầng các khu vực trung tâm xã, hoàn thiện các công trình trọng điểm, dự án có tầm quan trọng tác động đến phát triển kinh tế của thị xã.

4. Tài nguyên - môi trường

4.1. Nhiệm vụ:

Hoàn thành việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân trên địa bàn; tăng cường quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước và khoáng sản; nâng cao năng lực trong công tác lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn, phân bổ hợp lý quỹ đất theo chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tổ

chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm; ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, việc hành nghề khoan khai thác nước dưới đất.

4.2. Giải pháp:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý tài nguyên, khoáng sản; đẩy mạnh phân cấp trong việc quản lý và cấp phép khai thác các loại khoáng sản thông thường; xây dựng lộ trình hạn chế, tiến tới chấm dứt khai thác ở những nơi gây ô nhiễm môi trường.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường trên các dòng sông theo hướng di chuyển các nhà máy ra khỏi khu vực giáp dòng sông; sớm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, công trình xây dựng, đô thị và khu vực nông thôn, nhất là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của xã hội trong bảo vệ môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ mới trong xử lý ô nhiễm môi trường và khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất.

Chú trọng nội dung bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển các ngành, lĩnh vực. Bảo vệ chặt chẽ rừng phòng hộ, nhất là những nơi xung yếu; quan tâm phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học. Khuyến khích sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch.

Đẩy mạnh công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường quản lý tài nguyên nước, từng bước hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng khai thác nguồn nước, xả nước thải vào nguồn nước không có giấy phép. Xây dựng và bổ sung các khu xử lý nước thải tại Khu kinh tế Nghi Sơn theo định hướng quy hoạch. rà soát, đình chỉ triển khai các dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, gây mất an toàn cho sản xuất và đời sống nhân dân.

5. Quốc phòng, an ninh

5.1. Nhiệm vụ:

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiến hành xây dựng các công trình phòng thủ cho các thành

phần cơ bản của thể trận phòng thủ khu vực trên phạm vi toàn thị xã, tiến hành xây dựng theo từng giai đoạn, ưu tiên các công trình phòng thủ trên các hướng phòng thủ và các khu vực quan trọng; thao trường huấn luyện, trường bắn bộ binh, trung đội dân quân thường trực Khu kinh tế Nghi Sơn. Xây dựng quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, đủ về số lượng và chất lượng, được trang bị kỹ thuật hiện đại, đảm bảo vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Xây dựng và nâng cao chất lượng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, hạn chế và giảm thiểu các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của nhân dân và các vấn đề phức tạp khác nảy sinh.

Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp công tác công an, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần ổn định an ninh chính trị, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội. Chú trọng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

5.2. Giải pháp:

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc, có chất lượng Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

Ban chỉ huy quân sự thị xã tham mưu cho Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã triển khai tốt các quy định của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ và hoạt động của các lực lượng trong phòng thủ khu vực. Giai đoạn 2019 - 2025 xây dựng và triển khai thực hiện đề án xây dựng các khu vực phòng thủ, trong đó hoàn thành xây dựng xong Sở Chỉ huy trong khu vực phòng thủ; giai đoạn 2025 - 2030 từng bước xây dựng hoàn thành khu vực phòng thủ then chốt, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và các công trình, căn cứ chiến đấu, các công trình phòng thủ dân sự trong khu vực phòng thủ thị xã. Tổ chức tốt công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, diễn tập khu vực phòng thủ và phối hợp diễn tập với các đơn vị chủ lực theo chỉ đạo của trên.

Công an, quân sự thị xã tiếp tục thực hiện các chương trình hành động giữa công an, quân sự với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, khu phố, thôn, xóm, địa bàn dân cư an toàn về an ninh trật tự, gắn với xây dựng khu phố văn hóa.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

6.1. Nhiệm vụ:

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, đối với công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng và toàn xã hội để xây dựng và phát triển thị xã nhanh, bền vững.

Đẩy mạnh việc phát huy dân chủ trong quá trình phát triển đô thị. Xây dựng hệ thống chính trị từ thị xã đến cơ sở vững mạnh và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tập chung đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có trình độ và năng lực, nhất là năng lực thực tiễn; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm đảm nhận các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị của thị xã.

Thực hiện đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân gắn với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, tăng cường công tác phản biện xã hội, nhằm tạo sự đồng thuận toàn xã hội, góp phần xây dựng và phát triển thị xã.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục ở một số lĩnh vực trọng tâm: đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, y tế, giáo dục, chính sách xã hội, bảo hiểm,... bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức từ 85% trở lên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân, doanh nghiệp.

Thực hiện cải cách hành chính, tập trung khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính, đổi mới và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Cải tiến phương thức làm việc của bộ máy chính quyền các cấp theo hướng công khai, minh bạch, chống nhũng nhiễu, cửa quyền; quy định chế độ công khai để nhân dân và các tổ chức xã hội giám sát hoạt động của các cán bộ, công chức.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và cải cách mạnh mẽ môi trường đầu tư, phân cấp mạnh, rõ ràng công tác đầu tư, quản lý đô thị cho thị xã, khai thác hiệu quả các nguồn lực tại chỗ để ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển; thực hiện tốt chính sách xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm,... để thu hút đầu tư; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng để hình thành các thành phần kinh tế phát triển nhanh và hiệu

quả. Tổ chức tốt và đa dạng các hình thức huy động vốn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm.

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế khoán biên chế và kinh phí tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan đơn vị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành các cơ quan; nhất là thực hiện chế độ một cửa, một cửa liên thông. Đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các phường, xã. Đổi mới phương thức và lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

6.2. Giải pháp:

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục rà soát, mẫu hóa tối đa các hồ sơ, giấy tờ, tạo thuận lợi và rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, công dân. Đổi mới nội dung, phương thức chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt, cương quyết và có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những khâu then chốt để tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu quy hoạch đề ra.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong chỉ đạo điều hành, thực hiện nhiệm vụ; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc gây khó khăn, phiền hà khi giải quyết công việc cho tổ chức, công dân. Tăng cường kiểm tra các cấp, các ngành trong việc ban hành và thực hiện quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành và xếp loại cán bộ, công chức, xử lý nghiêm các đơn vị không ban hành tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức của đơn vị mình. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; thường xuyên giữ mối liên hệ để tranh thủ tốt nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và công bố công khai các thủ tục hành chính. Thực hiện có hiệu quả 3 không trong giải quyết công việc cho doanh nghiệp và công dân: không gây phiền hà, sách nhiễu; không trả hồ sơ quá 1 lần trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và trình duyệt dự án; không trễ hẹn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng ISO vào công tác quản lý, điều hành.

Tăng cường thanh tra, nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng, tập trung vào các giải pháp phòng ngừa. Thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, định mức quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, LỰC LƯỢNG CÔNG AN CHÍNH QUY, TÒA ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thị xã Nghi Sơn:

Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Tĩnh Gia hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế 10% từ nay đến năm 2021 theo quy định của Đảng và Nhà nước.

1.2. Đối với các phường mới thành lập:

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021. Đồng thời, thị xã sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thị xã Nghi Sơn cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã hiện tại. Thị xã sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức Địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế 10% từ nay đến năm 2021 theo quy định của Đảng và Nhà nước.

1.3. Đối với các xã còn lại:

Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế 10% từ nay đến năm 2021 theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Phương án tổ chức bộ máy công an thị xã Nghi Sơn

2.1. Tổ chức bộ máy Công an thị xã Nghi Sơn:

2.1.1. Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy

Công an thị xã Nghi Sơn do Trưởng Công an xã chỉ huy, các Phó Trưởng Công an thị xã.

2.1.2. Tổ chức bộ máy của Công an thị xã Nghi Sơn được giữ nguyên như Công an huyện Tĩnh Gia hiện nay, gồm 09 đội công tác:

- Đội Tổng hợp;
- Đội An ninh;
- Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- Các Đội thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- Đội Cảnh sát giao thông;
- Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

2.2. Triển khai thành lập Công an các phường thuộc thị xã Nghi Sơn:

2.2.1. Thành lập Công an phường Hải Châu:

Phường Hải Châu có dân số là 10.195 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.2. Thành lập Công an phường Hải An

Phường Hải An có dân số là 6.528 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải An do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải An, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải An thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.3. Thành lập Công an phường Tân Dân

Phường Tân Dân có dân số là 8.586 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.4. Thành lập Công an phường Hải Lĩnh

Phường Hải Lĩnh có dân số là 7.863 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.5. Thành lập Công an phường Ninh Hải

Phường Ninh Hải có dân số là 6.321 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.6. Thành lập Công an phường Bình Minh

Phường Bình Minh có dân số là 11.471 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.7. Thành lập Công an phường Hải Thanh

Phường Hải Thanh có dân số là 19.440 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.8. Thành lập Công an phường Xuân Lâm

Phường Xuân Lâm có dân số là 10.799 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.9. Thành lập Công an phường Trúc Lâm

Phường Trúc Lâm có dân số là 11.125 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.10. Thành lập Công an phường Hải Bình

Phường Hải Bình có dân số là 14.774 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.11. Thành lập Công an phường Hải Thượng

Phường Hải Thượng có dân số là 14.394 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.12. Thành lập Công an phường Hải Hòa

Phường Hải Hòa có dân số là 24.769 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;

- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.13. Thành lập Công an phường Hải Ninh

Phường Hải Ninh có dân số là 15.817 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;

- Tổ Cảnh sát khu vực;

- Tổ Cảnh sát trật tự;

- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.14. Thành lập Công an Nguyên Bình

Phường Nguyên Bình có dân số là 10.070 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;

- Tổ Cảnh sát khu vực;

- Tổ Cảnh sát trật tự;

- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.15. Thành lập Công an phường Mai Lâm

Phường Mai Lâm có dân số là 10.985 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;

- Tổ Cảnh sát khu vực;

- Tổ Cảnh sát trật tự;

- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

2.2.16. Thành lập Công an phường Tĩnh Hải

Phường Tĩnh Hải có dân số là 11.915 người. Do đó, dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy và biên chế như sau:

a) Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy: Công an phường Hải Châu do Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 02 Phó Trưởng Công an phường.

b) Tổ chức bộ máy Công an phường Hải Châu, gồm:

- Tổ Tổng hợp;
- Tổ Cảnh sát khu vực;
- Tổ Cảnh sát trật tự;
- Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

c) Biên chế của Công an phường Hải Châu thực hiện theo trên cơ sở điều động trong lực lượng công an tỉnh, không làm phát sinh số lượng.

3. Thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện lập đề án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn sau khi lên thị xã theo quy định, để sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết thành lập thị xã Nghi Sơn thì báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

V. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ²

1. Nhu cầu vốn tổng hợp toàn chương trình

Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội để xây dựng thị xã Nghi Sơn thành trung tâm tỉnh lý hiện đại, văn minh và phát triển bền vững đòi hỏi lượng vốn đầu tư rất lớn, ước nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn từ nay đến năm 2020 khoảng 8.292 tỷ đồng; trong đó:

- Vốn cho các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng trong các khu dân cư và đô thị hiện hữu khoảng 2.883 tỷ đồng.
- Vốn cho dự án phát triển mới các khu đất xây dựng đô thị lân cận các khu dân cư hiện hữu khoảng 2.360 tỷ đồng.
- Vốn cho xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc... khoảng 3.049 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn

Dự tính nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 1.660 tỷ đồng chiếm khoảng 20% tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng đô thị; phần còn lại địa phương sẽ huy động từ các nguồn sau:

²Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 – 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Nguồn vốn từ các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế, xác định rõ các công trình, dự án ưu tiên, kêu gọi vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế, thu hút mạnh các nguồn vốn để phát triển kết cấu hạ tầng. Áp dụng các chính sách ưu đãi như miễn, giảm một số loại thuế: miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất; hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư. Tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án thuộc chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp bằng nhiều phương thức: BOT, BT, PPP.... Dự tính khoảng 5.800 tỷ đồng chiếm 70% tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn từ nhân dân (nhà ở của nhân dân) dự tính khoảng 832 tỷ đồng, chiếm 10% tổng nguồn vốn. Phát huy nguồn vốn xã hội hóa để tăng cường chất lượng sống trong các khu dân cư. Vận động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực vào phát triển hạ tầng đô thị: xây dựng nhà ở, tạo quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng, trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi cư trú, tham gia đóng góp vật liệu, ngày công vào xây dựng hạ tầng kỹ thuật như vỉa hè, đường khu dân cư, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng ngõ, phố,...

3. Giải pháp về nguồn vốn

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư trên cần có hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, chủ động và đồng bộ, trong đó tập trung vào các giải pháp như sau:

3.1. Vốn ngân sách nhà nước:

Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tích cực đấu nối với các Bộ, Ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, công nghiệp, cảng biển, du lịch, quốc phòng, an ninh... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của Bộ, Ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp.

3.2. Vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 02/NQ-TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Chương trình hành động của UBND tỉnh về cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư. Tích cực và chủ động lựa chọn các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao để tập trung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm, các Khu công nghiệp và các

trục phát triển. Nhanh nhạy và tranh thủ kịp thời sự ủng hộ của Chính phủ, các Bộ, Ngành để thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài có tiềm năng về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Củng cố và mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn, ngân hàng và các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác về đầu tư. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức BOT, PPP.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Các ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ với các nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác GPMB, bàn giao đất cho các nhà đầu tư đúng tiến độ. Đồng thời, tăng cường kiểm tra tình hình thực hiện của các dự án đầu tư trực tiếp, kiên quyết thu hồi các dự án không chấp hành các quy định của pháp luật; dự án thực hiện chậm so với cam kết mà không có lý do chính đáng, để tạo môi trường đầu tư lành mạnh, công bằng, minh bạch cho các nhà đầu tư.

4. Định hướng sử dụng nguồn vốn

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư, cần tập trung thực hiện các biện pháp phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư theo định hướng như sau:

4.1. Vốn ngân sách nhà nước:

Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng, không đầu tư lan trải, phân tán, thiếu đồng bộ. Hạn chế tối đa xây dựng mới trụ sở các cấp, ban, ngành; đồng thời, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp: hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp tập trung, các công trình cấp, thoát nước, xử lý môi trường; nâng cấp các hồ, đập, đê sông, đê biển, các công trình thủy lợi; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh theo cơ chế ưu đãi khuyến khích đầu tư.

Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn ngân sách Trung ương, TPCP, vốn ODA đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội. Tiếp tục cải tạo, mở rộng mạng lưới điện các khu công nghiệp.

4.2. Vốn ngoài ngân sách nhà nước: Tập trung thu hút nguồn vốn này vào các ngành, các lĩnh vực như:

- Các ngành công nghiệp: ưu tiên thu hút sản xuất hóa chất, sau lọc hóa dầu, phụ trợ lọc hóa dầu; điện tử viễn thông; luyện kim; cơ khí chế tạo... hạ tầng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng biển;
- Xây dựng khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí...;
- Sản xuất, chế biến thủy hải sản;

- Sản xuất và chế biến nông, lâm sản.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và việc mở rộng không gian đô thị đã có những tác động nhiều mặt đến sự phát triển của thị trấn Tĩnh Gia và các xã: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Bình Minh, Hải Thanh, Hải Thượng, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Bình, Hải Ninh, Nguyên Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Thành lập các phường: Hải Châu, Hải An, Hải Hòa, Xuân Lâm, Trúc Lâm, Hải Thượng, Hải Bình, Tĩnh Hải, Mai Lâm, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Ninh Hải, Hải Ninh, Tân Dân, Hải Lĩnh sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng của các xã; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Tĩnh Gia là đô thị trung tâm của tỉnh Thanh Hóa và vùng kinh tế Nam Thanh - Bắc Nghệ, có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc thành lập thị xã Nghi Sơn trực thuộc tỉnh là phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2018 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; phù hợp với chủ trương Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; đồng thời cùng tạo điều kiện thuận lợi cho huyện Tĩnh Gia có cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân, đáp ứng nguyện vọng của đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Thanh Hóa nói chung và nhân dân huyện Tĩnh Gia nói riêng./.

UBND TỈNH THANH HÓA

PHỤ LỤC 02.01

Đánh giá cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Châu theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	7,75	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	79,35	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,87	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,65	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	2	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,29	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	21,27	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	712,1	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	95,1	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	96,8	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,27	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	19,43	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	86,06	Đạt

PHỤ LỤC 02.02

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải An. theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,59	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,05	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,91	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,55	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	3,99	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	33,64	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	614,1	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	93,8	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	93,4	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	4,04	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	21,2	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	80,42	Đạt

PHỤ LỤC 02.03

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Tân Dân theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,65	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,85	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,93	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,54	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,69	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	25,05	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	438,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	96,1	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	94,2	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,5	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	20,25	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	85,28	Đạt

PHỤ LỤC 02.04

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Lĩnh theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,49	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,7	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,81	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,62	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	3,73	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	35,14	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	563,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	93,3	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	94,5	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,85	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	19,9	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	81,83	Đạt

PHỤ LỤC 02.05

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Ninh Hải theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,66	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	71,14	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,89	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,81	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,69	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	24,49	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	625	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	97,4	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	98,8	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,52	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	22,88	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	90,04	Đạt

PHỤ LỤC 02.06

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Bình Minh theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Đủ	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,52	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	74,27	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,73	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,57	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,72	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	27,22	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	440,7	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	98,5	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	5,07	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	22,13	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	91,16	Đạt

PHỤ LỤC 02.07

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Thanh theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	7,82	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	94,65	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,71	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,52	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	3,21	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	11,81	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	640,7	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	93,8	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	92,5	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	5,06	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	19,94	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	87,07	Đạt

PHỤ LỤC 02.08

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Xuân Lâm theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	7,59	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	78,21	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,76	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,64	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,23	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	14,42	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	513,6	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	97,1	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,87	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	23,32	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	87,44	Đạt

PHỤ LỤC 02.09

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Trúc Lâm theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,53	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,73	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,64	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,44	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	16,73	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	503,3	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	92,5	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	96,5	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,78	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	21,08	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	85,3	Đạt

PHỤ LỤC 02.10

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Bình theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	5,02	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	90,89	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,72	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,59	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,13	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	17,14	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	782,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	94	Đạt
10	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,18	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	22,2	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	87,69	Đạt

PHỤ LỤC 02.11

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Thượng theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	7,68	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,04	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,72	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,51	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,22	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	18,21	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	531,8	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	94,9	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	93,8	Đạt
10	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,22	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	21,19	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	81,11	Đạt

PHỤ LỤC 02.12

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Tĩnh Gia theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	6,57	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	82,39	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,76	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	2	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,97	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	3	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	4,38	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	16,12	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	615,3	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	98,2	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	13,53	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	23,43	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	90,97	Đạt

PHỤ LỤC 02.13

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hải Ninh theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,48	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	78,24	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	3,15	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	2	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,54	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	2	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,61	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	23,09	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	618,7	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	91,1	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	95,1	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,76	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	18,82	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	80,28	Đạt

PHỤ LỤC 02.14

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nguyên Bình theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	72,18	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,71	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,63	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	3,37	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	22,93	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	617,4	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	93,8	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	95,3	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,73	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	20,46	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	86,23	Đạt

PHỤ LỤC 02.15

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Mai Lâm theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,59	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	81,61	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	2,89	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,6	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,1	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	19,53	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	545,9	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	95,2	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	98,5	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,31	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	21,49	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	84,45	Đạt

PHỤ LỤC 02.16

Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Tĩnh Hải theo tiêu chuẩn thành lập phường

I Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	8,74	8,56	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	70	78,92	Đạt

II Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Mức quy định	Năm 2018	Đánh giá
1	Đất công trình GDMN và PTCS	m ² /người	≥ 2,7	3,21	Đạt
2	Trạm Y tế (≥ 500 m ² /trạm)	Trạm/5.000 ng	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000 m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,61	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	Công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng đất công cộng	m ² /người	≥ 2	2,33	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 7	21,85	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	≥ 350	467,4	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 90	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 90	96	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 3	3,19	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 15	19,54	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 70	85,55	Đạt